THƯ VIỆN BẢO TÀNG ĐẮK LẮK
TV 2,171

BUÔN MA THUỘT
Xưa & Nay

KỈ NIỆM 100 NĂM BUÔN MA THUỘT (1904 - 2004)

ỦY BAN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ XƯA & NAY

0913 08 83 85

Lời giới thiệu

Địa danh Buôn Ma Thuột xuất hiện từ cuối thế kỷ thứ XIX nhưng mãi đến năm 1904, Buôn Ma Thuột mới được ghi trên bản đồ hành chính với vị trí là tỉnh lỵ của Dak Lak. Từ năm 1913, Buôn Ma Thuột được nâng lên là đại lý hành chính và đến năm 1930 trở thành thị xã.

Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, đến giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX, thị xã Buôn Ma Thuột được Nhà nước quyết định nâng lên thành phố Buôn Ma Thuột (theo Nghị định 8/CP ngày 21/1/1995). Như vậy qua 100 năm hình thành và phát triển, mặc dù có nhiều lần thay đổi về cấp hành chính nhưng Buôn Ma Thuột vẫn luôn là thủ phủ, lỵ sở của tỉnh Dak Lak. Điều đó chứng tỏ vị trí quan trọng của thành phố. Buôn Ma Thuột xưa cũng như nay không những là trung tâm chính trị, kinh tế xã hội của Daklak mà cho cả khu vực Tây Nguyên.

Sự kiện kỷ niệm 100 năm Buôn Ma Thuột được diễn ra trong bối cảnh chung của đất nước đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa hội nhập

và phát triển văn hóa xã hội trên cơ sở gìn giữ và phát huy vốn văn hoá dân tộc. Đây cũng là một phần của tinh thần "ôn cố tri tân" đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của thành phố Buôn Ma Thuột.

Sách Buôn Ma Thuột Xưa & Nay *là tập hợp những bài viết của nhiều tác giả, biên soạn theo nhiều đề tài khác nhau, nhằm cung cấp những tư liệu về lịch sử hình thành và phát triển Buôn Ma Thuột, nêu bật được truyền thống đấu tranh của Đảng bộ, chính quyền và đồng bào Buôn Ma Thuột trong suốt hai cuộc kháng chiến vừa qua, đồng thời giới thiệu những thành tựu kinh tế - văn hóa - xã hội của Buôn Ma Thuột trong ba mươi năm qua và những định hướng phát triển trong giai đoạn sắp đến.*

Sách Buôn Ma Thuột Xưa & Nay *được xuất bản trên cơ sở sự hợp tác giữa UBND thành phố Buôn Ma Thuột - Tạp chí* Xưa & Nay *- Nhà xuất Bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh và phát hành đúng vào dịp kỷ niệm 100 năm Buôn Ma Thuột.*

Chúng tôi hy vọng rằng, sách Buôn Ma Thuột Xưa & Nay *sẽ là món quà có ý nghĩa gởi đến bạn bè gần xa và đồng bào các dân tộc thành phố Buôn Ma Thuột trong những ngày vui trọng đại này.*

Chúng tôi cũng mong nhận được những ý kiến đóng góp phê bình của bạn đọc nhân lần đầu sách Buôn Ma Thuột Xưa & Nay *được ra mắt.*

Trân trọng.

UBND TP. BUÔN MA THUỘT
TẠP CHÍ *XƯA & NAY*
NXB TỔNG HỢP TP. HCM

Bác Hồ trong lòng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên

ĐÔNG HẢI

Ngày 19-4-1946, Hội nghị các dân tộc thiểu số miền Nam được tổ chức tại Pleiku. Trên 100 đại biểu các dân tộc Tây Nguyên, Nam Trung bộ đã về dự hội nghị. Trong hội nghị này các đại biểu đã vinh dự đón nhận bức thư của Hồ Chủ tịch. Bức thư có đoạn: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê đê, Xê đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng, khổ, cùng nhau, no, đói giúp nhau... Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt...".

Đó là tình cảm cao quý của Người đối với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, như truyền thêm sức mạnh cho đồng bào vững niềm tin theo Đảng, Bác Hồ, đoàn kết đứng lên làm cách mạng, đánh đuổi quân xâm lược, giải phóng núi rừng Tây Nguyên.

Vui ngày độc lập, đồng bào hát vang bài ca.

Người cứu dân tộc mình

Cho suối đánh đàn, cho hoa Gơ ma nở
Cho nương đầy lúa, rẫy đầy khoai
Cho núi sông đầy cá nước hoa ngàn
Cho con gái cườm đeo quanh cổ
Là Bác Hồ Chí Minh

(Dân ca Ja Rai)

-Bác sĩ Y Ngông kể chuyện Bác Hồ:

Bác sĩ Y Ngông Niê Kdăm kể lại rằng, hồi mới đi theo Cách mạng, được đọc cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh, tôi đã xúc động nói với đồng bào mình: "Cương lĩnh Mặt trận Việt Minh như ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào cuộc đời tối tăm của các dân tộc Tây Nguyên".

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, bác sĩ Y Ngông được trúng cử vào Quốc hội. Trong buổi đầu tiên Quốc hội ra mắt, bác sĩ Y Ngông được nghe Bác Hồ phát biểu: "Ngày nay, nước Việt Nam là nước chung của người Kinh và người Thượng". Tôi thấy Bác Hồ gần gũi với các dân tộc Tây Nguyên quá. Bác như một nhân vật thần kỳ hiện ra từ ước mơ của các dân tộc Tây Nguyên... trong lòng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, Bác là ông sao sáng nhất trên trời, là bông hoa đẹp nhất trong rừng, là gạo trong ché, là muối trong ống. Bác là ngọn nguồn của hy vọng, ước mơ, nghị lực của nhân dân các dân tộc".

Bác sĩ Y Ngông kể tiếp: "Tôi còn nhớ một chuyện xảy ra năm 1949, giặc Pháp vào một làng Ê đê ở Dak Lak, chúng đem hai tấm ảnh, một ảnh Đắc - Giăng - Liơ và một ảnh Hồ Chủ tịch, ra hỏi dân làng:

Ai là Hồ Chí Minh, ai là Đắc - Giang - Liơ?

Người gầy gầy là ông Hồ Chí Minh, người mũi lõ là Đắc - Giăng - Liơ.

Ai tốt, ai xấu?

Ông Hồ Chí Minh tốt, Đắc-Giăng-Liơ xấu.

Vì sao ông Hồ Chí Minh tốt?

Vì Người lãnh đạo đánh thực dân Pháp, phát xít Nhật, đem lại hạnh phúc cho dân tộc chúng tôi. Thực dân Pháp là kẻ thù xâm lược. Bọn chúng thất vọng. Hai khẩu súng liên thanh đặt hai bên đã dã man xả đạn như mưa vào quần chúng, giết hàng trăm người".

- Chuyện em Nay Peng: làm liên lạc cho một cơ sở thuộc vùng đồng bào Gai Rai, chẳng may bị sa vào tay giặc. Bọn chúng tra khảo em:

Có phải mày làm liên lạc cho cộng sản không?

Em trả lời cứng cỏi:

Không, tôi chỉ là trẻ chăn trâu trong làng.

Thằng Tây tóm ngực áo em xé toạc ra, một chiếc huy hiệu nhỏ xíu rớt xuống đất. Em xô đến chộp lấy. Đó là chiếc huy hiệu Bác Hồ, em được thưởng trong một chuyến đi công tác. Em giấu chiếc huy hiệu Bác Hồ nơi túi áo bên trong ngực. Thằng Tây giằng tay em ra, nhưng không được. Mấy lần huy hiệu rơi ra, nhưng em giằng lại được. Thằng Tây đánh em dã man, càng đánh em càng nắm chặt. Thằng Tây lấy lưỡi lê đâm vào tim em, máu trào ra. Em thản nhiên nhét chiếc huy hiệu vào chỗ vết thương, ngó thẳng vào mặt kẻ thù..."

Lòng kính yêu Bác Hồ của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nhiều như cây rừng, cao như núi đá, dài như con suối. Từng rễ cây rừng, cũng muốn uống nước nguồn của Bác Hồ, từng lá cây trên núi cũng muốn đón gió của Bác Hồ.

- Chị Nay H'Vin, dân tộc Gia Rai, lúc bấy giờ ở đoàn văn công Tây Nguyên kể lại: "Hồi đó, tuy đất nước còn nghèo, nhưng khi chúng tôi ra tập kết, Bác cho chúng tôi mỗi người một chiếc áo dạ rất đẹp. Không những thế Người còn

đến thăm. Người gọi: - các cháu Tây Nguyên đến bắt tay Bác nào! Thật là ấm cúng như tình cha con".

"Lần thứ hai tôi được gặp Bác Hồ là trong dịp biểu diễn để chào mừng khách ngoại quốc đến thăm nước ta. Buổi biểu diễn này có nhiều đoàn văn công tham dự. Khi đoàn chúng tôi biểu diễn, tôi thấy Bác chăm chú theo dõi, thỉnh thoảng nói chuyện với vị khách ngoại quốc ngồi bên cạnh và chỉ tay lên phía chúng tôi. Tôi đoán là Bác đang giới thiệu nghệ thuật các dân tộc Tây Nguyên với vị khách đó.

Sau buổi biểu diễn, Bác cho chúng tôi chụp ảnh chung để kỷ niệm. Anh chị em cứ sán đến để được đứng cạnh Bác. Chụp ảnh xong, Bác hỏi tôi:

- "Sao độ này cháu Vin gầy thế? Cháu Kim Nhớ đi đâu sao hôm nay không có mặt?

Có một lần Bác gửi cho chúng tôi một bó lông công để dùng trang trí mũ mão theo phong cách dân tộc. Nhận được bó lông công đó, chúng tôi cảm thấy không những Bác am hiểu phong tục, nghệ thuật của các dân tộc Tây Nguyên mà còn tỏ ra trân trọng nữa. Điều đó cũng nói lên một phần, Bác khuyến kích chúng tôi trau dồi đi sâu vào nghệ thuật dân tộc".

- Anh A Vai, dân tộc PaKô, anh hùng lực lượng vũ trang kể:

- "Ngày ấy, Mỹ Diệm lê máy chém đi khắp Tây Nguyên. A Vân, một trai làng của dân tộc Pa Kô, dẫn dân làng đi gặt lúa, tiếp tế cho cách mạng. Mọi người đang gặt thì địch đến càn. A Vân hô lớn báo hiệu cho bà con rút chạy. Anh ở lại đánh lạc hướng và bị địch bắt. Bọn chúng tra khảo anh, nhưng anh không hề khai lấy nửa lời. Chúng đánh đập anh rất dã man làm anh ngất đi nhiều lần. Khi tỉnh dậy chúng lấy đinh đóng vào mười đầu ngón tay và mười ngón chân của anh vào cây Tyo. Anh A Vân đau đớn nhưng không hề kêu than lấy một lời. Anh im lặng nhìn thẳng vào mặt quân thù. Cái nhìn im lặng và cặp mắt của

anh làm cho quân thù khiếp sợ. Chúng phải dùng đến lưỡi lê đâm vào ngực anh. Trước khi hy sinh, A Vân đã gọi A Voóc Hồ ba lần.

Hôm tôi lên đường ra thăm miền Bắc, các già làng băn khoăn sợ tôi còn trẻ không nói hết tấm lòng của người Pa Kô với A Voóc Hồ, với cách mạng và đồng bào miền Bắc ruột thịt, nên các già làng đã căn dặn tôi: "Nếu được gặp A Voóc Hồ, con không biết nói điều gì thì cứ kể chuyện A Vân và cây Tyo kia cho A Voóc Hồ nghe là đủ, vì đó là tấm lòng của người Pa Kô chúng ta đối với A Voóc Hồ".

"Xe dừng lại trước cổng Phủ Chủ tịch. Xuống xe, chân dẫm nhẹ trên những lớp sỏi nhỏ nơi sân nhà A Voóc Hồ, lòng tôi hồi hộp, trống ngực đánh rộn lên; không khí thoang thoảng một mùi hoa rừng rất thân quen, tôi đưa mắt nhìn những hàng cây xanh tốt rợp bóng mát thì ôi chao hoa rừng Trường Sơn cũng về đây nở bên Người... cả ngôi nhà A Voóc Hồ ở và làm việc nữa, tôi cũng thấy gần gũi quen thuộc lạ thường, giữa thủ đô mà mình như đang ở giữa Trường Sơn. A Voóc Hồ cũng ở nhà sàn như bao người thường...

Gặp A Voóc Hồ, Người ghì chặt lấy chúng tôi rất mực yêu thương... sáu bác cháu kết lại với nhau thành một khối. Gương mặt ai cũng đầm đìa nước mắt vì mừng, vui, cảm động.

A Voóc Hồ nhìn chúng tôi âu yếm rồi nói:

Bác mong các cháu và nhớ đồng bào miền Nam lắm!

Sau đó, A Voóc Hồ hỏi thăm sức khỏe từng người và đồng bào từng dân tộc Tây Nguyên... giữa lãnh tụ và chúng tôi hình như không có một khoảng cách nào".

- Chuyện già làng AMa Ril: Gần đây, chúng tôi về thăm lại vùng căn cứ kháng chiến Buôn Ngô, huyện Krông Bông, được gặp già làng A Ma Ril là một du kích dũng cảm thời kháng chiến

chống Mỹ, cứu nước, đã từng dùng tên tẩm thuốc độc bắn chết nhiều lính Mỹ đẩy lùi nhiều trận càn của địch, bảo vệ an toàn vùng căn cứ kháng chiến của ta. Gặp lại chúng tôi, AMa Ril mừng lắm. Sau một ngày leo trèo vượt suối, dẫn chúng tôi vào thăm lại hang đá Buôn Ngô, A Ma Ril tiếp chúng tôi dưới mái nhà sàn, bên ché rượu cần và nói:

Có được cuộc sống ấm no như hôm nay, người dân Buôn Ngô ơn Bác Hồ, ơn Đảng lắm. Ơn này cao như núi Yang Sin, dài như sông Krông Bông, người Buôn Ngô khắc sâu muôn đời.

Rồi A Ma Ril lấy ra một gói nhỏ được bọc nhiều lớp vải và giấy, trong đó có một ảnh Bác Hồ và một lá cờ đỏ sao vàng bằng giấy lụa.

A Ma Ril nói: "Ảnh Bác Hồ và lá cờ Tổ quốc này là do một cán bộ miền Nam tặng mình hồi mới đánh xong giặc Pháp, tập kết ra miền Bắc. Mình giữ vật quý này gần 30 năm rồi đây. Trong những năm đánh Mỹ ác liệt, mấy lần buôn làng bị cháy, bọn địch càn đi quét lại nhiều lần, nhưng mình vẫn giữ nó. Hai vật quý này là niềm tin của mình, của Buôn Ngô đối với Bác Hồ, với cách mạng đó".

Rồi A Ma Ril kể tiếp: "Hồi kháng chiến chống Mỹ, buôn mình có 3 người gùi gạo vào rừng cho cách mạng. Trên đường đi họ gặp một toán biệt kích, chúng bắt được 3 người và định đưa ra bắn. Trong nhóm người đó có già làng A Ma Ya, ông nói với lính ngụy: "Trước sau gì bọn mày cũng bắn chúng tao nhưng trước khi đưa ra bắn, bọn mày cho tao được hát. Thế rồi. AMa Ya hát bài khan Ê đê. Cả toán lính ngụy, chủ yếu là người dân tộc, ngồi nghe im phăng phắc theo lời kể khan của AMa Ya. Kể xong già làng AMa Ya nói: cán bộ, bộ đội Cụ Hồ là cách mạng, họ cũng tốt như Đam San, đánh kẻ ác, cứu người nghèo khổ bảo vệ làng buôn. Bọn mày là con em đồng bào, nên quay súng trở về với cách mạng, với Bác Hồ, để được như Đam San diệt kẻ ác cứu đồng bào, buôn làng mình.

Nghe AMa Ya nói vậy, một tên lính đứng lên nói "già làng nói trúng cái bụng của chúng mình lắm. Thôi chúng mình đi theo già làng về với cách mạng, anh em ơi! Thế là cả toán lính ngụy trở về với cách mạng".

Kể xong A Ma Ril cười sảng khoái và nói: tình cảm của người dân Buôn Ngô đối với Bác Hồ, đối với cách mạng là thế đó".

- Cất giấu ảnh Bác: sống trong vùng tạm chiếm, dưới nanh vuốt của bọn thực dân Pháp, đồng bào Jarai ở vùng Cheo Reo vô cùng tin tưởng vào đường lối kháng chiến của Bác Hồ và Chính phủ. Có một già làng ở Plei Pa, được Cách mạng thưởng cho một tấm ảnh Bác Hồ, vì có những thành tích xuất sắc trong Cách mạng tháng Tám (1945). Cuối năm 1946, thực dân Pháp lại chiếm đóng Tây Nguyên, buôn Plei Pa nằm trong vùng chiếm đóng của bọn Pháp. Bọn địch dọa sẽ bỏ tù bất kỳ ai liên lạc với Việt Minh, treo ảnh Cụ Hồ, treo cờ cách mạng.

Trước tình hình ấy, già làng buôn Plei Pa bí mật họp một số bà con tích cực trong buôn bàn về việc tiếp tế gạo, muối cho cán bộ bằng cách cho các em nhỏ đưa đàn bò đi ăn trong rừng sâu để tiếp tế lương thực và liên lạc với cán bộ. Riêng về bức ảnh của Bác Hồ, già làng cuộn tròn lại bỏ vào ống tre nút chặt lại rồi đem chôn ngoài rẫy. Hàng tháng, già làng lại đào lên, mở ra ngắm hình ảnh Bác, và hứa thầm sẽ làm đúng theo lời Bác dạy, góp phần ủng hộ kháng chiến mau chóng thành công.

Năm 1954, kháng chiến thắng lợi, già làng lại đào bức ảnh Bác Hồ lên cho vào khung lớn, cùng bà con trong buôn rước ảnh Bác Hồ đón chào quê hương giải phóng.

- Y Ngok và tấm hình Bác Hồ: Trong những bức hình Hồ Chủ tịch, do đồng bào Ê đê rước trong buổi lễ mừng ngày kháng chiến chống Pháp thắng lợi ở M'Drăk, người ta để ý đến bức hình của Bác đã cũ, in litô trên giấy láng trong những ngày đầu giành được chính quyền. Người cầm bức hình đó là anh Y

Ngok, buôn trưởng Buôn Ur. Khi hỏi anh vì sao có bức hình của Bác? Anh trả lời: "Đó là bức hình kỷ niệm do một cán bộ bộ đội tặng năm 1946. Từ ngày ấy đến giờ, tôi cuộn lại cất trong ống tre và gác ở trên bếp. Đi đâu tôi đều dặn vợ, con trông coi cẩn thận. Nếu có chuyện gì xảy ra, như Tây đi càn, hoặc phải đi sơ tán thì phải mang ra ngoài rẫy cất giấu cho kỹ, đừng cho ai biết".

Nói xong, anh rút trong người ra một cái ống nhỏ rồi lấy ra một tờ bạc hai mươi đồng và một tờ mười đồng. Anh em hỏi "Sao không đổi tín phiếu mà tiêu?". Anh nói: "Tôi thấy hình ảnh của Bác Hồ đẹp quá, muốn giữ mãi làm kỷ niệm. Vì Bác là ông tiên mang hạnh phúc đến cho buôn làng chúng ta mà". Nói xong, anh cuộn hai tờ bạc lại bỏ vào ống, hai tay nâng tấm hình Bác Hồ mà anh bộ đội tặng năm 1946 đưa về nhà treo lên chỗ trang trọng nhất. Bà con trong buôn đến chật cả nhà Y Ngok, mọi người cứ ngắm nhìn tấm hình Bác Hồ mãi. Ai cũng bảo Bác Hồ là ông mặt trời soi đường chỉ lối cho người Tây Nguyên đoàn kết đứng lên đánh Pháp, giành lại núi rừng, quê hương.

- Cụ Hồ đưa độc lập, hòa bình cho dân: Sau đình chiến (1946), cách mạng phát ảnh Bác Hồ và quốc kỳ cho đồng bào các dân tộc treo trong nhà. Buôn Mlát (huyện M'Drăk) nhà nào cũng treo cờ và ảnh Bác Hồ. Ở gần buôn, có đồn địch đóng, hàng ngày bọn lính thường vào buôn để bắt heo gà của dân, chúng đến nhà nào cũng thấy treo cờ và ảnh Bác Hồ, thì rất hoang mang, chỉ sợ Việt Minh bất ngờ xông ra bắt sống, nên không dám đụng đến tài sản của dân. Một hôm, mọi người trong buôn lên rẫy hết, chúng vào một gia đình, thấy một cụ già đang ngồi đan gùi trước sàn, liền hỏi: "Ai bảo treo cờ và ảnh này?" Cụ già trả lời: "Không ai bảo cả, đây là Cụ Hồ đưa độc lập hòa bình cho đồng bào, thì đồng bào treo để nhớ ơn Người. Nếu bọn nào to gan đụng đến, thì sẽ bị cách mạng trừng trị". Bọn lính nghe cụ già nói một cách rõ ràng cương quyết như vậy, chúng không

dám hỏi gì thêm, liền lủi về đồn và từ đó không dám vào buôn quấy phá dân nữa.

- Ché rượu Bác Hồ: Trong tháng ba vừa rồi chúng tôi vào thăm buôn Nang Tâng, xã Yang Mao (Krông Bông) trước đây là căn cứ kháng chiến của tỉnh Dak Lak. Được gặp già làng Âe Tao, chúng tôi hỏi:

Vừa qua buôn mình có ai nghe theo bọn xấu xúi giục để kéo lên thành phố Buôn Ma Thuột biểu tình gây rối không?

Không có ai cả, bà con buôn Nang Tâng mình không bao giờ nghe lời bọn xấu đâu, chỉ nghe theo lời Đảng, Bác Hồ thôi!

Nghe giọng nói và nhìn ánh mắt long lanh, chân tình của già làng, tôi càng tin già làng Âe Tao và bà con dân tộc M'nông Kuênh, buôn Nang Tâng, dù trong điều kiện và hoàn cảnh nào vẫn luôn tin tưởng và đi theo đường lối của Bác Hồ của Đảng.

Trước khi ra về, già làng Âe Tao mời chúng tôi uống rượu cần. Già nói:

Đây là ché rượu Bác Hồ mà đồng bào buôn mình thường gọi là Yang Wa Hồ. Mình còn nhớ, năm 1945, nhờ Wa Hồ chỉ lối, đồng bào buôn mình cùng các buôn gần xa ở Krông Bông đoàn kết đứng lên đánh đuổi Nhật, Pháp giành lại quê hương núi rừng. Vui ngày buôn làng được giải phóng, mình đổi cái ché này bằng một con trâu của một người Lào, rồi ủ rượu mời cán bộ Wa Hồ cùng uống để mừng Cách mạng tháng Tám thành công. Từ đó mình đặt tên ché là Yang Wa Hồ để nhớ ơn Người. Nào mời cán bộ uống ché rượu này để mừng cho buôn Nang Tâng đổi mới, một lòng theo Đảng, Wa Hồ.

- Cụ Y Bih Alêô được gặp Bác Hồ:

Cụ Y Bih Alêô, dân tộc Ê đê, nguyên là Phó Chủ tịch đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, ủy viên hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng

lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, được hân hạnh gặp Bác, sau khi Người thăm hỏi ân cần... cụ mạnh dạn thưa với Bác "đồng bào Tây Nguyên còn nghèo lắm, nghèo cả cán bộ nữa, muốn xin Bác cho nhiều cán bộ giỏi ạ".

Bác cười và nhẹ nhàng hỏi lại:

"Đồng bào ta có nuôi gà không?

Thưa Bác, đồng bào nuôi nhiều gà lắm.

Đồng bào nuôi nhiều gà như vậy là tốt, lần này gà đẻ 5 trứng, lần sau 6 trứng, 10 trứng rồi nở thành con. Chính những con gà đẻ và nở trong vùng ấy mới thích hợp với hoàn cảnh ở đó... cứ mỗi năm có một, hai cán bộ dân tộc đi làm cách mạng, nhiều năm sẽ có nhiều cán bộ gương mẫu, hiểu tâm tư nguyện vọng của dân tộc mình...".

Cụ Y Bih Alêô khẳng định: "Tình cảm của Bác Hồ với dân tộc là sức mạnh vô biên, luôn luôn tràn đầy như nước sông Ba và cao như ngọn núi Čŭ Yang Sin. Chúng tôi nhớ lời Bác Hồ và uống rượu cần thề với nhau sẽ mãi mãi đi theo con đường của Bác vạch ra để giải phóng quê hương".

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, nhưng chủ trương của Bác về vấn đề dân tộc vẫn còn in đậm trong trái tim chúng ta, tình cảm của Bác Hồ đối với đồng bào dân tộc Tây Nguyên vẫn sống mãi trong lòng mọi người. Nó đã trở thành niềm tin, sức mạnh của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên vững bước đi theo con đường của Bác Hồ đã chọn, để bảo vệ và xây dựng Tây Nguyên ngày càng đẹp giàu. Với niềm tin yêu đó, đồng bào Tây Nguyên hát vang bài ca:

"Uống chén nước có tấm lòng của Đảng

Ăn bát cơm có tình nghĩa Bác Hồ"

(Dân ca Ê đê)

Từ làng Lạc Giao đến Buôn Ma Thuột

MINH NGỌC

Làng Lạc Giao có từ bao giờ? Hiện nay rất ít người biết đến, nó chỉ còn trong ký ức của một số người già ở Buôn Ma Thuột và mỗi khi nhớ đến họ lại kể cho con cháu nghe như những trang huyền thoại đầy hấp dẫn.

Các cụ làng Lạc Giao kể rằng: Thuở ấy, khoảng vào năm 1920, có ông Phan Hộ ở tỉnh Quảng Nam dời làng vào sinh sống tại quận Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Ở vùng đất này, ông thường tổ chức buôn bán, trao đổi hàng hóa với các làng trong vùng. Dần dần ông cùng với trai tráng trong làng mở rộng giao lưu trao đổi hàng hóa với người Thượng. Lúc ấy đường lên Cao Nguyên Dak Lak chưa có đường như bây giờ. Ông Phan Hộ cùng các trai làng phải đi bằng, ngựa xuyên qua rừng, vượt đèo, leo núi vài tháng trời mới đến được vùng M'drăk rồi đến Buôn Ma Thuột để trao đổi hàng hóa với đồng bào bản địa nơi đây. Qua nhiều năm giao lưu trao đổi hàng hóa với người Ê đê ở Buôn Ma Thuột, thấy vùng đất này giàu lòng mến người quý khách, núi đồi rộng lớn, đất đỏ bazan màu mỡ, dễ làm ăn, nên ông đã vận động hơn chục

gia đình di cư lên Buôn Ma Thuột để làm ăn sinh sống.

Năm 1925, ông Phan Hộ được sự giúp đỡ của ông Ama Thuột và chính quyền địa phương nơi đây, ông đã đứng ra thành lập làng Lạc Giao[1] (Lạc, nghĩa là con cháu lạc hồng, Giao là nơi bang giao Kinh - Thượng). Sau khi làng Lạc Giao thành lập được vài tháng, dân làng lại góp tiền của dựng lên một ngôi đình bằng tre, gọi là đình Lạc Giao, ngôi đình rộng khoảng gần 100 mét vuông làm nơi sinh hoạt văn hóa của làng. Đến năm 1930 Triều đình Nhà Nguyễn phong sắc cho làng được thờ thần hoàng *Đào Duy Từ*.

Lúc bấy giờ làng Lạc Giao có khoảng vài chục hộ, đa số là dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Thừa Thiên-Huế, chủ yếu sinh sống bằng nghề buôn bán, làm rẫy, một số người làm cu ly ở các đồn điền cao su, cà phê của thực dân Pháp. Dần dần người đến định cư nơi đây đông đúc hẳn lên, đến năm 1929 do nhu cầu sinh hoạt, buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa người Kinh và người Thượng, làng Lạc Giao lại hình thành thêm một cái chợ lồng nhỏ làm bằng tranh tre rộng khoảng trên 250 mét vuông gọi là chợ Lạc Giao, sau này được gọi là chợ Buôn Ma Thuột.

Ngày 06/1/1942 Khâm sứ Trung kỳ ban hành Nghị định số 3268, chia Dak Lak thành 3 quận, 2 đại lý và 7 tổng. Quận Buôn Ma Thuột có các tổng: Buôn Ma Thuột, Buôn Dung, Ea Knir, K'mrong Prong, Buôn Đôn, Ea Hbong, Ea Tur, Ea Yong.

Từ năm 1930 đến năm 1945, một số gia đình ở làng Lạc Giao thường bí mật quan hệ với tù chính trị ở Nhà đày Buôn Ma Thuột. Lúc thì tiếp tế lương thực thuốc men, lúc thì cung cấp tài liệu, báo chí Cách mạng. Có nhiều lần tù chính trị ở nhà đày bị địch bắt làm khổ sai, khi đi ngang qua làng Lạc Giao, đồng bào nơi đây đã mang bánh trái, thuốc men cho tù nhân với tấm lòng đầy kính phục. Từ mối quan hệ đó mà làng Lạc Giao đã trở thành cơ sở Cách mạng, che giấu, bảo vệ cán bộ của ta trong những tháng năm gian khổ hoạt động xây dựng phong trào Cách mạng. Chính

vì vậy mà trong những ngày Cách mạng tháng Tám đầy sôi động ở Dak Lak, đồng bào làng Lạc Giao cùng với đồng bào các dân tộc khắp mọi buôn làng theo lời kêu gọi của Đảng, Bác Hồ đứng lên đánh đuổi Nhật, Pháp giành quyền về tay nhân dân. Trong những ngày lịch sử trọng đại này, Ủy ban Cách mạng lâm thời của tỉnh đã họp để chỉ đạo phong trào Cách mạng tại đình Lạc Giao, đánh dấu một mốc son lịch sử của một làng người Việt trên Cao Nguyên Dak Lak.

Ngày 27-10 năm Ất Dậu (1945), hơn 100 chiến sĩ Nam tiến đã anh dũng hy sinh tại gốc đa, khu Bảo An cũ (nay là khu tượng đài "Bác Hồ với thiếu nhi Dak Lak"). Đồng bào làng Lạc Giao đã chôn cất các chiến sĩ một cách chu đáo, đồng thời hàng năm lấy ngày 27-10 (âm lịch) làm ngày lễ của làng nhằm tưởng nhớ các chiến sĩ Nam tiến đã anh dũng hy sinh vì mảnh đất Cao Nguyên này. Họ còn động viên con cháu noi gương các anh tiếp bước lên đường đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng quê hương.

Năm 1961, làng Lạc Giao được chia làm bốn khu (từ khu 1 đến khu 4), mỗi khu khoảng 2000 dân. Năm 1965, làng đổi thành xã Châu Thành- Lạc Giao vẫn giữ nguyên bốn khu như cũ. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, làng Lạc Giao đã cùng với đồng bào các dân tộc Dak Lak đã đóng góp nhiều sức người sức của cho cuộc kháng chiến, mà đỉnh cao là cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân (1-1968) và chiến dịch giải phóng Buôn Ma Thuột 10-3-1975, góp phần giải phóng Dak Lak, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Từ làng Lạc Giao ngày ấy, đến thành phố Buôn Ma Thuột hôm nay là một quá trình hình thành và phát triển gần 1 thế kỷ và phải đổ bao nhiêu máu xương, mồ hôi và nước mắt của bao thế hệ cha anh mới có được. Buôn Ma Thuột hôm nay đã trở thành một thành phố trên Cao Nguyên Dak Lak, có diện tích tự nhiên 36.862 ha, 299.310 nhân khẩu[2], với 21 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 13 phường, 8 xã: Phường Thống Nhất, Thành

BẢO TÀNG DAK LAK
THƯ VIỆN CHUYÊN NGÀNH
1710/05

Nhất, Thắng Lợi, Tân Lợi, Thành Công, Tân Thành, Tân Tiến, Tự An, Tân Lập, Tân An, Tân Hòa, Ea Tam, Khánh Xuân; và các xã Ea Tu, Hòa Thuận, Hòa Thắng, Cư Ea Bur, Ea Kao, Hòa Phú, Hòa Khánh, Hòa Xuân. Hiện nay thành phố Buôn Ma Thuột có 31 dân tộc anh em, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 45.000 người, còn lại là đồng bào người Kinh từ khắp mọi miền của Tổ quốc về đây cùng với các dân tộc anh em xây dựng và phát triển Buôn Ma Thuột ngày càng giàu đẹp.

Qua tìm hiểu chúng tôi được biết, nguyện vọng của đồng bào Lạc Giao là muốn trùng tu nâng cấp đình Lạc Giao cho khang trang hơn (vì Đình được xây dựng hơn 75 năm, nay đã hư hỏng nhiều), đồng thời muốn chính quyền địa phương khôi phục lại làng Lạc Giao, hoặc đặt tên Lạc Giao thành một tên phường cụ thể của thành phố Buôn Ma Thuột, nhằm mục đích giáo dục cho cháu con về truyền thống của ông cha đã đổ máu xương để giữ gìn và xây dựng Buôn Ma Thuột đàng hoàng, to đẹp như ngày hôm nay.

---

(1) Theo *"Lịch sử Phong trào Cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Thị xã Buôn Ma Thuột"*, tập I (1930 - 1954), thì làng Lạc Giao được thành lập năm 1928.

(2) Theo Nghị định của Chính phủ số 04/2004/NĐ-CP ngày 02/01/2004 về việc điều chỉnh địa giới hành chính Huyện Lăk và Thành phố Buôn Ma Thuột.

Buôn Ma Thuột 100 năm hình thành & phát triển (1904 - 2004)

PHẠM SANG

Sau khi tiến hành xâm lược và bình định được vùng Tây Nguyên, thực dân Pháp bắt tay vào xây dựng bộ máy thống trị. Ngày 2 - 1 - 1899, Toàn quyền Đông Dương P.Đu - Me (Pauul Doumer) ký nghị định thành lập tỉnh Dak Lak tự trị, đặt cơ sở hành chính tại Bản Đôn, do Buốc - gioa (Bourgeois) làm công sứ.

Ngày 22-11-1904, theo đề nghị của hội đồng tối cao Đông Dương trong phiên họp ngày 26-8-1904, Toàn quyền P.Bô (Paul Beau) ký quyết định thành lập tỉnh Dak Lak, đồng thời chuyển tỉnh lỵ từ Bản Đôn về Buôn Ma Thuột đặt dưới quyền giám sát và quản lý của Khâm sứ Trung kỳ. Viên công sứ Dak Lak thời kỳ này là Bác - đanh (Bardin). Lúc mới thành lập, chỉ có cấp tỉnh, còn ở cấp dưới vẫn là các buôn làng của đồng bào dân tộc thiểu số.

Sau gần một năm trở thành tỉnh lỵ của Dak Lak, Buôn Ma Thuột đã có nhiều thay đổi. Sự thay đổi đó được Hăng - ri Mét

(Herri Maitre) mô tả trong đoạn văn ghi ngày 9 - 9 - 1905 như sau : *"Trên các sườn đồi xanh rờn, ở chính giữa, chạy quanh có một con suối tên là Ea - Tam. Những căn nhà san đơn sơ được dựng lên bằng phên tre đan xinh đẹp, nóc lợp bằng rơm rạ. Tất cả được bao bọc bởi những hàng rào có xen kẻ những con đường rất xinh đẹp. Trên ngọn suối là những chiếc cầu. Trên các ngọn núi phía Nam, toà sứ và các nhà xung quanh tiếp giáp phụ thuộc, nằm ngay giữa một khu vườn trồng ổi xoài, tùng bách, cây cọ còn xanh non, những bồn hoa có cả hoa anh đào của Nhật khoe sắc. Trên một bậc cao là sân chơi quần vợt rất quen thuộc dành cho người Anh. Hơi lùi về phía sau một chút, trên một tầng cấp khác đằng sau một hàng rào bằng cây chuối, hoa sứ và hoa dâm bụt. Tòa Công sứ là một dinh thự xinh xắn, loại nhà có sàn chắc chắn, vách tường làm bằng thân tre cán dẹp và đan bện, nóc nhà rộng được lợp bằng rơm rạ. Một ngôi nhà tương tự như nhà nghỉ mát duyên dáng của Thụy Sĩ, ở bên trên, quốc kỳ của Pháp tung bay phấp phới".*

Những điều ghi nhận trên đây của Hăng - ri Mét đã được thể hiện trên tấm bản đồ Buôn Ma Thuột năm 1905. Từ ngày thành lập đã xây dựng được nhiều cơ sở hạ tầng như :toà công sứ, văn phòng làm việc, bốt cảnh sát, trại lính, nhà tù, bệnh xá, trường học, nhà ở của người Pháp, nhà hàng và một ngôi chùa. Đã có khoảng 5,6 tuyến đường nội thị và những tuyến đường đi Ninh Hòa, Mê Wal, Bản Đôn và Lak.

Ngày 9-2-1913, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập tỉnh KonTum (trước là đại lý Kontum trực thuộc tòa Công sứ Quy Nhơn), bao gồm địa lý KonTum tách khỏi tỉnh Bình Định, Đại lý Cheo Leo tách từ tỉnh Phú Yên và Đại lý Dak Lak (tỉnh Dak Lak bị giải thể, hạ xuống làm một đại lý). Từ đó, tỉnh Dak Lak không còn nữa, nhưng địa danh Dak Lak vẫn còn.

Ngày 22-7-1923, theo đề nghị của công sứ L. Sabatier, Toàn quyền Đông Dương ra quyết định tách đại lý Dak Lak ra khỏi

tỉnh KonTum để tái lập tỉnh Dak Lak. Ngày 8-4-1924, Giran ngạch tham biện hạng 1 được cử làm Công sứ Dak Lak thay Sabalier. Tỉnh lỵ đóng tại Buôn Ma Thuột. Thời gian này vẫn chưa thành lập quận, tổng,mà chỉ có các buôn làng.

Từ thời Sabatier làm công sứ tỉnh Dak Lak, thực dân Pháp đẩy mạnh việc xây dựng Buôn Ma Thuột để phục vụ chính sách thống trị lâu dài của chúng ở vùng đất này. Trong nội thị, đã xây cất các công sở của Pháp như: tòa đại lý (sau là tòa Công sứ), sở nông nghiệp và thú y, sở công chính, bưu điện, trại lính, bệnh viện, nhà tù, trường học, cửa hàng, khách sạn, chợ, nhà máy gạch, ngói, vôi ; khu dân cư của người Việt, người Âu xen kẻ với một số buôn làng của người Ê Đê; các công trình phục vụ và vui chơi cho bọn thực dân như: rạp hát, sân vận động, bể bơi, cả nhà kho, nhà để xe, nhà ở của Khunjunốp (Y Thu). Đường sá trong nội thị đã co một số ngã tư, ngã sáu, thậm chí ngã bảy. Các đường đi nội tỉnh và ngoại tỉnh đã hình thành (quốc lộ 157, 194). Phía Bắc thị xã, trên đường đi Mê Wal, có sân bay mới xây dựng Mông - phlơ (Monfleur) trong *Chuyên khảo về tỉnh Dak Lak*, viết năm 1930, đã nhận xét : *"Buôn Ma Thuột nằm im trong thung lũng sâu rộng, bịt kín, bỗng thức tỉnh vươn mình trổi dậy và thay đổi"*.

Với những thay đổi to lớn như trên, nên ngày 5 - 6 - 1930, Khâm sứ Trung kỳ đã ký nghị định thành lập thị xã Buôn Ma Thuột (Centre Urbain) tọa lạc trên địa bàn các làng Buôn Ma Thuột và Buôn Sô. Bấy giờ người Kinh lên nghiệp tại tỉnh Dak Lak còn ít, một phần vì vùng đất này còn nổi tiếng là vùng thiêng nước độc, một phần vì chính sách hạn chế của thực dân Pháp, chỉ được tập trung ở thị xã Buôn Ma Thuột. Do đó, ngày 7-5-1931, Khâm sứ Trung kỳ ra nghị định thành lập làng người Kinh ở Buôn Ma Thuột lấy tên là làng Lạc Giao với 160 dân và 152.685 m^2 diện tích [1].

Năm 1931, thực dân Pháp tiến hành một cuộc cải cách hành

đơn vị hành chính của tỉnh Dak Lak gồm 5 quận, 21 tổng, 77 xã, 5 quận là: Buôn Ma Thuột, Lạc Thiện (Lak), M'Drak, Dak Song và Buôn Hồ. Quận Buôn Ma Thuột có các tổng: Ea Tam (10 xã), Chư Keh (4 xã), Chư Ewi (6 xã) và Drai Sap (5 xã).

Ngày 22-12-1963, Thủ tướng ngụy Sài Gòn ra nghị định số 262/TTP-ĐU-HC thành lập quận Phước An, quận lị đóng tại Phước Trạch.

Từ đó cho đến ngày 10-3-1975, địa bàn Dak Lak có 4 quận là Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Lạc Thiện và Phước An, với 55 xã (không còn cấp tổng). Tỉnh lị vẫn đóng tại Buôn Ma Thuột.

Quận Buôn Ma Thuột lúc này có 26 xã: Chư Ebur mah, Chư Edu mah, Chư K'phong mah, Chư M'gar mah, Chư Ming mah, Chuor Dang mah, Chi Lăng, Đạt Lý, Ea Na mah, Ea Mai mah, Ea H'bông mah, Ea H'ding mah, Ea Net mah, Ea Kwang mah, Ea Ktur mah, Ea M'dong mah, Ea M'dhar mah, Ea K'mat mah, Ea K'nir mah, Ea Kpak mah, Ea Bur mah, K'Mrong Prong mah, Lạc Giao, Quảng Nhiêu, Tân Điền, Thọ Thành.

Về phía cách mạng:

Đầu năm 1960, Khu ủy khu V chia địa bàn Dak Lak thành 4 vùng (tương đương cấp tỉnh), mang các mật danh là các B (B.3, B.4, B.5, B.6). Thị xã Buôn Ma Thuột và vùng ven được mang mật danh là B.6. Trong vùng B.6 chia thành 4 vùng (tương đương cấp huyện), mật danh của các K (K.61 là vùng phía bắc thị xã, K.62 ở phía nam, K.63 ở phía tây và K.64 là nội thị Buôn Ma Thuột).

Tháng 10-1965, Khu ủy khu V quyết định hợp nhất B.3 với B.5 thành tỉnh Dak Lak. Tỉnh Dak Lak lúc này chia thành 10 đơn vị huyện thị. Thị xã Buôn Ma Thuột và vùng ven được mang mật danh H.6.

Ngày 2-12-1975, Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định số 14/TV

cắt xã Chư Jut thuộc huyện Đức Lập; quyết định số 15/TV cắt xã Đạt Lý của huyện Buôn Hồ về thị xã Buôn Ma Thuột.

Đầu năm 1976, tỉnh Dak Lak có sự sắp xếp và đổi tên các đơn vị hành chính cấp huyện thị trong tỉnh; theo đó H.4 hợp nhất với huyện H.5 thành huyện Buôn Hồ, huyện Khánh Dương hợp nhất với huyện Phước An thành huyện Krông Pach, huyện Kiến Đức hợp nhất với huyện Khiêm Đức thành huyện Dăk Nông, đổi tên huyện Đức Lập thành huyện Dak Mil, đổi huyện H.10 thành huyện Lak và chuyển huyện 2, huyện 37 cũ về tỉnh Gia Lai-Kon Tum.

Như vậy đến lúc này tỉnh Dak Lak có 5 huyện và 1 thị xã.

Huyện Buôn Hồ có 21 xã, 76.896 người.

Huyện Krông Pach có 17 xã, 76.176 người.

Huyện Dak Nông có 10 xã, 18.025 người.

Huyện Dak Mil có 7 xã, 17.197 người.

Huyện Lak có 8 xã, 16.429 người.

Thị xã Buôn Ma Thuột có 8 phường, 15 xã với số dân 192.298 người.

8 phường là: Tự Do (phường 1 cũ), Thắng Lợi (phường 2 cũ), Thành Công (phường 3, cũ), Thống Nhất (phường 4 + 6) cũ), Tân Tiến (phường 5 cũ), Tân Thành (phường 7 cũ), Tân An (phường 8 cũ), Tân Lập (phường 9 cũ).

15 xã là: Ea Bur, Ea Nhuol, Ea Du, Ea Bông, Ea Tiêu, Ea Kao, Hòa Đông, Hòa Thắng, Hòa Khánh, Hòa Phú, Hòa Xuân, Chư Jut, Hòa Thuận, Chư Sê, Chư Pul.

Tháng 3-1977, UBND tỉnh ra quyết định số 14/TC, thành lập một số đơn vị thuộc thị xã Buôn Ma Thuột:

Xã Ea Bông có 9 buôn, 1.647 người.

Xã Ea Na có 7 buôn, 2.763 người.

Xã Quảng Điền có 8 buôn, 8.048 người.

Ngày 24-4-1977, UBND tỉnh ra quyết định số 195/QĐ-UB cắt xã Chu Sê (gồm 4 buôn) của thị xã Buôn Ma Thuột chuyển về huyện Krông Buk.

Ngày 10-10-1978, UBND tỉnh ra quyết định số 60/QĐ-UB về ranh giới, diện tích của tỉnh và từng huyện thị theo chỉ thị số 80/TTg ngày 25-1-1978 của Thủ tướng Chính phủ. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 1.980.000 ha. Thị xã Buôn Ma Thuột có diện tích tự nhiên là 139.000 ha.

Ngày 23-10-1978, Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 271/CP, thành lập xã Chuor Knir (xã kinh tế mới) thuộc thị xã Buôn Ma Thuột.

Ngày 19-9-1981, Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 75.HĐBT, thành lập huyện Krông Ana trên cơ sở tách 4 xã Ea Na, Ea Bông, Ea Tiêu, Quảng Điền của thị xã Buôn Ma Thuột và 3 xã thuộc huyện Krông Pach.

Ngày 26-1-1989, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định số 09/HĐBT chia xã Chư Jut của thị xã Buôn Ma Thuột thành 3 xã là Nam Dong, Ea Pô, Ea T'ling.

Ngày 14-9-1989, Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 125/HĐBT, chia xã Ea T'ling thành xã mới là Ea T'ling (mới), Tâm Thắng, Trúc Sơn.

Ngày 19-6-1990, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định số 227/HĐBT, thành lập huyện Chư Jut trên cơ sở cắt 5 xã của thị xã Buôn Ma Thuột là xã Ea T'ling, Tâm Thắng, Trúc Sơn, Ea Pô, Nam Dong và xã Dak La của huyện Dak Mil.

Thị xã Buôn Ma Thuột còn 7 phường: Tự An, Thắng Lợi, Tân Thành, Tân Tiến, Thống Nhất, Tân Lập, Thành Công; và 12 xã: Hòa Phú, Hòa Khánh, Hòa Thắng, Hòa Đông, Hòa Xuân, Hòa Thuận, Ea Kao, Ea Tu, Chư Ebur, Ea Tam, Ea Nhuol, Chuor Knir.

Diện tích tự nhiên là 61.300 ha, với 228.535 người.

Ngày 20-4-1992, Bộ Xây dựng ký quyết định số 69/BCD-ĐT, phê duyệt quy tổng thể thị xã Buôn Ma Thuột đến năm 2000 với các tiêu chí: tính chất đô thị, quy mô dân số và đất xây dựng, định hướng phát triển không gian, cơ cấu quy hoạch và phân khu chức năng, mạng lưới cơ sở kỹ thuật hạ tầng

Ngày 29-8-1994, Chính phủ ra nghị định số 110/CP, thành lập xã Ea Bar trên cơ sở tách một phần diện tích tự nhiên và dân số của 2 xã Chuor Knir và xã Chư Ebur. Xã Ea Bar có diện tích tự nhiên 3.730 ha và 14.124 người.

Ngày 21-1-1995, Chính phủ ra nghị định số 08/CP, thành lập thành phố Buôn Ma Thuột.

1. Thành lập thành phố Buôn Ma Thuột trên cơ sở thị xã Buôn Ma Thuột.

2. Thành lập phường mới và chuyển một số xã của thành phố Buôn Ma Thuột về các huyện:

a. Thành lập các phường: phường Ea Tam trên cơ sở xã Ea Tam; phường Khánh Xuân trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và dân số của 2 xã Hòa Khánh, Hòa Xuân.

b. Chuyển 3 xã Chuor Knir, Ea Nhuol, Ea Bar về huyện Ea Sup.

c. Chuyển 3 xã Hòa Phú, Hòa Xuân, Hòa Khánh về huyện Chư Jut.

d. Chuyển xã Hòa Đông về huyện Krông Pach.

Sau khi điều chỉnh địa giới, thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích tự nhiên là 26.985,7 ha, với 219.333 người, gồm 9 phường: Thắng Lợi, Thống Nhất, Tân Lập, Tân Thành, Thành Công, Tân Tiến, Tự An, Ea Tam, Khánh Xuân và 5 xã: Chư Ebur, Hòa Thuận, Ea Tu, Hòa Thắng, Ea Kao.

Ngày 18-11-1996, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 71/CP, thành lập các phường mới của thành phố Buôn Ma Thuột:

Phường Tân Hòa (tách từ phường Tân Lập).

Phường Tân An (tách từ phường Tân Lập).

Phường Tân Lợi (tách từ phường Thắng Lợi).

Phường Thành Nhất (tách từ phường Thống Nhất).

Đến cuối tháng 12-2002, thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích tự nhiên là 26.500 ha với 267.515 người, mật độ trung bình 1.009 người/km2 gồm 13 phường: Tân Lập, Tân Hòa, Tân An, Tân Lợi, Tân Thành, Tân Tiến, Tự An, Thống Nhất, Thành Nhất, Thành Công, Thắng Lợi, Ea Tam, Khánh Xuân và 5 xã: Chư Ebur, Hòa Thuận, Hòa Thắng, Ea Tu, Ea Kao.

Ngày 2-1-2004, Chính phủ ra Nghị định số 04/2004/NĐ-CP, sáp nhập 3 xã Hòa Phú, Hòa Xuân, Hòa Khánh của huyện Chư Jut vào thành phố Buôn Ma Thuột.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, thành phố Buôn Ma Thuột có 36.862 ha diện tích tự nhiên và 299.310 người, gồm 21 đơn vị hành chính trực thuộc là phường Thống Nhất, Thành Nhất, Thành Công, Thắng Lợi, Tân Lợi, Tân Thành, Tân Tiến, Tân Lập, Tân An, Tân Hòa, Tự An, Ea Tam, Khánh Xuân và các xã Chư Ebur, Ea Tu, Ea Kao, Hòa Thuận, Hòa Thắng, Hòa Phú, Hòa Khánh, Hòa Xuân.

Hiện nay, dưới cấp xã phường của thành phố Buôn Ma Thuột được chia thành 138 tổ dân phố, 72 thôn, 33 buôn (có 8 buôn trong nội thị).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Mông-phlơ. *Chuyên khảo về tỉnh Dak Lak.* (Bản dịch của cụ Trần Kim Ngọc, 1999). Lưu tại kho lưu trữ Tỉnh ủy tỉnh Dak Lak.
- Dak Lak – *Những sự kiện (từ thời tiền sử đến 1996).* Đề tài khoa học cấp tỉnh.
- *Công báo.*

(1)Theo *Bulletin administratif de l'Annam* các năm liên hệ

Biên niên sự kiện 100 năm Dak Lak - Buôn Ma Thuột

NGUYỄN THANH LỢI

+ Ngày 22-11-1904

Theo đề nghị của Hội đồng tối cao Đông Dương trong phiên họp ngày 26-8-1904, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định thành lập tỉnh Daklak thuộc quyền giám sát và quản trị của Khâm sứ Trung Kỳ, tỉnh lỵ là Buôn Ma Thuột.

+ Năm 1905

- Kết thúc cuộc khởi nghĩa của Ama Jhao.

- Viên trú sứ Dak Lak là Bardin cho xây dựng các đồn Plei Tour và Chợ Đồn.

- Me Sao, thủ lĩnh người Rađê đem quân chiếm đồn Bản Đôn (Badon), quân Pháp phải dời về Buôn Ma Thuột.

+ Năm 1907

- Pháp chiếm lại được Bản Đôn.

- Xuất bản cuốn *Les populations Moi du Darlac* của H. Bernard.

+ Năm 1909

Phái bộ của Henri Maitre lên thám hiểm Tây Nguyên.

+ Ngày 9-2-1913

Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập tỉnh Kon Tum (trước là đại lý Kon Tum trực thuộc tòa công sứ Quy Nhơn), tỉnh lỵ đặt tại Kon Tum. Tỉnh Kon Tum bao gồm đại lý Kon Tum tách khỏi tỉnh Bình Định, đại lý Cheo Reo tách từ tỉnh Phú Yên và tỉnh Dak Lak sáp nhập. Tỉnh Kon Tum gồm hai nha đại lý hành chính là Cheo Reo và Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 2-7-1923

Tòa đại lý hành chính Buôn Ma Thuột được tách ra khỏi địa bàn tỉnh Kon Tum để thành lập tỉnh Dak Lak, Buôn Ma Thuột trở thành tỉnh lỵ chính thức của tỉnh này. Khi này Dak Lak chưa có đơn vị hành chính cấp huyện và tổng, mà chỉ có đơn vị cấp làng dựa theo các buôn có sẵn của các dân tộc bản địa, như Êđê có 151 làng, M'nông có 117 làng, Gia Rai có 11 làng, Bihs có 24 làng, M'dhurs có 120 làng

+ Năm 1925-1926

Cuộc đấu tranh của nhân dân, viên chức Buôn Ma Thuột do thầy giáo Y Jút (Trường Group Scolaire Franco- Rhadé) và Y Út lãnh đạo gây một tiếng vang lớn.

+ Năm 1925

Thực dân Pháp cho tiến hành xây dựng quốc lộ 14 nối liền các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ. Lực lượng tham gia làm con đường này chủ yếu là các tù chính trị bị giam ở nhà đày Buôn Ma Thuột và ngục Kon Tum.

+ Ngày 19-4-1926

Tên Công sứ Sabatier buộc phải rút khỏi Dak Lak.

+ Năm 1927

L. Sabatier hoàn thành sách *Luật tục Êđê* bằng tiếng Êđê, được xuất bản ở Pháp.

+ Năm 1928

Thành lập làng Lạc Giao.

Thực dân Pháp xây dựng nhà đày Buôn Ma Thuột, nằm trên một khu đất rộng gần 2ha, số 28 đường Tán Thuật, TP.Buôn Ma Thuột. Nhà đày có 6 lao, 1 xà lim, nhà bếp, nhà ăn. Nơi đây từng giam giữ hàng nghìn chiến sĩ cộng sản trong thời kỳ 1928-1975.

+ Năm 1929

Do nhu cầu sinh hoạt, buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa người Kinh và người Thượng, làng Lạc Giao hình thành thêm một cái chợ lồng nhỏ làm bằng tranh tre rộng khoảng trên 100m^2, sau này được gọi là chợ Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 5-6-1930

Khâm sứ Trung Kỳ ban hành nghị định thành lập thị xã Buôn Ma Thuột (centre urbain) tọa lạc trên các làng Buôn Ma Thuột và Buôn Sô. Thị xã Buôn Ma Thuột vẫn là tỉnh lỵ tỉnh Dak Lak.

+ Ngày 21-8-1930

Toàn quyền Đông Dương ra nghị định bắt người dân phải đi phu 60 ngày/ năm, có thể bị bắt đi xa chỗ ở đến 4 ngày đường đi về. Riêng ở Tây Nguyên phải chịu "xâu người" và " xâu voi". Mỗi năm, đàn ông từ 18- 60 tuổi đi xâu 20 ngày, mỗi con voi cũng phải chịu 20 ngày xâu.

+ Ngày 7-5-1931

Khâm sứ Trung Kỳ ra nghị định thành lập làng người Kinh ở Buôn Ma Thuột lấy tên là làng Lạc Giao với 160 dân và diện tích 152.685m^2.

+ Năm 1931

Pháp làm cuộc cải cách hành chính toàn Đông Dương, địa bàn tỉnh Dak Lak được chia làm 5 quận là Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Dak Song, Lak và M'Drăk, gồm 440 làng. Tỉnh lỵ đóng tại Buôn Ma Thuột.

+ *Năm 1932*

- Thành lập Giáo phận Kon Tum gồm 3 tỉnh Kon Tum, Pleiku, Dak Lak.

+ *Ngày 9-4-1934*

Khâm sứ Trung Kỳ ban hành nghị định chia lại địa bàn tỉnh Dak Lak thành 24 secteur, đứng đầu mỗi secteur là trưởng secteur (về sau gọi là cai tổng) được tuyển cử trực tiếp bởi Công sứ tỉnh hay đại diện.

+ *Năm 1934*

- Xây dựng nhà thờ Chính Tâm bằng tre lá ở vị trí nhà thờ chính toà Buôn Ma Thuột hiện nay. Năm 1937, nhà thờ được thay bằng kiến trúc gỗ. Đến năm 1958 được xây bằng đá.

- Thầy giáo Y Jút (Y Jút H'wing) (1898-1934) qua đời. Ông là một nhân sĩ, một trí thức yêu nước, còn lưu lại trong lòng mọi người qua việc đào tạo những thế hệ học trò yêu nước và cách mạng ở Dak Lak. Tên ông được đặt cho một đường phố chính ở Buôn Ma Thuột. Cuốn sách *Thầy giáo Y Jút,* dày hơn 100 trang bằng chữ Êđê và Việt cũng đã được xuất bản.

+ *Ngày 23-5-1935*

Ngày hy sinh của Nơ Trang Long, dân tộc M'nông, thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp ở Tây Nguyên. Cuộc khởi nghĩa kéo dài từ năm 1912 đến 1935.

+ *Năm 1936*

Ban hành một bộ luật dân sự mới thay thế cho các bộ luật căn bản của triều Nguyễn, gọi là Hoàng Việt Trung Kỳ hộ luật, áp dụng ở Trung Kỳ.

+ *Năm 1940*

Trên cơ sở cuốn sách *Luật tục Êđê* xuất bản năm 1927, Sabatier bổ sung thêm phần nội dung và D. Antomarchi dịch ra tiếng Pháp, sách *Sưu tầm luật tục của người Êđê ở Dak Lak* được xuất bản ở Hà Nội.

+ *Năm 1941*

- Thực dân Pháp mở một trường cán bộ (École des Cadres) ở ngay Buôn Ma Thuột, dành cho 5 tỉnh Tây Nguyên, dạy theo chương trình trung học phổ thông để đào tạo cán bộ người Thượng.

+ *Ngày 6-1-1942*

Khâm sứ Trung Kỳ ban hành Nghị định số 3268 chia lại địa bàn tỉnh Dak Lak thành 3 quận, 2 đại lý và 7 secteur.

+ *Tháng 4-1943*

Các chiến sĩ cách mạng bị giam trong nhà tù Buôn Ma Thuột tổ chức vượt ngục.

+ *Tháng 5-1945*

Các cơ sở cách cách mạng ở Dak Lak được hình thành và phát triển nhanh chóng, nhiều cơ sở được xây dựng ngay trong đồn điền và thị xã.Chi bộ Đảng đầu tiên được thành lập tại làng Lạc Giao

+ *Tháng 6-1945*

- Các tổ chức cứu quốc như Hội Công nhân cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Công chức cứu quốc, Thanh niên cứu quốc phát triển đều khắp trong tỉnh.

- Buôn Ma Thuột trở thành vùng bị tạm chiếm.

+ *Ngày 19-8-1945*

Tổ chức Đảng ở Dak Lak cử người liên hệ với Tỉnh uỷ Khánh Hoà bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở Buôn Ma Thuột, đồng thời xin tăng cường cán bộ để chỉ đạo cuộc khởi nghĩa.

+ *Ngày 20-8-1945*

Hàng ngàn quần chúng tập trung tại sân vận động Buôn Ma Thuột. Cuộc mittinh đã trở thành cuộc tuần hành cướp chính quyền, quần chúng nhanh chóng kéo vào chiếm các công sở,

khu hành chính và đồn bảo an.

+ Ngày 22-8-1945

Triệu tập hội nghị, xác định thời gian, xây dựng phương án tiến hành khởi nghĩa, bầu Uỷ ban khởi nghĩa và đề cử danh sách Uỷ ban nhân dân Cách mạng lâm thời, trong đó người dân tộc chiếm 50% thành viên.

+ Ngày 24-8-1945

Tổng khởi nghĩa ở DakLak

3 giờ chiều, tại sân vận động thị xã, đã diễn ra một cuộc mít tinh lớn với sự tham gia của đông đảo các tầng lớp công nhân, tiểu thương, học sinh, công chức, trí thức và quần chúng nhân dân trong tỉnh. Hơn 500 lính bảo an, phần đông là người dân tộc được trang bị vũ khí làm nhiệm vụ bảo vệ cuộc mít tinh. Uy ban cách mạng lâm thời tỉnh đã ra mắt và tuyên bố xóa bỏ chế độ thống trị của Nhật, Pháp, kêu gọi toàn thể nhân dân hưởng ứng chương trình 10 điểm của Việt Minh, xây dựng cuộc sống mới. Sau đó không lâu, hệ thống chính quyền cách mạng từ tỉnh xuống đến huyện cũng được thiết lập.

+ Ngày 30-8-1945

Hoàng đế Bảo Đại thoái vị, chấm dứt chế độ quân chủ ở Việt Nam.

+ Tháng 10-1945

Liên hoan đoàn kết các dân tộc Dak Lak được tổ chức tại biệt điện Bảo Đại, diễn ra trong 3 ngày, trưng bày các sản vật của địa phương và bàn về vấn đề đoàn kết các dân tộc anh em trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

+ Ngày 1-12-1945 (ngày 27-10 âm lịch)

Hơn 100 chiến sĩ Nam tiến và đồng bào Buôn Ma Thuột đã hy sinh anh dũng ngay tại trận chiến đấu đầu tiên. Từ đó, hàng năm làng Lạc Giao lấy ngày 27-10 âm lịch làm ngày lễ của làng nhằm tưởng nhớ các chiến sĩ Nam tiến đã anh dũng

hy sinh trên mảnh đất cao nguyên này.

+ Năm 1945

- Dân số của cao nguyên Dak Lak khoảng 150.000 người

- Xây đền thờ Mẫu Liễu Hạnh, thường gọi là đềnThánh Mẫu, cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 3km, nay là phường Thành Công.

+ Ngày 27-5-1946

Pháp ban hành sắc luật thành lập "Liên bang phụ trách các dân tộc sơn cước miền Nam Đông Dương", tách các tỉnh Dak Lak, Đồng Nai thượng, Kon Tum, Plei Ku, Lâm Viên hợp thành một "liên bang" thuộc Pháp, đặt toàn bộ vùng cao nguyên miền Nam dưới quyền cai trị trực tiếp của viên Cao ủy Pháp tại Đông Dương.

+ Ngày 21- 6-1946

Quân Pháp mở cuộc tiến công lớn đánh chiếm toàn bộ Tây Nguyên.

+ Năm 1946

Thành lập "Ban vận động đồng bào thiểu số cao nguyên miền Tây Nam Trung Bộ" để chống lại âm mưu chia rẽ của thực dân Pháp. Tổ chức này đã quy tụ được nhiều cán bộ, đảng viên người Việt từ miền xuôi tự nguyện lên cao nguyên sống cùng với đồng bào các dân tộc thiểu số, giúp đỡ và hướng dẫn đồng bào sản xuất, học tập và tổ chức đời sống để cùng nhau kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

+ Ngày 27-6-1947

Cao ủy Pháp ở Đông Dương thành lập Ủy phủ liên bang các dân tộc Thượng miền Nam Đông Dương, gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Dak Lak, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Buôn Ma Thuột là thủ phủ.

+ Ngày 28-6-1949

Mở đầu chiến dịch ở Tây Nguyên trên địa bàn 3 tỉnh Kon

Tum, Gia Lai, Dak Lak. Qua chiến dịch ta gây được cơ sở quần chúng và phát động chiến tranh nhân dân trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

+ Ngày 15-4-1950

Bảo Đại ban hành Dụ số 6, đặt các tỉnh cao nguyên, trong đó có Dak Lak làm Hoàng triều cương thổ, có quy chế cai trị riêng.

+ Ngày 25-7-1950

Theo Sắc lệnh số 3/QT/TD, thiết lập Hoàng triều cương thổ miền Nam gồm các tỉnh Dak Lak, Kon Tum, Pleiku, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng

+ Ngày 4-4-1952

Ban hành Dụ số 27/QT/TD về quy chế đặc biệt cho các tù trưởng, Hội đồng Hoàng triều cương thổ; Toà án phong tục

+ Ngày 17-10-1953

"Hoàng triều cương thổ" bị giải thể cùng với việc "thủ tiêu tất cả các hiệp ước ký kết giữa Pháp và Việt Nam từ xưa đến nay"

+ Năm 1953

Xây xong chùa Khải Đoan, ngôi chùa lớn nhất tỉnh Dak Lak, mang dáng dấp kiến trúc nhà rông Tây Nguyên. Chùa do bà Thái hậu Hoàng Thị Cúc, mẹ vua Bảo Đại đóng góp xây dựng.

+ Tháng 7-1954

Sau Hiệp định Genève, có khoảng 100 nghìn người thuộc các dân tộc Hoa, Tày, Thái, Nùng, Mường, Mèo, Dao, Cao Lan- Sán Chỉ v.v... bị thực dân Pháp cưỡng bức di cư từ vùng thượng du Bắc Bộ vào miền Nam, trong đó có Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 2-3-1955

Ngô Đình Diệm xóa bỏ quy chế Hoàng triều cương thổ do Bảo Đại ban hành từ tháng 4-1950, sáp nhập Dak Lak và các tỉnh Tây Nguyên vào lãnh thổ Trung phần, lập tòa đại diện

chính phủ tại Buôn Ma Thuột.

+ *Ngày 11-3-1955*

Ngô Đình Diệm ký Dụ số 21: "*sáp nhập các vùng cao nguyên miền Bắc và miền Nam thuộc Hoàng triều cương thổ vào lãnh thổ quốc gia Việt Nam, và đặt hoàn toàn thuộc quyền quản trị của chính phủ quốc gia*"(Công báo Việt Nam 1955, trang 800). Sau đó hàng vạn người (gồm người Việt và các dân tộc thiểu số) bị cưỡng bức di cư từ miền Bắc vào sinh sống tại Tây Nguyên.

+ *Cuối năm 1955*

Hàng ngàn người dân cùng tăng ni Phật tử đã hội họp ở chùa Khải Đoan, gửi kiến nghị đòi Ngô Đình Diệm tổ chức Tổng tuyển cử hiệp thương thống nhất nước nhà.

+ *Ngày 24-10-1956*

Theo Sắc lệnh 147/a/TTP Trung Phần được chia làm Cao Nguyên và Trung Nguyên.

+ *Năm 1956*

Hội chợ triển lãm kinh tế Buôn Ma Thuột. Hội chợ diễn ra trên một khuôn viên rộng 14ha. Bao gồm các hoạt động: triển lãm các đặc sản của địa phương; biểu diễn nghệ thuật như múa quạt Thái, múa đèn Chăm; thi đấu thể thao: đấu kiếm của người Rhadé, đua xe scooter, đua ngựa; săn bắn voi, cọp, hươu, nai tại khu rừng Drailing; sổ số kiến thiết. Cuộc đua voi thu hút tới 300 thớt voi các cỡ.

+ *Ngày 22-2-1957*

Khai mạc hội chợ Buôn Ma Thuột, Ngô Đình Diệm đến dự, bị ám sát nhưng thoát chết.

+ *Ngày 8-8-1957*

Chính quyền Việt Nam Cộng hòa ban hành Nghị định số 258BNV/NĐ chuyển đổi thị trấn Buôn Ma Thuột thành xã Lạc Giao thuộc quận Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 25-9-1957

Thành lập 6 vùng dinh điền: Cao Nguyên, Đồng Tháp Mười, An Xuyên, Ba Xuyên, Cái Sắn, vùng 1 Nam phần và vùng 2 Nam phần (Nghị định 1502-TTP/VP và 1503-TTP/VP).

+ Năm 1957

Trong hai năm 1957-1958, thực hiện ý đồ đẩy những người dân lao động có cảm tình với cách mạng lên vùng rừng núi để cách ly họ với phong trào cách mạng đang sục sôi ở đồng bằng ven biển miền Trung, Mỹ-Diệm đã cưỡng ép trên 30 nghìn người Việt từ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định lên sinh sống trong các dinh điền ở Tây Nguyên.

+ Ngày 2-7-1958

Nghị định số 356BNV/HC/NĐ ấn định các đơn vị hành chính của tỉnh Dak Lak gồm 5 quận, 21 tổng, 77 xã. Buôn Ma Thuột có các tổng Ea Tam (10 xã), Cư Keh (4 xã), Cư Ewi (6 xã), Drai Sap (5 xã).

+ Tháng 7-1958

Phong trào tự trị ở Tây Nguyên bùng nổ.

+ Ngày 18-3-1959

Dời Toàđại biểu Chính phủ tại cao nguyên Trung Phần từ Đà lạt lên Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 1-4-1959

Cháy 50 căn nhà buôn bán tại Buôn Ma Thuột, thiệt hại khoảng 20 triệu đồng

+ Năm 1959

Buôn Ma Thuột được lập thành thủ phủ của miền Thượng cao nguyên.

+ Ngày 8-2-1960

1.000 người ở tỉnh Quảng Nam lên lập nghiệp ở Buôn Ma Thuột.

+ *Ngày 29-5-1960*

Khánh thành quốc lộ mới mở rộng Ninh Hoà(Khánh Hoà)-Buôn Ma Thuột.

+ *Năm 1960*

Khu ủy V chia địa bàn Dak Lak thành 4 vùng (tương đương cấp tỉnh), mang các mật danh B3, B4, B5, B6. Thị xã Buôn Ma Thuột và vùng ven mang mật danh B6. B6 được chia thành 4 vùng (tương đương cấp huyện), bao gồm: K61, K62, K63, K64.

+ *Tháng 3-1961*

Ủy ban tự trị dân tộc Tây Nguyên gia nhập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

+ *Năm 1961*

Làng Lạc Giao được chia thành 4 khu, từ khu 1 đến khu 4. Năm 1965, làng Lạc Giao đổi thành xã Châu Thành Lạc Giao, vẫn giữ nguyên 4 khu như cũ. Từ làng Lạc Giao ngày ấy đến nay đã hình thành nên 7 phường của người Việt ở thành phố Buôn Ma Thuột. Đó là các phường: Thống Nhất, Thắng Lợi, Thành Công, Tân Tiến, Tân Thành, Thành Nhất, Tự An; bao gồm dân cư ở nhiều địa phương trong cả nước đến đây sinh cơ lập nghiệp.

+ *Năm 1962*

Phong trào cách mạng ở Buôn Ma Thuột bị tổn thất nặng, hàng loạt cán bộ, đảng viên, cơ sở bị bắt.

+ *Ngày 20-12-1963*

Dak Lak gồm 4 quận: Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Lạc Thiện, Phước An. Quận Buôn Ma Thuột không còn tổng nữa, gồm 27 xã.

+ *Ngày 20-9-1964*

500 lính Thượng (chủ yếu người Êđê) do một cựu nghị sĩ người Thượng chỉ huy chiếm đài phát thanh và nhiều vị trí xung yếu trong thị xã, nêu rõ sự phản kháng đối với chính

quyền Nguyễn Khánh.

+ Tháng 7-1965

Thôn Đạt Lý 2 (nay thuộc xã Hoà Thuận) tổ chức đồng khởi thắng lợi

+ Tháng 10-1965

Khu ủy V hợp nhất B3 và B4 thành tỉnh Dak Lak, gồm 10 huyện thị. Thị xã Buôn Ma Thuột và vùng ven mang mật danh H6.

+ Năm 1965

Lực lượng vũ trang Buôn Ma Thuột phát triển mạnh, các tổ tự vệ mật được thành lập, các cơ sở binh vận, nội tuyến được xây dựng và củng cố, cắm sâu vào hàng ngũ địch.

+ Tháng 7-1965

Dưới sự lãnh đạo của Thường vụ Thị ủy Buôn Ma Thuột, Ban tự quản thôn Đạt Lý II (nay thuộc xã Hòa Thuận) tổ chức đồng khởi thắng lợi.

+ Tháng 9-1965

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định thành lập Mặt trận Tây Nguyên (B3).

+ Đêm 23-8-1966

Lực lượng tự vệ Buôn Ma Thuột đánh vào phòng trà Hoa Đà Lạt ngay tại trung tâm Buôn Ma Thuột, diệt 16 tên cố vấn, sĩ quan Mỹ.

+ Ngày 2-6-1967

Thành lập giáo phận Buôn Ma Thuột, được tách ra từ giáo phận Kon Tum. Nhà thờ xứ Buôn Ma Thuột trở thành nhà thờ chính toà địa phận Buôn Ma Thuột.

+ Cuối năm 1967

Hai đội vũ trang xung kích và đội tự vệ quyết tử Buôn Ma Thuột được thành lập.

+ Đêm 4-1-1968

Bộ đội chủ lực ta tấn công địch ở sân bay Buôn Ma Thuột và dinh tỉnh trưởng.

+ Ngày 18-1-1968

Đặc công đánh vào kho Mai Hắc Đế làm sập 12 trong số 6 nhà kho liên hoàn, phá hủy hơn 4.000 tấn bom đạn.

+ Ngày 29-1-1968

Mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt

Ba thị xã lớn ở Tây Nguyên là Kon Tum, Plei Ku, Buôn Ma Thuột và hàng loạt thị trấn, quận lỵ khác đã đồng loạt nổi dậy.

+ Cuối tháng 1-1968

Đánh mìn vào Sư đoàn bộ binh 23, đánh sập phòng họp chỉ huy hành quân, diệt 50 sĩ quan và lính.

+ Ngày 22-8-1968

Quân Giải phóng tiến công chi khu quân sự Đức Lập, phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở tây nam Buôn Ma Thuột, diệt gọn 7 đại đội, 7 trung đội và đánh thiệt hại nặng nhiều đại đội khác, giết 23 cố vấn Mỹ, bắn rơi 16 máy bay, phá hủy 30 xe quân sự, 1 kho xăng.

+ Ngày 22-2-1969

Đêm, cơ sở tự vệ mật dẫn đường và phối hợp cho các đơn vị đặc công đánh vào Sở chỉ huy Trung đoàn 45 và sân bay Buôn Ma Thuột, tiêu diệt 50 tên, phá hủy 50 xe quân sự.

+ Đêm 23-8-1970

Tự vệ mật đặt thuốc nổ tiêu diệt và làm bị thương gần 180 sĩ quan, binh lính tại rạp chiếu bóng Lôđô.

+ Tháng 9-1971

Tây Nguyên mở hội mừng công lần thứ 5.

+ Đầu năm 1972

Từ đầu năm 1972 đến tháng 3 năm 1973, có 14.265 hộ gia đình từ nhiều tỉnh đã bị xúc lên Tây Nguyên, đưa vào 17 trại tập trung dân cư dưới danh nghĩa "Trại nạn nhân chiến cuộc".

+ Ngày 5-2-1975

Đại tướng Văn Tiến Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương được Trung ương cử vào chỉ đạo chiến dịch, công bố quyết định của Quân ủy Trung ương thành lập Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên do Trung tướng Hoàng Minh Thảo làm tư lệnh, Đại tá Đặng vũ Hiệp làm chính ủy.

+ Cuối tháng 2-1975

Sư đoàn 968 đánh tiêu diệt chốt Mỹ, bức rút đồn Tám và một số cứ điểm ở tây Plei Ku, uy hiếp các quận lỵ Thanh An, căn cứ Thanh Bình.

+ Ngày 4-3-1975

Bắt đầu chiến dịch Tây Nguyên.

Ở phía đông An Khê, Sư đoàn 3 đánh cắt đường 19 và đánh diệt một số vị trí của địch từ An Khê đến Bình Khê.

+ Ngày 5-3-1975

Trung đoàn 25 cắt đường 21.

+ Ngày 8-3-1975

Trung đoàn 48 đánh chiếm Thuần Mẫn và căn cứ Cẩm Ga, cắt đường 14 giữa PlâyKu và Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 9-3-1975

5giờ 55 phút, Sư đoàn 10 nổ súng tấn công chi khu quân sự Đức Lập, vượt qua tuyến phòng ngự vòng ngoài của các đơn vị bảo an, dân vệ, đánh thẳng vào căn cứ Sư đoàn 23 ngụy và Núi Lửa, bao vây quận lỵ Đức Lập. Nhưng chiến sự kéo dài đến ngày 10-3 quân ta mới chiếm được quận lỵ và các cứ điểm Dak Song, Dak Sắk.

+ Ngày 10-3-1975

1giờ 55 phút, trận tiến công lịch sử đánh chiếm Buôn Ma Thuột mở màn. Đến lúc này địch hoàn toàn bị bất ngờ cả về chiến lược lẫn chiến dịch. Quân đoàn 2 ngụy được điều từ PlâyKu về Buôn Ma Thuột "tử thủ" nhưng bị thất bại.

+ *Ngày 11-3-1975*

11giờ, lá cờ chiến thắng tung bay trên nóc Sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy, bắt sống Đại tá tỉnh trưởng Dak Lak và Đại tá Sư đoàn phó Sư đoàn 23.

+ *Ngày 12-3-1975*

Sáng, Trung đoàn 24, Sư đoàn 10 tiêu diệt căn cứ 45 và cứ điểm Cư M'gar, bắt sống gần 500 tên địch.

+ *Ngày 17-3-1975*

Đêm 16 rạng ngày 17, quân ta tấn công vào căn cứ Trung đoàn 53, căn cứ lớn cuối cùng của địch tại Buôn Ma Thuột.

+ *Ngày 18-3-1975*

Tại đình Lạc Giao, Ủy ban quân quản thị xã Buôn Ma Thuột ra mắt nhân dân. Đại tá Y Blốc Eban làm chủ tịch, các đồng chí Ama H'Oanh, Lê Chí Quyết làm phó chủ tịch.

+ *Đầu tháng 4-1975*

Thành lập Ty Thông tin Văn hóa tỉnh Dak Lak.

+ *Ngày 22-10-1975*

Thành lập Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên theo Quyết định số 480/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

+ *Ngày 2-12-1975*

Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 14/TV cắt xã Cư Jút thuộc huyện Đức Lập, Quyết định số 15/TV cắt xã Đạt Lý của huyện Buôn Hồ về thị xã Buôn Ma Thuột.

+ *Ngày 15-2-1976*

Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra nghị định về việc giải thể khu, hợp nhất các tỉnh

ở miền Nam Việt Nam. Theo nghị định này, toàn miền Nam có 20 tỉnh và một thành phố lớn là thành phố Sài Gòn. Tỉnh Dak Lak (cũ) và tỉnh Quảng Đức (tương đương với tỉnh Đắc Nông hiện nay) trở thành tỉnh Dak Lak (mới).

+ Tháng 3-1976

Thành lập Trường Công nhân Kỹ thuật Cơ điện Dak Lak.

+ Ngày 20-8-1976

Thành lập Công ty Ngoại thương tỉnh Dak Lak.

+ Ngày 18-12-1976

Thành lập Đoàn Địa chất thủy văn- Địa chất công trình 704 theo Quyết định số 378 TC-QĐ của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Địa chất.

+ Năm 1976

- Xây dựng hồ Ea Kao, diện tích mặt nước khoảng 300ha, một điểm du lịch của thành phố Buôn Ma Thuột.

- Dân số thị xã Buôn Ma Thuột có 192.298 người.

- Báo Dak Lak và Đài phát thanh tỉnh Dak Lak tách ra thành lập cơ quan riêng.

- Thành lập Phòng Thể dục thể thao trực thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh Dak Lak.

+ Ngày 5-3-1977

UBND tỉnh Dak Lak ra Quyết định số14/TC về việc thành lập một số đơn vị hành chính thuộc thị xã Buôn Ma Thuột: xã Ea Bông (9 buôn, 1.647 người), xã Ea Na (7 buôn, 2.763), xã Quảng Điền (8 buôn, 8.048).

+ Ngày 11-3-1977

Mở lại đường hàng không dân dụng TP.Hồ Chí Minh- Buôn Ma Thuột- Đà Nẵng.

+ Ngày 24-4-1977

UBND tỉnh Dak Lak ra Quyết định số 195/QĐ-UB cắt xã Chư

Sê (gồm 4 buôn) của thị xã Buôn Ma Thuột chuyển về huyện Krông Buk.

+ Tháng 7-1977

Đại hội Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột lần thứ IV (từ ngày 22 - 26/7/1977)

+ Ngày 11-11-1977

Thành lập Trường Đại học Tây Nguyên.

+ Tháng 11-1977

Thành lập dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn Dak Lak.

+ Năm 1977

Thành lập Công ty kinh doanh - phát triển miền núi trực thuộc Ty Thương nghiệp Dak Lak.

+ Tháng 4 -1978

Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm Daklak - Buôn Ma Thuột

+ Ngày 10-10-1978

UBND tỉnh Dak Lak ra Quyết định số 60/QĐ-UB về ranh giới, diện tích của tỉnh và các huyện thị theo chỉ thị số 80/TTg ngày 25-1-1978 của Thủ tướng Chính phủ. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 1.980.000ha. Thị xã Buôn Ma Thuột có diện tích tự nhiên là 139.000ha.

+ Ngày 23-10-1978

Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 271/CP về việc thành lập xã Čuôr Knir (xã kinh tế mới) thuộc thị xã Buôn Ma Thuột.

+ Năm 1978

-Thành lập Trường Trung học Thuỷ lợi Tây Nguyên.

- Chỉ trong 3 năm (1976-1978), đã có 180 nghìn người dân từ các tỉnh miền xuôi đến xây dựng vùng kinh tế mới, định cư tại Tây Nguyên.

+ Tháng 6-1979

Các tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp với hai hình thức hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

+ Tháng 8-1979

Đại hội Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột lần thứ V (từ ngày 04 - 06/8/1979).

+ Năm 1979

- Dân số Tây Nguyên là 1.482.781 người, trong đó người Kinh chiếm khoảng 50%.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Dak Lak thành lập Ty Thể dục thể thao.

+ Ngày 22-2-1980

Hội đồng Chính phủ ra quyết định về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số.

+ Ngày18-3-1980

Thành lập Nhà văn hóa Trung tâm tỉnh Dak Lak theo Quyết định số 136/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Dak Lak.

+ Tháng 7-1980

Nhà đày Buôn Ma Thuột được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận di tích cấp quốc gia.

+ Ngày 19-9-1981

Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 75/HĐBT về việc thành lập huyện Krông Ana trên cơ sở tách 4 xã Ea Na, Ea Bông, Ea Tiêu, Quảng Điền của thị xã Buôn Ma Thuột và 3 xã thuộc huyện Krông Pach.

+ Năm 1981

- Ty Văn hóa thông tin Dak Lak chính thức đổi thành Sở Văn hóa thông tin Dak Lak.

- Xuất bản bộ sách song ngữ Êđê- Việt đầu tiên dùng trong

trường phổ thông.

+ ***Ngày 22-2-1982***

Hội đồng Bộ trưởng ra nghị quyết về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp các tỉnh Tây Nguyên trong thời gian 1981-1985.

+ ***Tháng 8-1982***

Xuất bản sách *Đại cương về các dân tộc Êđê, Mnông ở Dak Lak* của các tác giả Bế Viết Đẳng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi ở Viện Dân tộc học.

+ ***Tháng 11-1982***

Đại hội Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột lần thứ VI (từ ngày 25 - 27/11/1982).

+ ***Ngày 18-3-1983***

Thành lập Công ty Sách- Thiết bị trường học Dak Lak theo Quyết định số 17/QĐ-UB của UBND tỉnh Dak Lak.

+ ***Năm 1983***

- Quý IV, khởi công xây dựng sân vận động Buôn Ma Thuột với sức chứa 10.000 khán giả.

- Trong các năm 1978-1983, thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, chương trình Tây Nguyên I, điều tra cơ bản về tự nhiên, con người và xã hội Tây Nguyên.

+ ***Năm 1984***

Thành phố Buôn Ma Thuột được công nhận xóa mù chữ.

+ ***Năm 1985***

- Đầu tư xây dựng khu vực chợ A và nâng cấp cải tạo khu B chợ Buôn Ma Thuột.

- Đoàn Địa chất thuỷ văn- Địa chất công trình 704 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì.

+ ***Ngày 10-3-1986***

Chợ Buôn Ma Thuột được xây dựng quy mô, khang trang, hiện đại. Tổng diện tích chợ là 12.041m^2, trong đó có 4.050m^2

nhà lồng và các quầy hàng.

+ *Tháng 8-1986*

Thành lập Trường Đảng thị xã Buôn Ma Thuột.

+ *Tháng 9-1986*

Đại hội Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột lần thứ VII (từ 18-20/9/1986).

+ *Năm 1987*

Ngành Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Dak Lak được thành lập và đi vào hoạt động trên cơ sở sáp nhập Ty Lao động, Ty Thương binh và xã hội Dak Lak.

+ *Năm 1988*

Trong các năm 1984-1988, thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, chương trình Tây Nguyên II.

+ *Ngày 26-1-1989*

Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 09/HĐBT, chia xã Chư Jut của thị xã Buôn Ma Thuột thành 3 xã là Nam Đông, Ea Pô, Ea T'ling.

+ Tháng 3/1989

Đại hội Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột lần thứ VIII (từ ngày 23 - 25/3/1989).

+ *Ngày 14-9-1989*

Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 125/HĐBT, chia xã Ea T'ling của thị xã Buôn Ma Thuột thành 3 xã mới là Ea T'ling (mới), Tâm Thắng, Trúc Sơn.

+ *Ngày 2-3-1990*

Bộ Văn hóa Thông tin ra Quyết định số 168VH/QĐ công nhận đình Lạc Giao là di tích lịch sử cấp quốc gia.

+ *Ngày 14-3-1990*

Thành lập Hội Cựu chiến binh thành phố Buôn Ma Thuột.

+ *Tháng 5-1990*

Đình Lạc Giao được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận di tích cấp quốc gia.

+ Ngày 16-9-1990

Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 227/HĐBT, thành lập huyện Cư Jút trên cơ sở cắt 5 xã của thị xã Buôn Ma Thuột là xã Ea T'ling, Tâm Thắng, Trúc Sơn, Ea Pô, Nam Đông và xã Dak La của huyện Dak Mil. Thị xã Buôn Ma Thuột còn 7 phường, 12 xã, diện tích tự nhiên là 61.300ha, dân số 228.535 người.

+ Năm 1990

Sáp nhập Trường Công nhân Xây dựng Dak Lak vào Trường Trung học Thuỷ lợi Tây Nguyên.

+ Ngày 22-8-1991

Hội nghị bàn về công tác dân tộc ở các tỉnh Tây Nguyên do Hội đồng Bộ trưởng triệu tập.

+ Tháng 11-1991

Sáp nhập Sở Thể dục thể thao và Sở Văn hóa thông tin thành Sở Văn hóa thông tin và Thể thao, đồng thời thành lập Trung tâm Thể dục thể thao của tỉnh.

+ Tháng 11/1991

Đại hội Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột lần thứ IX (từ ngày 28 - 30/11/1991).

+ Ngày 20-4-1992

Bộ Xây dựng ký Quyết định số 69/BCD-DDT, phê duyệt tổng thể thị xã Buôn Ma Thuột đến năm 2000.

+ Tháng 12-1992

Công ty cổ phần chế biến lâm sản và xuất khẩu Thăng Long là đơn vị đầu tiên của tỉnh thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

+ Năm 1992

- Thành lập trường Đào tạo dạy nghề Thanh niên dân tộc Dak Lak.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh về thăm xã EaTu, thành phố Buôn Ma Thuột
Ảnh: Phạm Huỳnh

Chủ tịch nước Trần Đức Lương làm việc với lãnh đạo của Tỉnh Dak Lak
Ảnh: Lê Phương Lan

Thủ tướng Phan Văn Khải về thăm và làm việc với lãnh đạo Tỉnh Dak Lak - Ảnh: Phạm Huỳnh

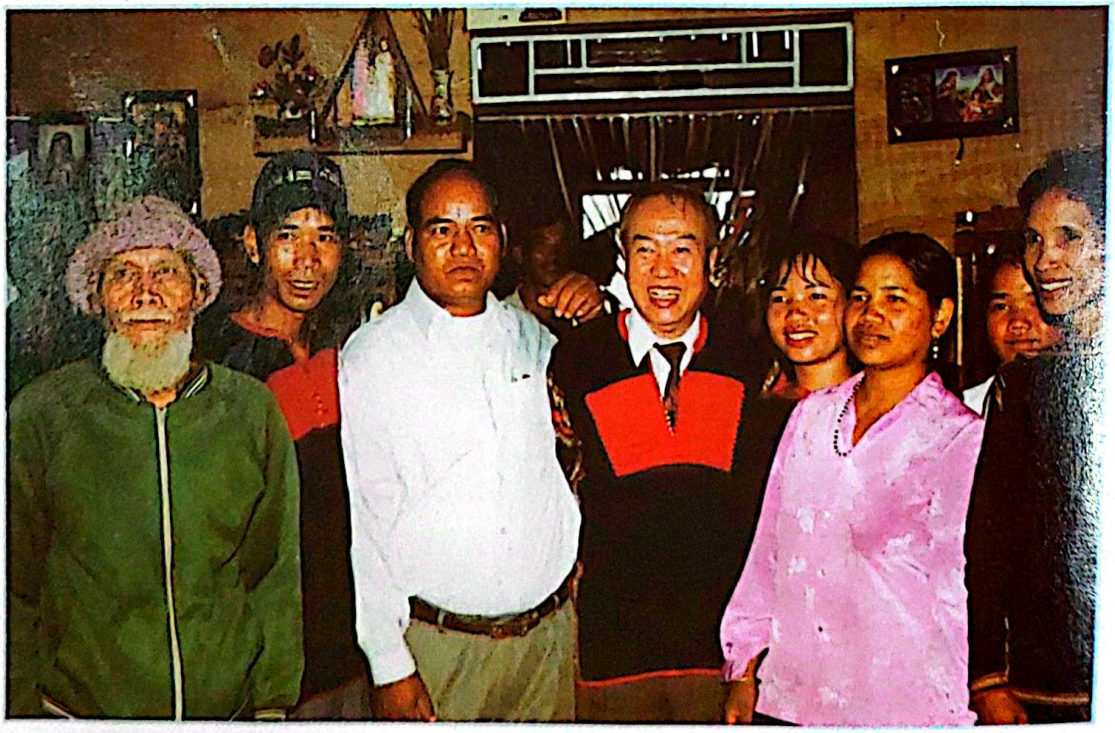

Đồng chí Nguyễn Văn An, Chủ tịch Quốc hội về thăm cán bộ và đồng bào dân tộc huyện Krông Pak - Ảnh: Lê Phương Lan

Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Phó Thủ tướng chính phủ, Trưởng ban chỉ đạo Tây Nguyên phát biểu tại buổi lễ khởi công xây dựng thủy điện buôn Kuốp

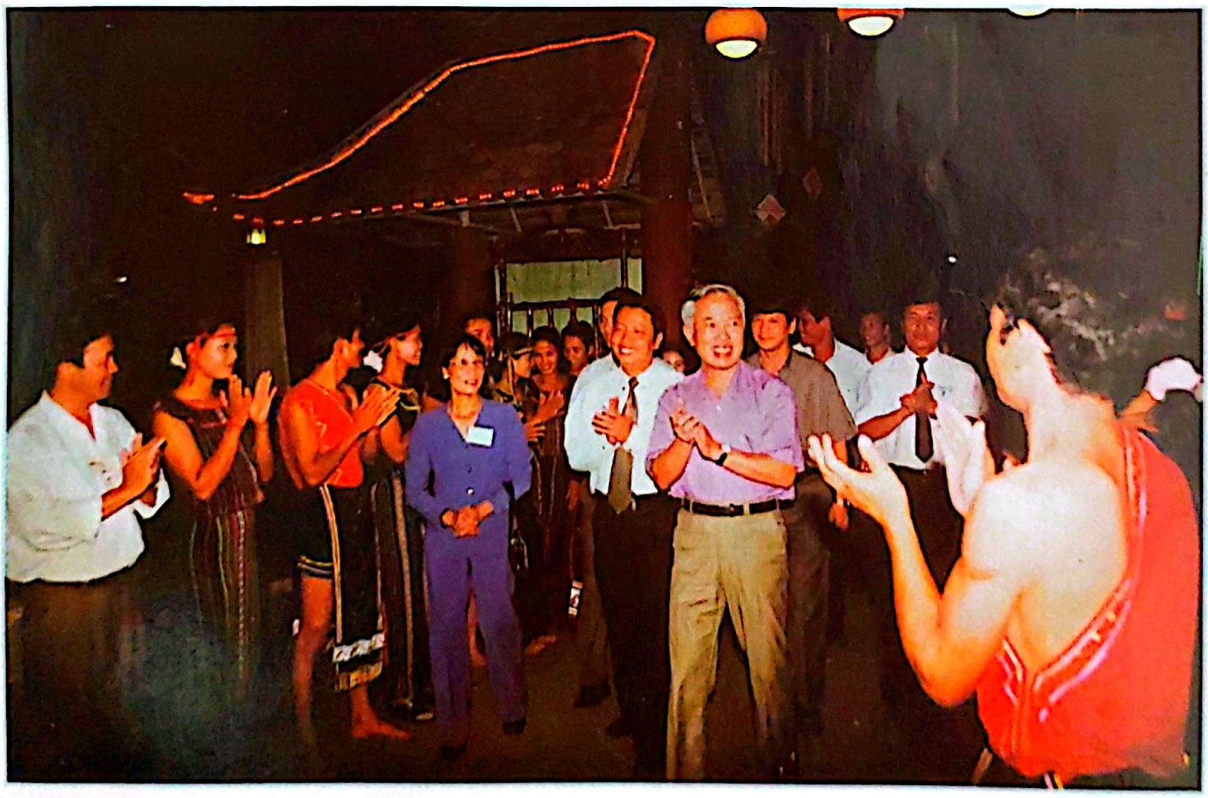

Đồng chí Vũ Khoan, Phó Thủ tướng chính phủ tới thăm "Ngày hội Dak Lak tại TP. Hồ Chí Minh"

Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng trao giải thưởng "Sao Vàng Đất Việt"

Đồng chí Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng quà các già làng thị trấn Ea Súp

Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước xem triển lãm "Văn hóa các dân tộc Dak Lak" tại Nhà thông tin Dak Lak

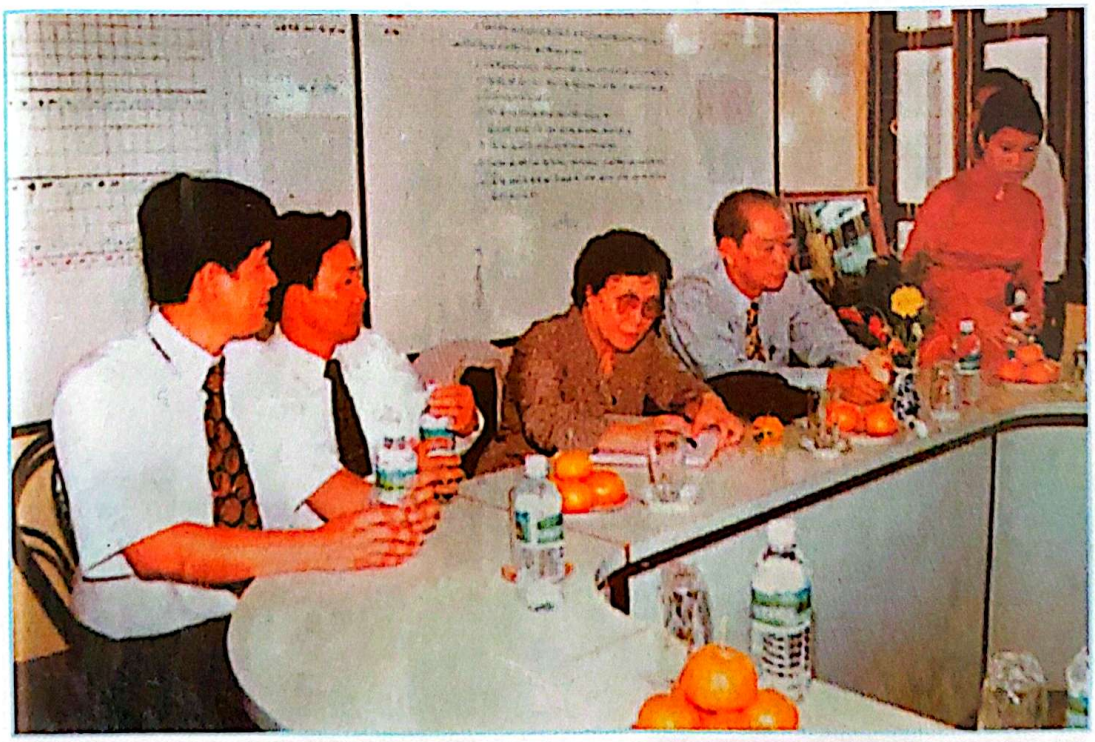

Nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình thăm và làm việc với ngành Giáo dục Dak Lak

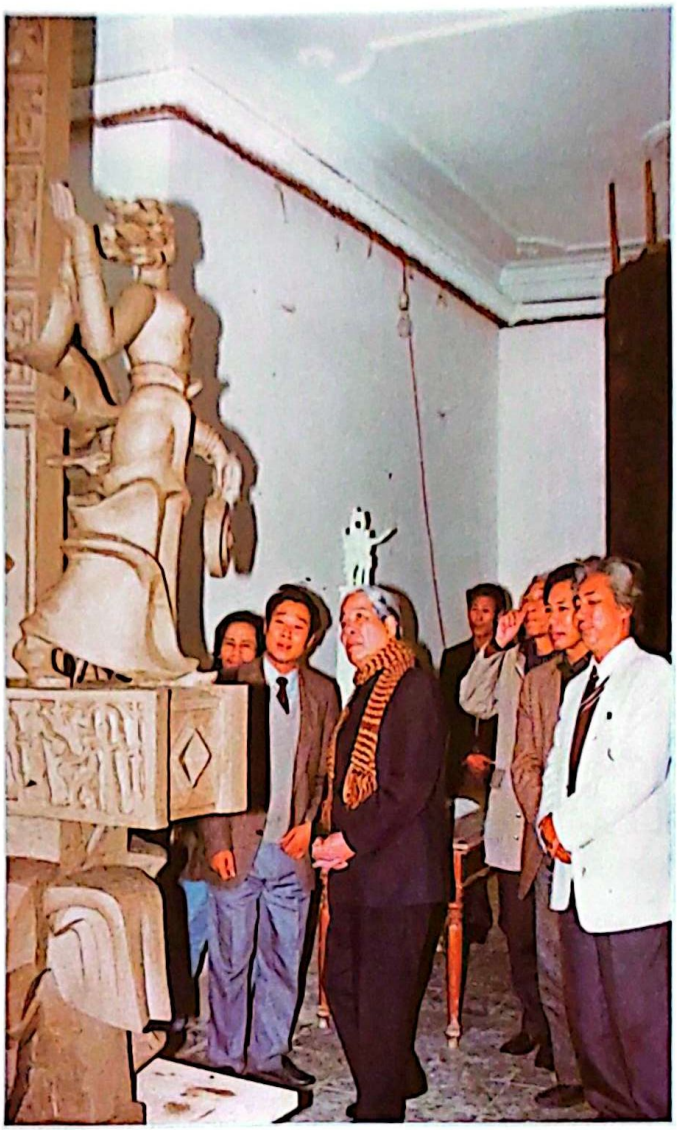

Đồng chí Đỗ Mười đến xem trưng bày mẫu phác thảo tượng đài chiến thắng Buôn Ma Thuột

Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm vườn cà phê của nông trường Thắng Lợi, tháng 11/1993

Các đồng chí lãnh đạo Thành phố Hà Nội, lãnh đạo tỉnh Dak Lak, lãnh đạo Bộ Văn hóa - Thông tin dự lễ khai mạc triển lãm Mỹ thuật Hà Nội tại Thành phố Buôn Ma Thuột

Ông Phạm Sĩ Vinh (người đội ngũ, đứng giữa) Chủ tịch UBKCHC Tỉnh Dak Lak (1945 - 1946) đi kiểm tra mặt trận Buôn Ma Thuột khi thực dân Pháp quay trở lại đánh chiếm Buôn Ma Thuột đầu năm 1946 (Ảnh gia đình Phạm Sĩ Vinh cung cấp)

Các chiến sĩ Nam Tiến chi viện cho chiến trường Buôn Ma Thuột năm 1946
Ảnh: Nguyễn Bá Khoàng

Trường tiểu học Lạc Giao năm 1942 - Ảnh: Bảo tàng Dak Lak

Đại tướng Văn Tiến Dũng nghe đồng chí Bùi San và đồng chí Huỳnh Văn Cần báo cáo kế hoạch tiến công và nổi dậy của trận Buôn Ma Thuột

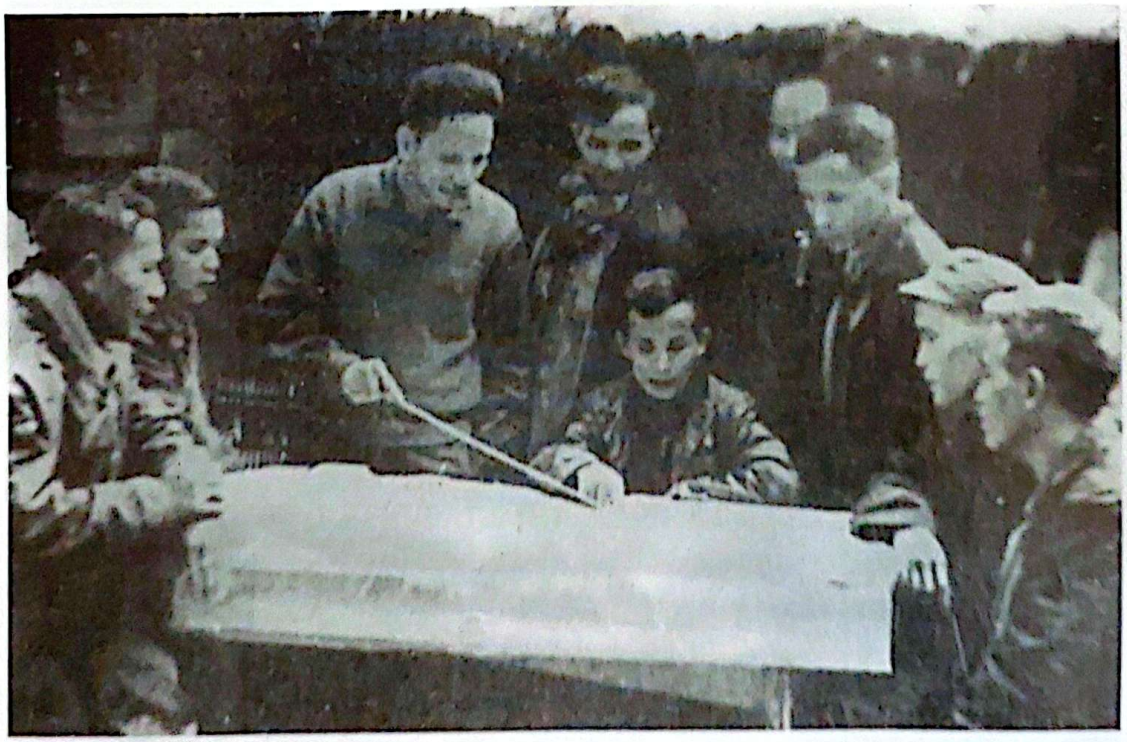

Thường vụ tỉnh ủy Dak Lak thông qua kế hoạch tiến công và nổi dậy trong trận Buôn Ma Thuột

Bộ Tư lệnh chiến dịch và các Bộ Tư lệnh sư đoàn tham gia trận đánh Buôn Ma Thuột

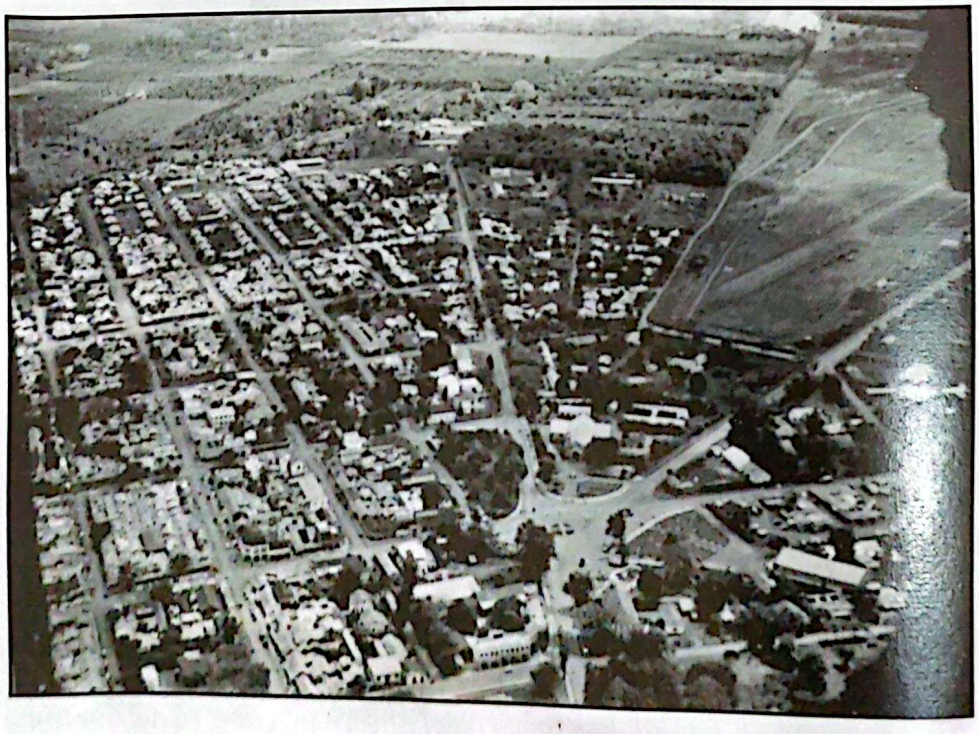

Ngã sáu và một phần Buôn Ma Thuột thập niên 50 thế kỷ XX - Ảnh: Quốc Kim

Ủy ban Quân quản Buôn Ma Thuột ra mắt tại đình Lạc Giao, sáng 18/3/1975 - Ảnh: Trần Ngọc

Nhân dân các dân tộc trong tỉnh Dak Lak hân hoan vui mừng đón chào ngày giải phóng quê hương tháng 3/1975

Toàn cảnh Đại hội Đảng bộ, Thành phố Buôn Ma Thuột lần thứ X

Diễu hành voi trong lễ kỷ niệm 10 năm chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng Dak Lak

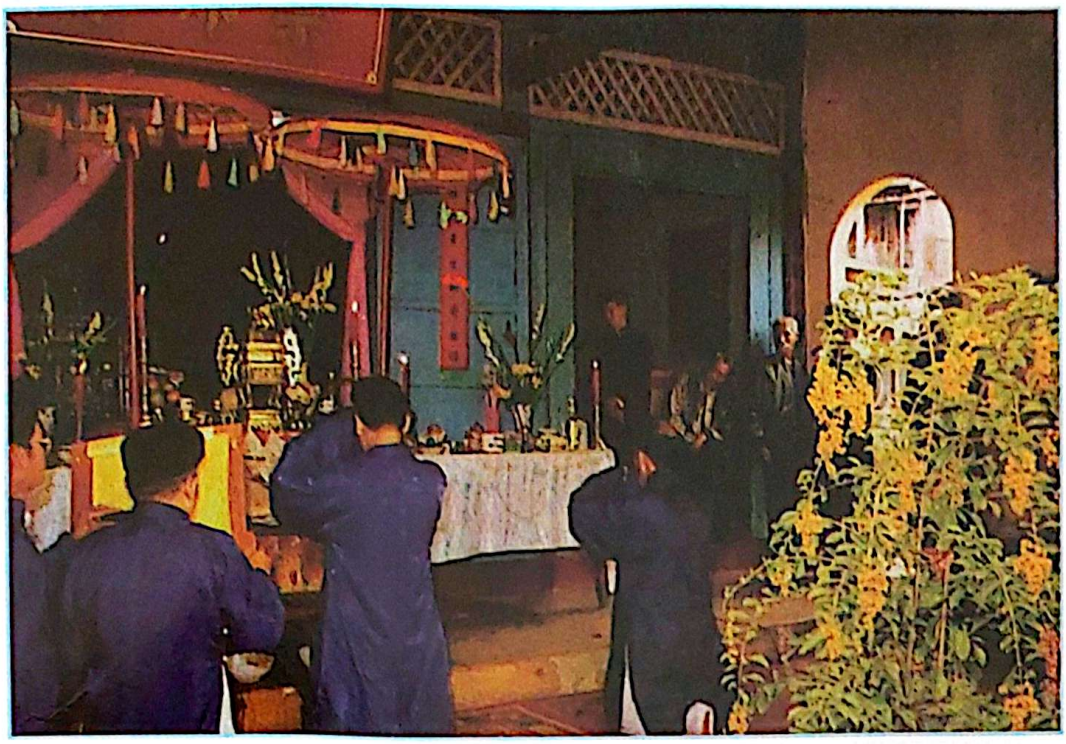

Lễ tế xuân tại Đình Lạc Giao

Rạp Kim Đồng năm 1949

Nhà đèn thời Pháp thuộc nay là Sở Điện lực

Bia Lạc Giao

Nhà Đày Buôn Ma Thuột

Buôn Ma Thuột năm 1975 - Ảnh: Phạm Huỳnh

Nhà Đày Buôn Ma Thuột

Buôn Ma Thuột năm 1975 - Ảnh: Phạm Huỳnh

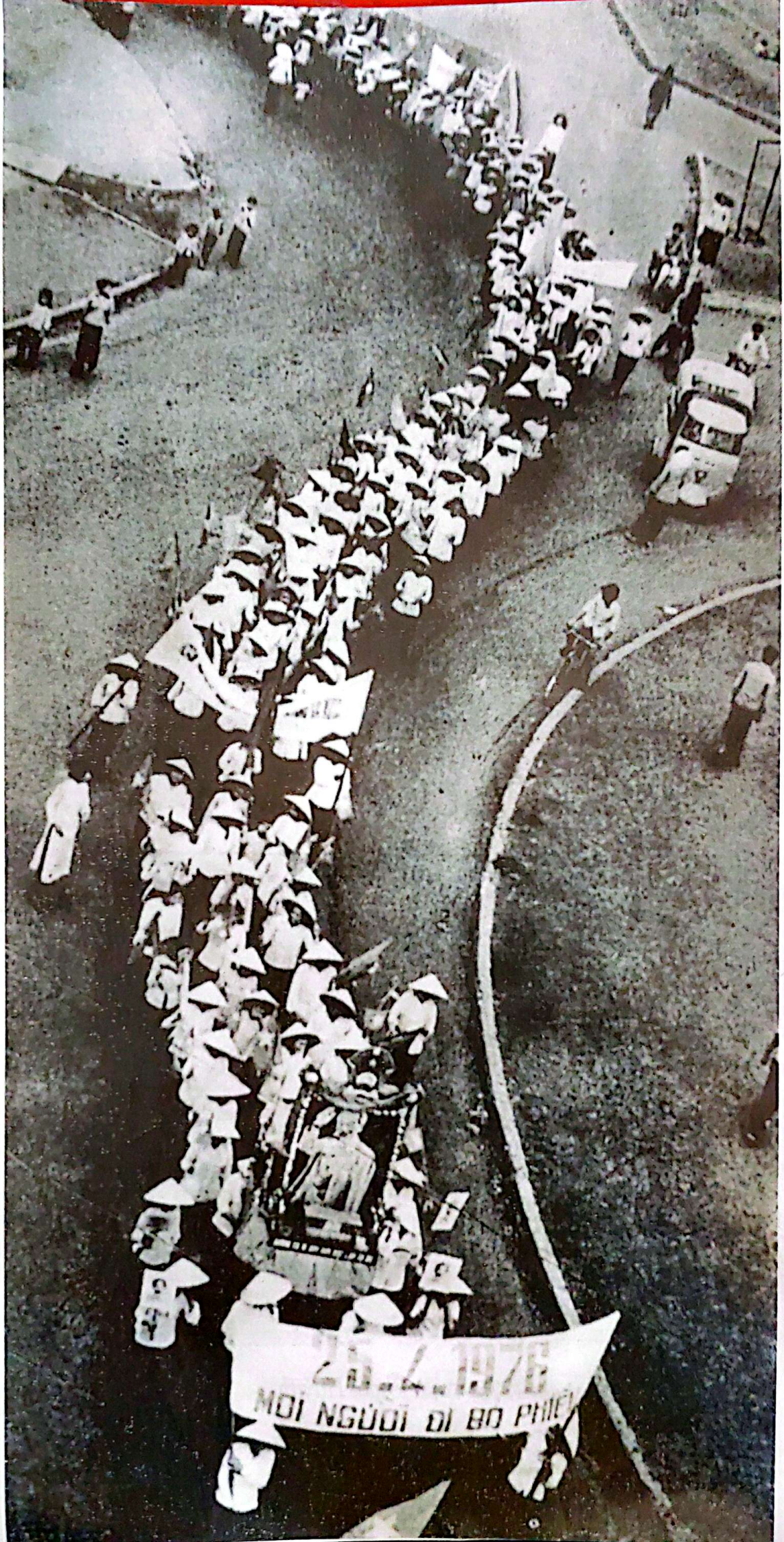

Nhân dân Buôn Ma Thuột nô nức đi Bầu cử Quốc hội Thống nhất (26-4-1976)
Ảnh: Trần Cừ

+ *Ngày 8-2-1993*

Thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Dak Lak trên cơ sở hợp nhất hai Trường Cao đẳng Sư phạm Buôn Ma Thuột và Trung học Sư phạm Dak Lak.

+ *Ngày 19-3-1993*

Thành lập Công ty Cao su Dak Lak theo Quyết định số 180QĐ/UB của UBND tỉnh Dak Lak.

+ *Ngày 7-4-1993*

Khai mạc Liên hoan văn hóa cồng chiêng các tỉnh Tây Nguyên.

+ *Năm 1993*

Tập ca khúc *Tây Nguyên nhớ Bác* do Hội Văn học nghệ thuật Dak Lak xuất bản được Ủy ban Trung ương liên hiệp các Hội Văn học- Nghệ thuật Việt Nam tặng thưởng giải thưởng duy nhất về âm nhạc.

+ *Ngày 29-8-1994*

Chính phủ ra Nghị định số 110/CP về việc thành lập xã Ea Bar trên cơ sở tách một phần diện tích tự nhiên và dân số của 2 xã Chuor Knir và xã Chư Ebur. Xã Ea Bar có diện tích tự nhiên 3.730ha, dân số 14.124 người.

+ *Ngày 22-10-1994*

Ủy ban nhân dân tỉnh Dak Lak ra Quyết định số 1034QQĐ-UB thành lập Sở Thể dục thể thao tỉnh Dak Lak.

+ *Ngày 21-1-1995*

Chính phủ ban hành Nghị định 08-NĐ/CP về việc chuyển thị xã Buôn Ma Thuột thành thành phố Buôn Ma Thuột trực thuộc tỉnh Dak Lak. Lúc này thành phố có diện tích tự nhiên khoảng 26.985ha, dân số 219.333 người, gồm 9 phường, 5 xã.

+ *Năm 1995*

- Thành phố Buôn Ma Thuột được công nhận phổ cập giáo

dục tiểu học.

- Thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức Đại hội giáo dục lần thứ nhất và mở cuộc vận động góp vốn xây dựng cơ sở vật chất.

- Trường Tiểu học Lê Hồng Phong Thành phố Buôn Ma Thuột được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng III.

- Dak Lak đạt được chiếc huy chương vàng đầu tiên tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ III.

- Chữ Êđê được khôi phục trong trường học từ lớp 1 đến lớp 3 với trường học có nhiều học sinh Êđê.

+ Ngày 3-2-1996

Khởi công xây dựng tượng đài Chiến thắng ở thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Tháng 3/1996

Đại hội Đảng bộ Thành phố Buôn Ma Thuột lần thứ X (từ ngày 28 - 30/3/1996).

+ Ngày 18-6-1996

Thành lập Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 16-7-1996

Hội nghị về *Phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên thời kỳ 1996-2000 và 2010* do Chính phủ triệu tập họp tai Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 18-7-1996

Khởi công nâng cấp quốc lộ 14 Buôn Ma Thuột- Đồng Xoài (Bình Phước)

+ Ngày 23-8-1996

Khánh thành Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát.

+ Ngày 13-9-1996

Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 656TTg về *Phát triển*

kinh tế - xã hội Tây Nguyên thời kỳ 1996-2000 và 2010.

+ Ngày 4-10-1996

Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây Nguyên.

+ Ngày 18-11-1996

Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 71/CP thành lập thêm 4 phường mới thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, gồm các phường: Tân Hòa, Tân An, Tân Lợi, Thành Nhất.

+ Tháng 11-1996

Thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức Hội thảo khoa học về chuyên đề Giáo dục đạo đức học sinh.

+ Năm 1996

- Thành hội Phụ nữ Buôn Ma Thuột được Hội đồng Bộ trưởng tặng Huân chương Lao động hạng III.

+ Ngày 20-5-1997

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Dak Lak, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia phối hợp tổ chức Hội thảo "Sử thi Tây Nguyên - Việt Nam" tại Thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 9-8-1997

UBND tỉnh Dak Lak ra quyết định thành lập Hội đồng nghiên cứu đặt tên đường trên địa bàn tỉnh

+ Ngày 3-11-1997

Thành lập Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp Tây Nguyên theo Quyết định số 930/1997-QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại Viện Nghiên cứu cà phê thuộc Tổng Công ty cà phê Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Bảo Lộc thuộc Tổng Công ty Dâu tằm tơ Việt Nam.

+ Năm 1998

Xuất bản tờ *Thông tin Dak Lak* , in bằng hai thứ tiếng Việt-Êđê.

+ Tháng 5-1999

Biệt điện Bảo Đại được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

+ Ngày 19-8-1999

Thành lập Cảng hàng không Buôn Ma Thuột theo Quyết định số 45/1999/QĐ-CHK của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

+ Năm 1999

- Xây dựng chợ xã Hòa Thuận, trị giá 3,5 tỷ đồng.

- Các công trình điện đã phủ kín tất cả các điểm dân cư trên địa bàn, kể cả 28 buôn dân tộc.

- Từ năm học 1980-1981 cho đến năm học 1998-1999, Buôn Ma Thuột có số học sinh giỏi từ lớp 5 đến lớp 9 cấp thành phố là 3.733, cấp tỉnh 585, cấp quốc gia 157. Trong đó có 4 em giải nhất toàn quốc là Trần Ngọc Nam, Lưu Minh Ngọc, Trần Nguyên Ngọc, Nguyễn Thị Hằng.

- Bộ Văn hóa Thông tin công nhận biệt điện Bảo Đại (số 4 Nguyễn Du) là di tích lịch sử cấp quốc gia. Hiện nơi này là Bảo tàng văn hóa các dân tộc ở Dak Lak.

+ Cuối năm 1999

- Khánh thành Thư viện tỉnh Dak Lak, thư viện lớn nhất Tây Nguyên.

+ Ngày 9-3-2000

Liên hoan cồng chiêng Dak Lak lần thứ 2.

+ Ngày 10-3-2000

Tại Buôn Ma Thuột, tổ chức kỷ niệm 25 năm ngày chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Dak Lak (10/3/1975- 10/3/2000). Sau 25 năm giải phóng thành phố, Buôn Ma Thuột và tỉnh Dak Lak đã đạt được những thành tựu đáng kể: cơ bản khắc phục tình trạng du canh du cư, cơ bản chấm dứt nạn đói

kinh niên, giải quyết lương thực tại chỗ cho 1,8 triệu dân, hình thành nhiều vùng cây công nghiệp tập trung với quy mô lớn, tạo ra nguồn hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

+ Ngày 27-7-2000

Thủ tướng Phan Văn Khải thăm và làm việc với tỉnh Dak Lak, Buôn Ma Thuột.

+ Ngày 22-8-2000

Trong hai ngày 22 và 23-8 đã diễn ra Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Dak Lak tại thành phố Buôn Ma Thuột. Hơn 400 đại biểu đại diện cho các sở, ban, ngành, 54 chiến sĩ thi đua và 5 bà mẹ Việt Nam Anh hùng tham dự đại hội. 5 năm qua, phong trào lao động giỏi, sáng tạo và quản lý giỏi được thực hiện rộng khắp ở các đơn vị trong tỉnh Dak Lak. Toàn tỉnh có 25 đề tài sáng tạo làm lợi gần 20 tỷ đồng, được Tổng Liên đoàn Lao động cấp bằng sáng tạo. Qua các phong trào thi đua ở Dak Lak, đã có 11 tập thể và 7 cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng, 152 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Độc lập, 27 đơn vị, cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động, 6 đơn vị được Chính phủ tặng cờ luân lưu, 95 đơn vị, cá nhân được Chính phủ tặng bằng khen.

+ Ngày 2-10-2000

Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký quyết định số 464 KT/CTN phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Dak Lak.

+ Ngày 26-7-2000

Trong hai ngày 26 và 27-10, Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm và khảo sát tình hình phòng chống lũ tại các tỉnh Lâm Đồng, Dak Lak và thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ngày 9-10-2000

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh

Dak Lak tổ chức khánh thành nhà dài Êđê và Ngày văn hóa Êđê tại Hà Nội. Ngày văn hóa Êđê giới thiệu những nét văn hóa đặc sắc của người Êđê: lễ lên nhà mới, biểu diễn âm nhạc dân gian, dệt vải, đan lát, điêu khắc gỗ.

+ Ngày 10-3-2001

Khánh thành nhà thi đấu tổng hợp với sức chứa 3.000 khán giả.

+ Cuối năm 2001

Thành lập Trung tâm Văn hóa Thông tin Dak Lak trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị: Nhà Văn hóa Trung tâm, Nhà Thông tin triển lãm và Đoàn nghệ thuật múa rối và ca kịch tổng hợp của tỉnh.

+ Tháng 12-2001

Đại hội Đảng bộ Thành phố Buôn Ma Thuột lần thứ XI (từ ngày 01 - 02/12/2001).

+ Ngày 30-12-2002

Thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích tự nhiên là 26.500ha, dân số 267.515 người, mật độ trung bình 1.009 người/ km2, gồm 13 phường và 5 xã.

+ Cuối năm 2002

Khai quật di chỉ Dhă Prông ở thôn Bảy, buôn Dhă Prông, xã Chư Ea Bur. Trên diện tích 150m2, tìm thấy 9 di tích bếp, 2 mộ táng và một khối lượng lớn di vật khảo cổ.

+ Năm 2002

- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Dak Lak đón nhận Huân chương Lao động hạng III do Nhà nước trao tặng.

- Công ty Cấp thoát nước Dak Lak được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.

- Công ty Cấp thoát nước Dak Lak hoàn thành Dự án cấp nước Buôn Ma Thuột có công suất 49.000m^3/ ngày đêm (trước đây công suất là 15.000m^3), với công nghệ sản xuất nước hiện đại, kế hoạch cấp nước đến năm 2010.

+ *Ngày 3-4-2003*

Hội nghị khoa học- đào tạo chuyên ngành Ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 30 do Trường Đại học Tây Nguyên tổ chức.

+ *Ngày 27-5-2003*

Thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Dak Lak.

+ *Ngày 7-8-2003*

Những ngày văn hóa Hà Nội tại Tây Nguyên diễn ra tại thành phố Buôn Ma Thuột.

+ *Ngày 13-8-2003*

Hội diễn Nghệ thuật quần chúng tỉnh Dak Lak lần thứ X

+ *Tháng 8-9/2003*

Tổ chức *Những ngày văn hóa Tây Nguyên tại Hà Nội.* Văn hóa Dak Lak được giới thiệu với những dàn cồng chiêng, những bộ sử thi đồ sộ, những bức tượng nhà mồ, những điệu dân ca dân vũ, những bộ trang phục dân tộc, những món ăn giản dị, thơm mùi núi rừng.

+ *Ngày 25-11-2003*

Quốc hội khoá XI, kỳ IV thông qua nghị quyết chia tỉnh Dak Lak thành tỉnh Dak Lak và tỉnh Đak Nông. Thành phố Buôn Ma Thuộc vẫn là tỉnh lỵ của tỉnh Dak Lak

+ *Năm 2003*

- Hội chợ Công nghệ thiết bị Tây Nguyên được tổ chức tại thành phố Buôn Ma Thuột.

- Dân số thành phố Buôn Ma Thuột là 267.515 người.

- Công ty Đầu tư và xuất nhập khẩu cà phê Trung Nguyên được tặng giải thưởng "Sao vàng đất Việt".

+ *Ngày 2-1-2004*

Chính phủ ra nghị định số 04/2004/NĐ-CP, sáp nhập 3 xã Hòa Phú, Hòa Xuân, Hòa Khánh của huyện Cư Jút vào thành phố Buôn Ma Thuột. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính,

thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích tự nhiên là 36.862ha, dân số 299.310 người, gồm 13 phường và 8 xã, 138 tổ dân phố, 72 thôn, 33 buôn (8 buôn trong nội thị).

+ Tháng 7-2004

Liên hoan Búp sen hồng toàn quốc lần thứ 12, diễn ra trong 4 ngày tại thành phố Buôn Ma Thuột, quy tụ 48 nhà thiếu nhi trong toàn quốc, 2.000 thiếu nhi với hơn 40 chương trình.

+ Ngày 21-8-2004

Triển lãm Mỹ thuật Nam Trung Bộ và Tây Nguyên do Hội Mỹ thuật Việt Nam phối hợp với hội Văn học nghệ thuật và Sở Văn hóa Thông tin Dak Lak diễn ra tại thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 21-8 đến ngày 2-9-2004. Triển lãm thu hút 163 hoạ sĩ với 224 tác phẩm dự thi.

+ Ngày 4-11-2004

Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 14 được tổ chức tại Buôn Ma Thuột. Liên hoan lựa chọn những tác phẩm điện ảnh có giá trị được sản xuất và phổ biến từ tháng 1-2002. Lần đầu tiên có giải thưởng dành cho kỹ thuật phim và giải phim được công chúng ưa thích nhất của Cục Điện ảnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Buôn Ma Thuột trước thềm thế kỷ mới*, UBND thành phố Buôn Ma Thuột, 2000.
- *Dak Lak thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, Công ty Quảng cáo báo chí- truyền hình Việt Nam, UBND tỉnh Dak Lak, 2004.
- *Dak Lak xây dựng và phát triển 1975-1995*, Sở Văn hóa Thông tin Dak Lak, 1995.
- *Tây Nguyên cuối thế kỷ XX vấn đề dân cư và nguồn nhân lực*, Nguyễn Tuấn Triết, Nxb Khoa học xã hội, 2003.
- *Almanach những sự kiện lịch sử Việt Nam*, Phạm Đình Nhân, Nxb Văn hóa -

Thông tin, 2002.
- *Hai mươi năm qua việc từng ngày (1945-1964)*, Đoàn Thêm, Nam Chi tùng thư, Sài Gòn, 1966.
- *Tây Nguyên sử lược*, Phan Văn Bé, Hội Giáo dục lịch sử Việt Nam, 1993
- *Buôn Ma Thuột lịch sử hình thành và phát triển*, Kỷ yếu hội thảo, UBND tỉnh Dak Lak- Viện Sử học, Buôn Ma Thuột, tháng 5-2004
- Tạp chí *Xưa và Nay*, số 67B, tháng 9-1999.
- *Việt Nam biên niên sự kiện 2000*, Nhiều tác giả, Nxb Chính trị Quốc gia, 2001
- *Monographie de la province du Darlac*, A.Monfleur, Imprimerie D'Extrême-Orient, Hanoi, 1931.
- Thị ủy Buôn Ma Thuột - *Lịch sử Phong trào đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị xã Buôn Ma Thuột*, tháng 5-1993.

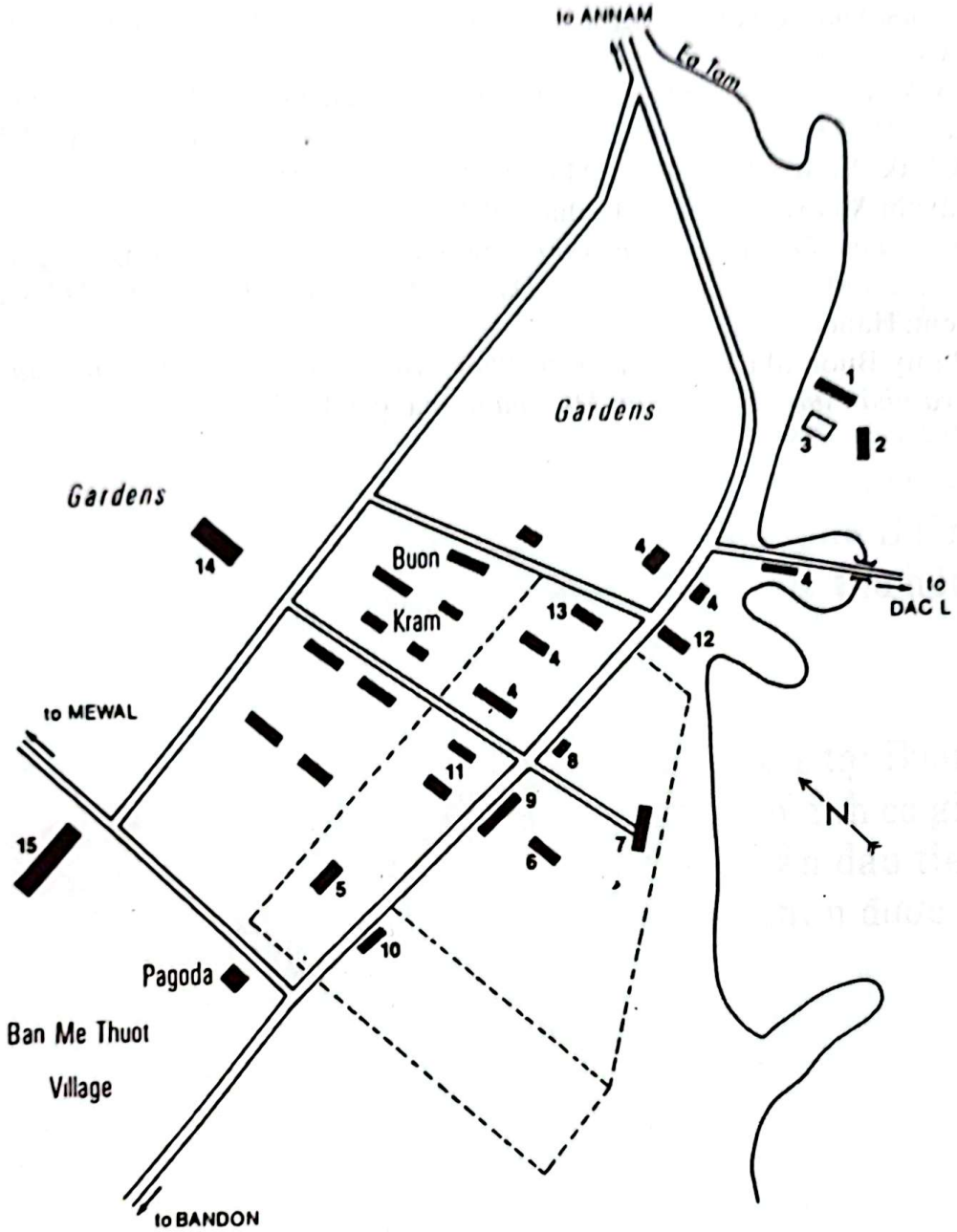

Buôn Ma Thuột năm 1905

1. Résidence: *Nhà ở*
2. Bureau: *Văn phòng*
3. Tennis: *Sân Tennis*
4. Administrative Building: *Hành chính*
5. Maison Inspecteur: *Nhà của giám đốc*
6. Office of the Garde Indigène: *Trụ sở dân quân*
7. Gade Indigène: *Dân quân*
8. Police Post: *Đồn cảnh sát*
9. Prison: *Nhà tù*
10. Ambulance: *Hồng Thập tự*
11. School: *Trường học*
12. Stable: *Chuồng ngựa*
13: Post & Telegraph Office: *Bưu điện*
14. Maison Lefèvre: *Nhà Lefèvre*
15. Batiment Lefèvre: *Tòa nhà Lafèver*

Còn thương nhau thì về Buôn Ma Thuột

Hơi nhanh, sôi nổi. *Nhạc và lời : NGUYỄN CƯỜNG*

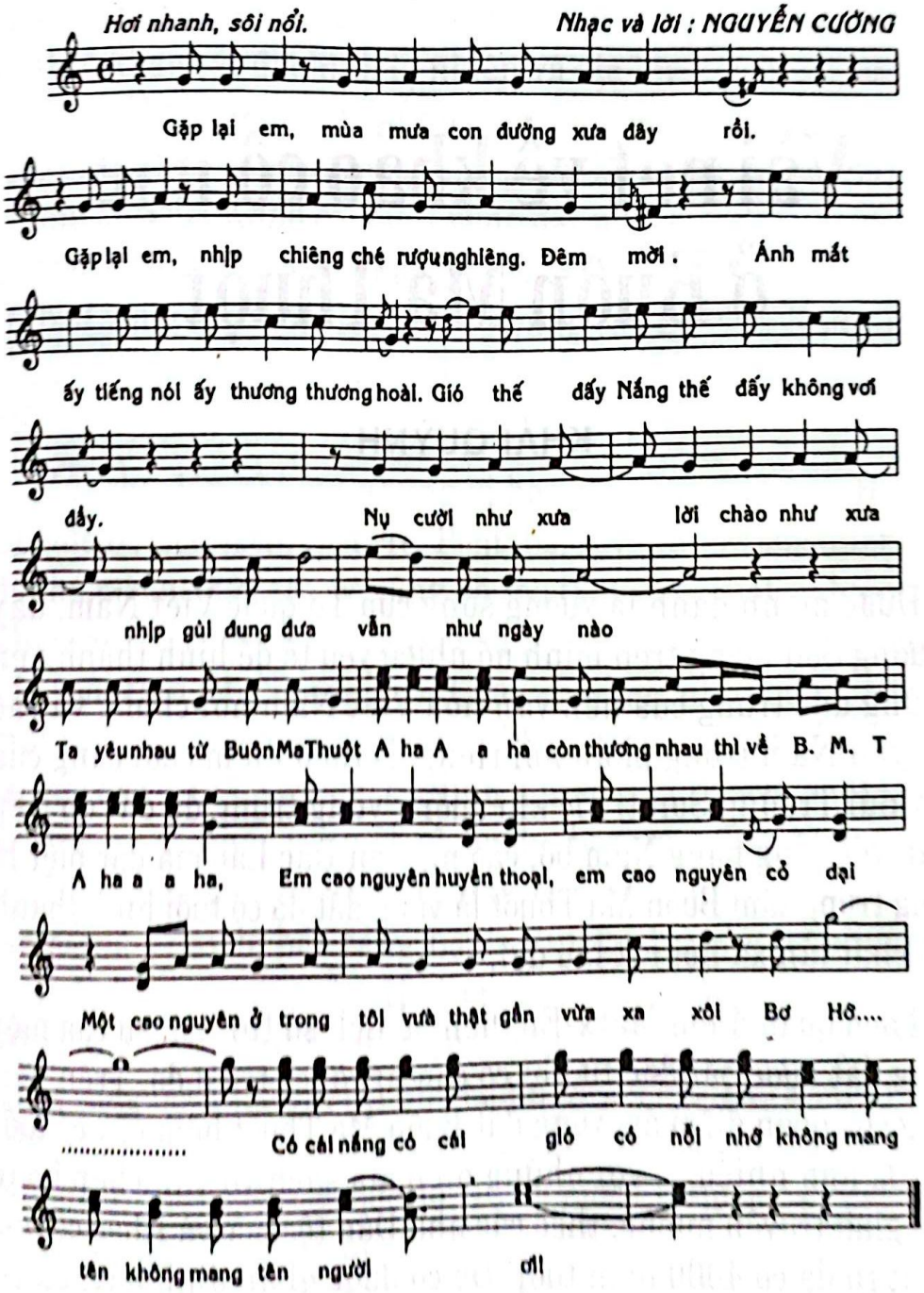

Chép lại theo bản viết tay của tác giả

Vài nét về khảo cổ học ở Buôn Ma Thuột

KHẢI QUỲNH

Được mệnh danh là xương sống của Tổ quốc Việt Nam, dãy Trường Sơn mang trên mình nó nhiều yếu tố để hình thành nên những đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam nói chung và cao nguyên Nam trung phần nói riêng. Nằm ở điểm cuối cùng của dãy núi Trường Sơn trước khi xuống vùng trung du đất đỏ tiếp giáp với đồng bằng Nam bộ, cao nguyên Đắc Lắc mà đặc biệt là vùng trung tâm Buôn Ma Thuột là vùng đất đã có tuổi hình thành địa chất lẫn xã hội rất lâu đời.

Theo quan điểm Marx-Enghen về lịch sử thì lịch sử của một vùng đất được bắt đầu từ khi có con người cư trú ở đó. Trên nền tảng của quan điểm ấy, vùng đất Buôn Ma Thuột hôm nay có tuổi cổ xưa hơn nhiều so với những điều mà sách vở vẫn chép hoặc dân gian truyền miệng, theo các nhà Dân tộc học và Khảo cổ học thì ít ra đã có 4000 năm tuổi! Để có được nhận định này, đã có rất nhiều cuộc nghiên cứu điền dã lẫn khai quật của Dân tộc học và Khảo cổ học qua những dấu tích cư trú, làm nông nghiệp của cư dân cổ ở đây thời tiền sử.

LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

Từ cuối thế kỷ XIX ở vùng đất này đã có sự xuất hiện của một lực lượng đông đảo các sĩ quan, giáo sĩ người Pháp với các nhiệm vụ khác nhau. Tuy nhiên nhiệm vụ quan trọng nhất và rõ ràng nhất là khảo sát địa hình tự nhiên và địa hình quân sự, vẽ bản đồ Đông Dương nhằm phục vụ cho mục tiêu xâm lược của thực dân Pháp. Tuy nhiên trong những lần khảo sát 1890-1891 thì những kết quả Khảo cổ học ở vùng đất này vẫn chưa có gì. Sau đó trong những chuyến khảo sát của Bác sĩ Yersin vào tháng 4/1892 ở vùng này nói riêng và cả vùng cao nguyên Nam trung phần nói chung vẫn chưa có di tích khảo cổ học nào được phát hiện.

Mãi cho đến khi mà những vị học giả thực dân như Holbé, Chénieux, Guerlach, Lefevre, Pontalis, Riviere, G.Dunoutier đến do thám vùng đất này và cũng đã thu thập được một số hiện vật khảo cổ. Thực ra đó chỉ là một số bộ sưu tập lẻ tẻ những hiện vật thời tiền sử. Những di vật này chỉ được nhắc qua loa trên một số ấn bản không chuyên về khảo cổ học. Trong thời gian truyền đạo ở Tây Nguyên, các linh mục R.P.Guerlach, M.Massie, L.Cadiere có nhắc tới một số rìu đá, bôn đá ở Tây Nguyên và gọi chung là búa trời. Ngày nay tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam(trước đây là bảo tàng Louis Finot ở Hà Nội) còn lưu giữ được 20 hiện vật đá (gồm 16 rìu bôn có vai, 1 rìu tứ giác 2 mảnh vỡ và 1 di vật hình lưỡi). Đồng thời cũng có một số hiện vật khác cũng được lưu giữ tại Tòa Giám Mục Thừa Sai Kontum mà nhà khảo cổ học tiền sử Nguyễn Khắc Sử đã khảo sát (Nguyễn Khắc Sử, 2001) gồm 3 cuốc đá, 16 bôn đá, 13 rìu đá, 2 rìu đồng, 1 giáo đồng. Trong các hiện vật khảo cổ tiêu biểu ở Tây Nguyên, ta nên chú ý đến : trống đồng ở Dak Glao (Kontum), bộ đàn đá ở Ndut Lieng Krak (DakLak) và bộ sưu tập công cụ rìu đá ở Pleiku(Gia Lai) (Condominas 1952; Lafont 1965).

Sau 1975 khi đất nước được hoàn toàn thống nhất, được sự

đầu tư và quan tâm đúng mực của Đảng và Chính phủ, một loạt chương trình nghiên cứu khảo cổ học cấp bộ, cấp Quốc gia, cấp tỉnh đã được triển khai. Trên vùng Dak Lak, đến nay đã phát hiện hơn 30 địa điểm khảo cổ học tiền sử, riêng ở thành phố Buôn Ma Thuột đã phát hiện được 4 di chỉ cư trú cổ: Dhă Prŏng (xã Ea Bur), Cao Thắng và Thôn Ba(xã Ea Kao), trong đó di chỉ Dhă PrŎng đã được khai quật(Nguyễn Khắc Sử 2004).

Di Chỉ Dhă Prŏng:

Địa điểm này ở Thôn Bảy, buôn Dhă Prŏng, xã Chư Ea Bur, thành phố Buôn Ma Thuột, hiện giờ là rẫy của ông Lê Bình(trú tại khối 6, phường Tân Lợi). Di chỉ này được phát hiện và đã đào 2 hố thám sát vào đầu năm 2002. Cuối năm 2002, di chỉ này được khai quật 150m^2, tìm thấy 9 di tích bếp, 2 mộ táng và một khối lượng lớn di vật khảo cổ(Trần Quý Thịnh, 2003).

Tầng văn hóa ở đây dày trung bình 0,5m, được phủ dưới một lớp đất dày 0,4m: chất liệu đất ở đây là đất basalte ngả màu nâu. Tìm thấy trong đó có rìu bôn, mảnh tước và đồ gốm. Tầng sinh thổ cũng là đất đỏ basalte, màu đỏ tươi, bị laterit hoá nhẹ, không có hiện vật.

Tổng số hiện vật có được qua những lần đào thám sát có 180 công cụ lao động bằng đá, 1 dao đồng và 2.125 mảnh gốm. Đây là số hiện vật có thể được xem là nhiều trong những đợt đào thám sát ở các vùng đất có giá trị về Khảo cổ học. Bên cạnh đó, tổng số hiện vật có được qua khai quật là 107 công cụ lao động bằng đá, 248 mảnh tước, trên 2000 mảnh gốm. Những hiện vật do khai quật vẫn còn đang chỉnh lý và phân loại; còn riêng phân loại 180 hiện vật đá trong những lần thám sát có 13 rìu hình bầu dục, 10 rìu hình tứ giác, 32 bôn hình thang, 12 rìu và bôn có vai, 15 mảnh rìu bôn, 3 đục, 61 bàn mài, 2 hòn nghiền, 1 đồ trang sức và 2 viên đá có giấu gia công.

Qua số lượng hiện vật có được trong những lần đào thám sát

và khai quật, ta có thể thấy được vùng đất Buôn Ma Thuột rất có tiềm năng dành cho Khảo cổ học. Vùng đất này mang trong lòng mình rất nhiều bí ẩn về khoảng thời gian hình thành và phát triển của mình.

Qua chỉnh lý và phân loại những hiện vật Khảo cổ học tiền sử ở đây, ta có thể thấy được sự đa dạng về loại hình và phong phú về chất liệu.

Các dạng công cụ cuốc hình bầu dục được làm bằng đá basalte màu xám đen rất đặc biệt. Rìu và bôn hình thang đều được làm bằng đá basalte biến chất màu trắng xám, có mặt ngoài bị phong hóa nhẹ.

Rìu & bôn có vai có số lượng khá lớn, làm bằng đá basalte màu trắng xám, mặt ngoài cũng bị phong hóa nhẹ. Ngoài cuốc, rìu, bôn, ở đây còn có bàn mài, hòn nghiền, cưa đá, nạo và đá hình bánh xe có lỗ ở giữa. Đáng chú ý là sự có mặt của đồ trang sức bằng đá và rìu đồng. Đồ trang sức bùa đeo làm bằng đá Néphrite màu xám đen, thân hình tròn dẹt, toàn thân được mài nhẵn bóng. Cạnh rìa mép có khoan thủng 1 lỗ nhỏ để xâu dây; còn mảnh rìu đồng thuộc loại có họng tra cán.

Bên cạnh một lượng rất lớn những hiện vật bằng đá thì ở đây cũng có rất nhiều hiện vật đồ gốm. Đồ gốm ở đây có 2 loại chính: loại thô đen và loại thô nâu xám. Loại thô đen chiếm tỉ lệ thấp, được làm từ đất sét, hạt mịn, xương gốm màu đen, không phủ áo gốm, không hoa văn, chân đế tháp tách rời, còn mang rõ kỹ thuật giải cuộn, miệng loe gãy gấp hoặc cong ra ngoài. Loại thô nâu xám chiếm đa số, làm từ đất sét, hạt tương đối thô, khá mềm, độ nung thấp, không có áo gốm, miệng loe, mép miệng tròn. Đặc biệt ở đây chưa thấy gốm đáy tròn, hoa văn thừng, văn in chấm ô vuông và văn khắc vạch que nhiều răng.

Về hai địa điểm Thôn Ba và Cao Thắng, nói chung giống nhau về kỹ thuật và hình dáng ở đồ gốm lẫn đồ đá, đặc biệt là rìu đá.

Ngoài các di tích hậu kỳ đá mới thành phố Buôn Ma Thuột còn tìm thấy vết tích công cụ đá cũ có niên đại cách nay vài vạn năm. Đó là địa điểm AmaY Thuột nằm ở cạnh buôn cùng tên thuộc thành phố Buôn Ma Thuột. Đây là vùng đồi đất basalte thấp nằm bên bờ cao của con suối đổ nước ra Srepok. Tại địa điểm này, Giáo sư Trần Quốc Vượng và Linh Nga Niê K'dăm phát hiện và thu lượm một số viên cuội gia công. Đây là những tín hiệu ban đầu về dấu vết di tích thời đại đá cũ cách đây hàng vạn năm ở Buôn Ma Thuột.

Qua tư liệu Khảo cổ học có được từ những di chỉ cư trú của người tiền sử ở thành phố Buôn Ma Thuột, đặc biệt là Dhă Prŏng, có thể khẳng định Buôn Ma Thuột là vùng đất cổ, có con người hậu kỳ đá mới sinh sống ở đây cách nay khoảng 4000 năm, có niên đại tương đương với văn hóa Buôn Triết ở Dak Nông, văn hóa Lung Leng ở Kontum và văn hóa Biển Hồ ở Pleiku.

Xung quanh thành phố Buôn Ma Thuột, cách thành phố không xa, cũng thuộc cao nguyên Buôn Ma Thuột, các nhà Khảo cổ học đã phát hiện và thám sát ở: thôn Mười (huyện Chư Jut), Thôn Một(huyện Chư M'gar), Buôn Râu(huyện Krông Pách), Tshan A(huyện Ea H'leo), Chư K'tur(Ea Kar)

Qua nghiên cứu, các nhà Khảo cổ học tạm xếp các di chỉ khảo cổ học ở cao nguyên Buôn Ma Thuột vào một đới văn hóa- văn hóa Buôn Ma Thuột(Nguyễn Khắc Sử). Văn hoá Buôn Ma Thuột hiện biết gần 10 địa điểm, có trung tâm là thành phố Buôn Ma Thuột. Dưới góc độ lịch sử văn hóa, mỗi di tích là một làng, mỗi cụm di tích là một dạng liên làng, toàn bộ các di tích ở cao nguyên này là một kiểu siêu làng. Các cụm di tích này có sự tương đồng nhau về di tích và di vật. Đây là dấu hiệu của một *văn hoá khảo cổ thống nhất*. Cư dân cổ ở Buôn Ma Thuột sử dụng phổ biến cuốc hình bầu dục bằng đá, rìu bôn tứ giác, rìu bôn có vai bằng đá basalte, đồ gốm thô kệch, chứng tỏ đây là những cư dân nông nghiệp có những công cụ lao động thích hợp với chất đất và cấu

tạo địa chất của vùng này để canh tác. Những chiếc cuốc không có chuôi tra cán, hình bầu dục, rìa lưỡi mỏng hình cung chỉ gặp ở vùng trũng Krông Pách, Lắc và cạnh đầm hồ xung quanh thành phố Buôn Ma Thuột. Cho đến nay, loại cuốc này ngoài Buôn Ma Thuột ra thì chưa tìm thấy ở đâu khác trên vùng Tây Nguyên.

Qua các hiện vật, ta thấy được sự giao lưu và hội nhập văn hóa không chỉ giữa những cư dân bộ lạc cổ Tây Nguyên mà còn vươn rộng ra các khu vực xung quanh. Sự có mặt của rìu đồng trong tầng văn hóa di chỉ Dhă Prŏng (Buôn Ma Thuột). Phải chăng những đồ đồng này là kết quả của sự giao lưu với các trung tâm văn hoá thời cổ khác ở Đông Nam Á như Đông Sơn-Bắc Lào-Đông Bắc Thái-Sam Rông Sen-Đồng Nai-Sa Huỳnh.

Hiện tại, chúng ta còn rất nhiều điều cần phải nghiên cứu về vùng đất Tây Nguyên, đặc biệt là vùng Buôn Ma Thuột. Đã từ lâu rồi, trong tâm tưởng của mỗi chúng ta cho rằng Tây Nguyên là vùng đất lạc hậu, hoang sơ. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, với những phát hiện mới về khảo cổ học thì chúng ta phải dần thay đổi nhận thức về vùng đất bí ẩn này, một quá khứ vàng son của Buôn Ma Thuột dần hiện ra trước mắt. Được sự quan tâm đúng mực của Đảng và Chính phủ, bên cạnh sự phát triển kinh tế-xã hội ở Buôn Ma Thuột thì sự đầu tư cho công tác khảo cổ học ngày càng mạnh sẽ dần dần vén lên bức màn của thời gian để chúng ta hiểu rõ hơn về mảnh đất được mệnh danh là đốt cuối cùng của xương sống Việt Nam.

Buôn Ma Thuột Thành phố của những cộng đồng dân tộc

PGS. TS. PHAN AN

Buôn Ma Thuột, ngay cái tên khai sinh, đã nói lên nguồn cội của thành phố. Chiều dày lịch sử của thành phố không chỉ là một trăm năm tuổi kể từ ngày viên Toàn quyền Đông Dương thuộc Pháp ký Sắc lệnh thành lập tỉnh Dak Lak với Buôn Ma Thuột là thủ phủ. Lịch sử Buôn Ma Thuột và thành phố Buôn Ma Thuột còn phải cộng thêm không ít thời gian về trước. Bởi lẽ, Buôn Ma Thuột, thành phố khởi đầu từ một làng của người dân tộc, một "Buôn" của người Êđê, mà cho tới hôm nay dấu vết vẫn còn hằn rõ (*). Các buôn của người Êđê vẫn còn đó, ngay giữa TP. Buôn Ma Thuột. Hẳn vì lẽ đó, nói về lịch sử hình thành và phát triển của TP. Buôn Ma Thuột không thể không nói đến những cộng đồng tộc người đã từng hiện diện nơi mảnh đất này, những người Êđê, M'Nông và các tộc người khác.

Tây Nguyên, vùng đất có TP. Buôn Ma Thuột như là một trung tâm văn hóa, chính trị của miền đất cao nguyên phía Tây, vốn là quê hương của nhiều dân tộc bản địa. Hàng nghìn năm qua và

cho đến tận hôm nay, các dân tộc bản địa ở nơi đây đã sinh sống và kiến tạo nên một nền văn hóa đặc sắc. Có lẽ khởi đầu sớm nhất, Buôn Ma Thuột là vùng đất cư trú của người Êđê. Người Êđê là một dân tộc ít người cư trú trên một địa bàn khá rộng lớn ở Tây Nguyên, tập trung ở Dak Lak, Dak Nông, Gia Lai Người Êđê thuộc hệ ngôn ngữ Nam Đảo – Malaio Polynesien, ngôn ngữ Êđê có quan hệ mật thiết với ngôn ngữ Jarai, Churu, Raglai, Chăm là những tộc người cùng hệ ngôn ngữ. Dân tộc Êđê đến nay vẫn còn duy trì cách tính huyết thống theo phía mẹ tức chế độ mẫu hệ. Cho tới giữa thế kỷ trước, người Êđê vẫn còn giữ nếp cư trú theo kiểu nhà dài, một dạng đại gia đình mẫu hệ giống như ở một số các dân tộc khu vực Đông Nam Á hải đảo. Theo một số tài liệu của người Pháp, vào đầu thế kỷ XX, họ đã bắt gặp những ngôi nhà dài hơn 100 mét, trong đó có hàng chục gia đình nhỏ sinh sống. Những gia đình nhỏ này có quan hệ bà con về phía mẹ, như gia đình của các chị em gái, các cháu gái. Vai trò của người phụ nữ Êđê được xã hội tôn trọng đặc biệt, những người đàn bà lớn tuổi được đề cao và kính trọng. Ngày nay ở TP. Buôn Ma Thuột vẫn còn những ngôi nhà dài truyền thống của người Êđê. Tuy số lượng các gia đình có ít hơn, bởi một số gia đình nhỏ đã tách hộ ra sinh sống và cư trú độc lập.

Hoạt động kinh tế truyền thống của người Êđê cũng gần giống như nhiều dân tộc ít người ở Tây Nguyên và Đông Nam bộ, đó là canh tác những rẫy với kỹ thuật gieo trồng khá đơn giản. Hàng năm vào mùa mưa khoảng tháng 3 tháng 4 dương lịch, người Êđê bắt đầu vào chu kỳ canh tác. Họ thường chọn những khoảng rừng tương đối bằng phẳng cạnh sông nước hoặc hồ nước để phát rẫy, đốn hạ một số cây cối và chờ cây khô, dùng lửa đốt. Sau đó, mọi người tham gia chọc lỗ gieo hạt lúa. Rẫy lúa người Êđê, ngoài trồng lúa còn trồng bắp, các loại rau đậu, thuốc lá, bông vải, với phương thức luân canh, mỗi khoảng rẫy được canh tác khoảng 3 đến 4 vụ, và sau đó bỏ hóa để đất rừng có thời gian phục hồi độ phì nhiêu và chống xói mòn. Người Êđê cũng rất quan tâm đến

việc bảo vệ rừng, họ không bao giờ phát chặt rừng đầu nguồn, mà theo dân gian là những khu rừng thiêng, nơi cư ngụ của thần linh. Họ cũng không chặt hạ những cây cổ thụ như cây kơnia, pơlang có trên rẫy.

So với một số các dân tộc khác, người Êđê tương đối ổn định nơi cư trú và khu vực đất rừng sở hữu. Một số buôn của người Êđê, trong đó có Buôn Ma Thuột vào loại ít chuyển dịch, đã có hơn một trăm năm qua tại chỗ. Buôn là một tổ chức xã hội truyền thống của người Êđê, mỗi buôn có 10 ngôi nhà dài hoặc hơn với nhiều dòng họ. Đứng đầu buôn là Pôpin Ea và những người giúp việc ông (K'Eng) do các thành viên trong buôn bầu lên và chịu trách nhiệm quản lý buôn. Trong buôn còn có những người lo việc xử kiện Pô Phat Kđi, người cúng thần linh Pô Riu Yang, và những nghệ nhân như Po Khan người kể sử thi, Pô Tông Ching là người đánh cồng chiêng Việc quản lý các buôn dựa trên các quy định của luật tục, mà luật tục Êđê rất nổi tiếng và được biết đến bởi sưu tập của L. Sabatier, vốn là công sứ người Pháp ở tỉnh Dak Lak thực hiện vào những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ trước gọi là klei duê Klei bhiăn kđi *(Trường ca về các tập quán).* Bên dưới Pô pin Ea, là những chủ nhân nhà dài, tức người trưởng tộc gọi là Khoa Sang. Đó là những người đàn bà cao tuổi và cao thế hệ nhất trong dòng họ. Bà có trách nhiệm lo việc quản lý dòng họ của mình về con người và tài sản của dòng họ.

Người Êđê, có một kho tàng văn hóa truyền thống hết sức phong phú và đặc sắc. Đó là những bộ sử thi rất nổi tiếng như Đam San, Xing Nhã Kể về những người anh hùng Êđê trong buổi khởi thủy cùng những chiến công hiển hách, chinh phục nữ thần mặt trời. Văn hóa truyền thống Êđê là âm nhạc cồng chiêng, là nghệ thuật chế tạo rượu cần, là nghệ thuật điêu khắc, tượng nhà mồ, là truyền thuyết về hang đất Adrênh, nơi khai sinh ra các dân tộc ở Tây Nguyên

Lịch sử Buôn Ma Thuột, đã đành là vùng đất bản địa của

người Êđê, nhưng cũng chính nơi đây là điểm giao lưu văn hóa giữa các tộc người bản địa ở Tây Nguyên, là các tộc người M'Nông, Jarai và gần đây là người Việt và các dân tộc từ miền Bắc di cư. Trước hết nói về quan hệ, giao lưu văn hóa giữa người Êđê của Buôn Ma Thuột với người M'Nông. Thực ra, sự khác nhau giữa các cư dân bản địa ở Tây Nguyên, chủ yếu là về mặt ngôn ngữ, còn về một số nét trong đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa khá tương đồng nhau. Người M'Nông cũng vậy, người M'Nông là một tộc người cộng cư có quan hệ khá mật thiết với người Êđê. Ở Dak Lak, địa bàn cư trú giữa người Êđê và người M'Nông gần như xen kẽ nhau. Chỉ cách Buôn Ma Thuột vài chục cây số đã có những cộng đồng của người M'Nông cư trú, và họ cũng đã có những đóng góp nhất định vào lịch sử hình thành, phát triển của Buôn Ma Thuột và TP. Buôn Ma Thuột sau này. Người M'Nông ở ngoại vi Buôn Ma Thuột và hiện đang sinh sống ở nhiều địa bàn thuộc Dak Lak và Dak Nông. Người M'Nông thuộc hệ ngôn ngữ Môn Khmer, gần với các tộc người Stiêng, Mạ, Kơho ở phía Nam Tây Nguyên và Đông Nam bộ. Người M'Nông cũng hãy còn duy trì chế độ mẫu hệ, và họ cũng có những ngôi nhà dài, những quy mô và kiến trúc có phần khiêm tốn hơn so với người Êđê. Họ cũng có những sử thi và đời sống tâm linh khá độc đáo, cũng gần gũi với người Êđê. Người M'Nông cũng còn rất nổi tiếng với nghệ thuật săn bắt voi và thuần dưỡng voi, mà có một vài ý kiến cho rằng chính người Êđê đã học tập được rất nhiều của người M'Nông trên lĩnh vực này. Những người thợ săn voi của Êđê và M'Nông đều thờ cúng thần voi Nguek Ngoak. Người M'Nông cũng còn là chủ nhân của nhiều bộ đàn đá, mà nổi tiếng nhất là bộ đàn đá phát hiện ở Ndut Liêng Krắc đang trưng bày ở Bảo tàng con người tại Paris (Pháp). Hai tộc người này sống cạnh nhau, xen kẽ nhau ảnh hưởng văn hóa giữa họ là một tất yếu. Ngay đến cách gọi Buôn (Buôn Ma Thuột) của người Êđê, về mặt ngôn ngữ chính đã sử dụng một từ Môn – Khmer của nhóm người M'Nông. (Nếu theo ngữ hệ Malaio – Polynesien thì phải gọi là

Plei, Palây).

Các tộc người ở Tây Nguyên, Êđê, M'Nông, Stiêng, Jarai, Bana sớm đã có quan hệ văn hóa, lịch sử, và cũng sớm liên kết lại chống thực dân đế quốc xâm lược thôn tính Tây Nguyên. Vào cuối thế kỷ XIX, người Pháp đã hiện diện ở Tây Nguyên thực hiện chế độ trực trị tàn bạo với các dân tộc ít người ở đây. Và, cũng từ đó bắt đầu một phong trào chống Pháp lan rộng khắp các dân tộc ở Tây Nguyên. Những cuộc nổi dậy của các dân tộc ít người với các thủ lĩnh Ama Jhao (1886-1905), Ama Wal, Ama Kơl, N'Trang Gu'h *1887) và đặc biệt là cuộc kháng chiến do Nơ Trang Lơng (Ama Trang Lơng) chỉ huy (1912-1935) đã gây nhiều tổn thất cho thực dân Pháp. Từ sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, thực dân Pháp đã biến Buôn Ma Thuột thành nơi tù đày giam giữ những người cộng sản. Nhưng cũng từ đó, hạt giống cách mạng của Đảng đã sớm ươm mầm trên vùng đất Buôn Ma Thuột,.Tây Nguyên. Tây Nguyên và các tộc người Tây Nguyên đã trở thành căn cứ địa cách mạng trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Buôn Ma Thuột vinh dự trở thành điểm khởi đầu dẫn đến chiến dịch Hồ Chí Minh đại thắng mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Nói đến lịch sử hình thành và phát triển TP. Buôn Ma Thuột, cùng với các dân tộc thiểu số, cũng còn cần phải nói đến những đóng góp của cộng đồng người Việt (Kinh). Người Việt đến Tây Nguyên, đến Buôn Ma Thuột vào thời điểm nào? Điều này cũng chưa có ai xác định chắc chắn, chỉ biết từ thế kỷ XVI đã có Bùi Tá Hán do triều đình nhà Lê bổ nhiệm cai quản vùng Trấn Nam (vùng miền Tây từ Quảng Nam đến Bình Thuận). Thời nhà Nguyễn, đã có việc cắt cử một số viên quan đi tuần trú khu vực gọi là các "sách man" tức vùng một số dân tộc ở Tây Nguyên. Cũng trong thời gian này các thương lái người Việt đã thường xuyên lên xuống vùng các dân tộc ở Tây Nguyên để đổi chác thu mua lại các loại lâm thổ sản, hương liệu. Tuy nhiên, phải đến

những thập niên đầu thế kỷ XX, mới có một số lượng đáng kể người Việt tìm đến cư trú và sinh sống ở Tây Nguyên. Những người Việt thường tập trung ở các trung tâm hành chính, gần đường giao thông như Buôn Ma Thuột. Sự hiện diện của người Việt đã góp phần tích cực cho việc phát triển của Tây Nguyên nói chung và Buôn Ma Thuột nói riêng. Sự tập trung đông đảo của người Việt ở Buôn Ma Thuột là một trong những cơ sở để nâng cấp một buôn làng thành một tỉnh lỵ, một thành phố. Người Việt đã đến Tây Nguyên với những kinh nghiệm, kỹ thuật canh tác nông nghiệp trồng lúa, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, đồng thời cũng du nhập các hoạt động buôn bán trao đổi. Hoạt động kinh tế của Tây Nguyên đã có sự phát triển, cùng với những thay đổi về nếp sống văn hóa, tổ chức xã hội, làm cho bộ mặt Tây Nguyên có những biến đổi nhất định. Tiếp tục những thập kỷ về sau này, người Việt đã có nhiều đợt di dân lên vùng Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên. Số lượng dân cư người Việt đến cuối thế kỷ XX đã tăng lên khá lớn và góp phần đẩy mạnh công cuộc khai thác, phát triển Tây Nguyên.

* * *

Thành phố Buôn Ma Thuột đã qua một thế kỷ hình thành và phát triển. Từ chỗ là một làng của người dân tộc, đến nay đã là một thành phố thủ phủ của cao nguyên phía Tây nước ta. Đó là thành phố của nhiều cộng đồng dân tộc Việt Nam. Chính điều đó đã tạo cho Buôn Ma Thuột, một thành phố có nét lịch sử và văn hóa độc đáo, một lịch sử tiêu biểu của vùng đất Tây Nguyên, một phức hợp văn hóa đa dân tộc, và một sức sống mạnh mẽ đang vươn lên về phía trước

(*) Một số thành phố ở nước ta cũng khởi đầu từ một làng của người dân tộc thiểu số. Ngoài Buôn Ma Thuột còn có Pleiku, Kon Tum, Sóc Trăng, Đà Lạt...

Những người con của đồng bào Êđê đến với cách mạng đi theo Bác Hồ

TRƯƠNG BI

Ngày nay, được sống trong độc lập, tự do, có cơm no áo ấm, có buôn rộng rẫy dài, được mở hội hàng năm theo phong tục cộng đồng, đồng bào các dân tộc Dak Lak hát mãi bài ca, ca ngợi công ơn như trời cao, biển rộng của Đảng, Bác Hồ kính yêu:

"Người cứu dân tộc mình
Cho suối đánh đàn
Cho hoa gơma nở
Cho nương đầy lúa
Rẫy đầy khoai
Cho suối sông đầy cá nước hoa ngàn
Cho con gái cườm đeo quanh cổ
Là Đảng, Bác Hồ kính yêu"

Bài ca ấy theo năm tháng cứ bay xa, vang mãi trong các buôn làng. Nó nhắc lại cho con cháu các dân tộc Dak Lak về một quá

khứ hào hùng của ông cha trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc để đem lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho mọi nhà.

Tìm về quá khứ, chúng ta càng yêu quý mảnh đất này, bởi mỗi tấc đất đều thấm bao máu xương của bao đồng bào, đồng chí, của những người con dân tộc Êđê đến với Cách mạng, đi theo Bác Hồ lập nên bao chiến công hiển hách, góp phần giải phóng Tây Nguyên, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc:

Đó là người thanh niên Y Bih Alêô, sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo khổ ở buôn Niêng, xã Ea Nuỗl, Buôn Ma Thuột. Năm 1921, chủ buôn bắt cóc YBih Alêô đi học tại Buôn Ma Thuột. Năm 1927 do Y Bih Alêô học giỏi, nên được chọn làm thông ngôn (*phiên dịch tiếng Êđê tiếng Pháp*) cho trung úy Toóc Đô để bọn chúng vẽ bản đồ các buôn làng ở Dak Lak. Tháng 2-1928, bọn Pháp bắt Y Bih Alêô đi lính khố xanh, sau đó cho đi học hạ sĩ quan và phong cai nhì rồi cai nhất. Một năm sau chúng phong Y Bih Alêô lên đội nhất chỉ huy lính khố xanh canh gác nhà đày Buôn Ma Thuột và áp tải tù nhân đi lao động khổ sai ở các công trường làm đường, cầu cống, nhà cửa cho thực dân Pháp. Tại đây, Y Bih Alêô được gặp các chiến sĩ Cách mạng bị giam cầm trong nhà đày Buôn Ma Thuột, như Bùi San, Phan Đăng Lưu, Tôn Quang Phiệt và nhiều đồng chí khác giác ngộ, nên dần dần người thanh niên này đã hiểu được dã tâm xâm lược của bọn thực dân Pháp và nỗi nhục mất nước của dân tộc mình. Từ đó, Y Bih Alêô có cảm tình với Cách mạng, sẵn sàng giúp đỡ tù chính trị lưu chuyển tài liệu từ ngoài vào nhà đày và từ nhà đày ra ngoài. Tháng 3-1945, thực dân Pháp đầu hàng Nhật. Lúc này Y Bih Alêô mới hiểu rằng: "*Nếu trước đây tôi coi Pháp là thần tượng oai hùng bao nhiêu, thì nay tôi coi thường nó bấy nhiêu. Đối với tôi hình tượng Pháp đã sụp đổ? Trong lúc đang hoang mang dao động, thì tôi đã nhìn thấy ánh sáng từ phía những người tù chính trị*".

Lúc này Y Bih Alêô, được các anh Phan Kiệm, Tống Đình

Phương, Lê Văn Trí tiếp tục giác ngộ, mời họp cùng các anh, bàn bạc chuẩn bị cướp chính quyền ở Dak Lak. Ngày 23/8/1945, Y Bih Alêô cùng các anh Phan Kiệm, Huỳnh Bá Vân, Nguyễn Khắc Tính tổ chức cuộc Mít tinh trong trại Bảo an binh. Các đồng chí của ta đã cử Y Bih Alêô kêu gọi binh lính trở về với Cánh mạng. Cách mạng tháng Tám thành công ở Dak Lak, Y Bih Alêô trở thành người Cách mạng,tiếp tục tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Ông được bầu vào Ủy ban Mặt trận Giải phóng miền Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Đó là người thanh niên Y Ngông Niê K'đăm, sinh ra trong một gia đình dân tộc Ê đê nghèo khổ tại buôn Sút, huyện Cư M'gar. Từ nhỏ hai anh em Y Ngông, Y Wung đã mồ côi cha, phải ở với bố dượng. Năm 7 tuổi anh em Y Ngông, Y Wung bị Pháp bắt lên Buôn Ma Thuột để học văn hóa, riêng Y Ngông học rất giỏi nên được Pháp cho về học trường Trung học Quy Nhơn. Ở Quy Nhơn, người thanh niên này học rất chăm chỉ, đến năm thứ ba thì tham gia phong trào thanh niên, học sinh chống áp bức của thực dân Pháp, nên bị tước học bổng đuổi về Dak Lak. Về Dak Lak Y Ngông xin làm hộ lý phụ tá tại Bệnh viện tỉnh. Một thời gian sau được thực dân Pháp cho đi học trường Y sĩ Đông Dương tại Sài Gòn. Tại đây có phong trào thanh niên do anh Trần Văn Đông (*là Đảng viên Cộng sản)* thường tuyên truyền tổ chức các phong trào xã hội như truyền bá chữ quốc ngữ, cứu đói miền Bắc. Y Ngông cũng tham gia phong trào này nên bị Pháp theo dõi, mỗi khi về hè còn bị gọi đến hăm dọa. Sau khi tốt nghiệp trường Y sĩ Đông Dương, người thanh niên yêu nước này tìm cách trở lại Dak Lak. Tháng 3/1945 Nhật đảo chính Pháp, rất may người thanh niên dân tộc này được gặp lại đồng chí Đào Xuân Quý, một người bạn kết nghĩa trước đây. Qua đồng chí Đào Xuân Quý, Y Ngông đã được đọc cuốn điều lệ của Việt Minh: *"Tôi thấy Điều lệ có nói các dân tộc đều "bình đẳng" đoàn kết đánh đuổi kẻ thù xâm lược là ưng ý ngay". "Anh Quý còn*

giới thiệu cho tôi biết, người lãnh đạo Việt Minh cả nước là lãnh tụ Hồ Chí Minh, chính là nhà Cách mạng Nguyễn Ái Quốc. Tình cảm tư tưởng của tôi lúc này càng xúc động vui mừng, thấy cần tranh thủ thời cơ có một không hai này để giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Tôi sẵn sàng lao vào công việc Cáng mạng với lòng tin tưởng chắc chắn vào sự nghiệp của Việt Minh tất thắng". Người thanh niên yêu nước Y Ngông được đồng chí Nguyễn Trọng Ba giao nhiệm vụ vận động quần chúng xung quanh thị xã Buôn Ma Thuột tham gia Việt Minh, góp phần vào thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám ở Dak Lak *(24/8/1945)*. Sau đó đồng chí Y Ngông được mời ra Trung ương công tác. Ngày 06/01/1946, Tổng tuyển cử đầu tiên của nước ta thắng lợi, đồng chí Y Ngông Niê K'đăm vinh dự được bầu vào Quốc hội (*khóa I*) của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tháng 12/1946, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta, đồng chí Y Ngông theo Chính phủ trở về Việt Bắc rồi tham gia quân y phục vụ các chiến dịch: Trần Hưng Đạo, Tây Bắc, Điện Biên Phủ góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đồng chí Y Ngông Niê K'đăm tham gia Cách mạng trở thành một con người hoàn thiện (*con người của Cách mạng*) và rồi suốt đời phấn đấu cho lý tưởng Cộng sản. Đồng chí Y Ngông Niê K'đăm tâm sự: "*Điều sung sướng duy nhất của tôi là đã trọn đời làm theo lời Bác, xứng đáng là lớp thanh niên thế hệ Cách mạng Tháng tám, lớp thanh niên dân tộc Tây Nguyên, con cháu của Bác Hồ Chí Minh*".

- Đồng chí Y Blôk Êban, sinh ra trong một gia đình dân tộc Ê đê ở ven thị xã Buôn Ma Thuột lớn lên bị Pháp bắt đi lính, rồi chỉ huy lính Bảo an ở Buôn Ma Thuột. Được các chiến sĩ Cộng sản ở nhà đày Buôn Ma Thuột giác ngộ và trở thành cơ sở của Việt Minh. Đồng chí là người chỉ huy đội bảo vệ Ban khởi nghĩa Dak Lak trong buổi Mít tinh giành chính quyền tháng 8/1945 tại Buôn Ma Thuột. Từ đó đồng chí vào quân đội Cách mạng, làm Đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn N'Trang Lơng, Trung

đoàn trưởng trung đoàn 120. Là người chiến sĩ luôn gắn bó với phong trào Cách mạng của tỉnh, chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang cũng như trong Mặt trận đoàn kết dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng chí đã từng ra Việt Bắc tham dự Hội nghị Du kích chiến tranh toàn quốc năm 1953 và vinh dự được gặp Bác Hồ kính yêu.

Cuộc đời tham gia Cách mạng của Thiếu tướng Y Blôk Eban (*từ Cách mạng tháng Tám đến kết thúc đại thắng mùa xuân 1975),* nhưng trọng tâm hơn cả là thời kỳ tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong những năm tháng gian khổ ấy, đồng chí được cử làm Tiểu đoàn trưởng N'Trang Lơng và tham gia công tác dân vận, công tác ngụy vận, phát triển du kích địa phương. Có lần đồng chí đã thuyết phục được tên Tổng N'Dal trở về với Cách mạng. Đồng chí tâm sự: "*Cần phải giải thích chính sách của cách mạng, chính sách của ta là thêm bạn bớt thù. Tôi nghe nói là nó làm chánh tổng nhưng ác lắm. Cách mạng đâu chủ trương chém giết, mình chỉ giết bọn xâm lược còn đâu cũng là người Việt Nam cả*". Cũng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt này đồng chí cùng đồng chí Đỗ Bình vừa chỉ huy chiến đấu vừa dùng Khan Ê đê đi vận động quần chúng, vận động bọn ngụy quân ngụy quyền trở về với Cách mạng.

Còn rất nhiều những người con của đồng bào Ê đê, như Ama Khê, Y Plõ Eban, Y Khu Niê, Y Tlam Kbuôr... Đó là hình tượng những người thanh niên Ê đê, lớn lên trong hoàn cảnh nước mất nhà tan được các chiến sĩ Cách mạng giác ngộ, nên đã tự nguyện "*đến với Cách mạng, đi theo Bác Hồ*". Họ đã trở thành những người Cộng sản chân chính, đóng góp máu xương của mình vào sự nghiệp giải phóng Tây Nguyên, thống nhất đất nước. Tấm gương của các đồng chí mãi mãi được cháu con các dân tộc Dak Lak học tập tình nguyện tiếp bước theo cha ông để gìn giữ và xây dựng quê hương giàu đẹp.

Địa danh ở Buôn Ma Thuột

TS.TRẦN VĂN DŨNG

Ở Tây Nguyên, một số tác giả cũng đã bước đầu quan tâm đến vấn đề địa danh trên địa bàn, như Việt Hà: ***Cần gọi đúng tên " bon" của đồng bào Mnông*** (văn hoá DakLak số 3/2002); Nay Hiệp: ***Bàn về địa danh Buôn Ma Thuột*** *(Văn hoá DakLak số 3/1996)*; Nguyễn Hữu Trí: ***Đôi điều về địa danh ở DakLak*** *(Thông tin khoa học và công nghệ DakLak số 3/2001)*. Với các công trình này, các tác giả đều có ý kiến chung là đề xuất cách hiểu, cách đọc và cách viết một số địa danh trên địa bàn như thế nào cho phù hợp .

Vừa qua, chúng tôi cũng bước đầu tìm hiểu một số vấn đề như ***Thiên nhiên qua địa danh Dak Lak*** (Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á* số 6/2001); ***Vài đặc điểm về cấu trúc địa danh ở Buôn Ma Thuột*** (Tạp chí *Ngữ học trẻ* 2001); ***Vài nét về địa danh huyện Krông Ana, tỉnh DakLak*** (Kỷ yếu KH- Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh 2002); ***Về kiến thức địa danh trong việc dạy và học các môn Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn*** (Tạp chí

Giáo dục số 24/2002)...

Tuy nhiên, vấn đề định nghĩa địa danh cho đến nay vẫn còn thiếu sự nhất quán, mặc dù mọi người đều hiểu địa danh là tên gọi đối tượng địa lý hay cụ thể hơn là tên đất như là chấp nhận một điều hiển nhiên. Theo Đào Duy Anh *(Hán-Việt từ điển)* thì Địa danh *là tên các miền đất (nom de terre).*

Nguyễn Văn Âu: Địa danh là tên địa lý các địa phương; địa danh học *(Toponymie) là một môn khoa học chuyên nghiên cứu về tên địa lý các địa phương.*

Lê Trung Hoa đưa ra định nghĩa như sau: *Địa danh là những từ hoặc ngữ cố định; được dùng làm tên riêng của địa hình thiên nhiên, các công trình xây dựng, các đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ. Trước địa danh có thể đặt một danh từ chung chỉ tiểu loại địa danh đó.*

Nguyễn Kiên Trường thì cho rằng: *Địa danh là tên chỉ các đối tượng địa lý tự nhiên và nhân văn có vị trí xác định trên bề mặt trái đất.*

A.B.Xu-pe-ran-xkai-a lại quan niệm: *Địa danh là tên gọi địa lý.*

Với những ý kiến chưa hoàn toàn thống nhất về địa danh, việc khảo sát địa danh trên một địa bàn cụ thể đã gặp không ít khó khăn. Chúng tôi cho rằng, địa danh là tên gọi các đối tượng địa lý, bao gồm các đối tượng địa lý tự nhiên và đối tượng địa lý do con người kiến tạo. Các đối tượng do con người kiến tạo (có thể gọi là địa lý nhân văn) bao gồm: địa lý nơi cư trú , địa lý chỉ các công trình xây dựng. Và vì vậy, có thể đưa ra định nghĩa về địa danh như sau : *Địa danh là tên gọi những đối tượng địa lý tự nhiên và địa lý do con người kiến tạo.*

Từ những vấn đề trên đây, khi khảo sát địa danh ở Buôn Ma Thuột chúng tôi thấy có một số vấn đề như sau:

1. Đặc điểm về nguồn gốc và ý nghĩa

Là một địa bàn nằm trên khu vực Tây Nguyên rộng lớn, có hơn 30/54 dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam sinh sống, lại trải qua nhiều thời kỳ, nhiều biến cố lịch sử nên việc xác định nguồn gốc các địa danh trên địa bàn là một việc không mấy đơn giản. Nhiều ngôn ngữ trong cùng một nhóm lại khá giống nhau (chúng tôi sẽ trình bày dưới đây). Vì vậy, mặc dù trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã rất cố gắng, song khó có được một cơ sở chắc chắn để khẳng định ngôn ngữ của một số địa danh cụ thể (với các ngôn ngữ bản địa), cho nên chúng tôi vẫn chủ trương xếp tất cả các địa danh đặt bằng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trên địa bàn có thời gian cư trú lâu đời như Êđê, Jrai, Mnông, Chăm, K'ho, Xê Đăng vào một nhóm gọi là nhóm ngôn ngữ bản địa để phân biệt với các nhóm ngôn ngữ khác (như Việt, Hán, các dân tộc thiểu số phía Bắc, các ngôn ngữ Ấn- Âu...) lý do như sau:

Bên cạnh nét đặc trưng của từng ngôn ngữ thì rất nhiều trường hợp (từ vựng, ngữ âm) giữa các ngôn ngữ bản địa ở đây khá giống nhau, đặc biệt là giữa Êđê và Jrai. Việc phân biệt địa danh của hai dân tộc này là không dễ dàng. Ngay cả đối với ngôn ngữ dân tộc Bahnar cũng vậy. Ví dụ: có thể nói phần lớn những địa danh có thành tố chung ***krông*** (chỉ sông), Čư (chỉ núi) là địa danh đặt theo ngôn ngữ Êđê nhưng lại không thể tuyệt đối hóa được vấn đề, bởi vì khả năng "phủ hệ" của ***krông*** và Čư là rất rộng. Về trường hợp ***krông***, Hoàng Thị Châu đã có những khảo sát khá cụ thể trong ***Mối liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông***. Theo tác giả thì hiện tượng này có tính chất phổ biến cả khu vực, không chỉ ở Tây Nguyên mà còn là hiện tượng phổ biến từ Bắc (Tày, Dao, Việt, Mường...) vào miền Trung (Vân Kiều, Đan Lai, Tày, Poọng,...) đến khu vực phía Nam (Chăm, Khmer...) thậm chí đến một số khu vực khác của châu Á (Miến Điện,

Quảng Đông, Phúc Kiến...). Trường hợp Čŭ (âm đọc gần với "chứ") cũng không phải chỉ có trong ngôn ngữ Êđê. Ở Gia Lai có các địa danh Chư Pah, Chư Pơng, Chư Prông. Như vậy, nhiều dân tộc trong khu vực đều có cách phát âm tương tự nhau để chỉ một đối tượng, chỉ có ký hiệu để ghi lại không trùng nhau trong lúc chữ viết là cái có sau. Ở DakLak, Êđê và Mnông là hai dân tộc cư trú lâu đời, sử dụng ngôn ngữ không giống nhau (Êđê thuộc dòng Mã Lai, Mnông thuộc dòng Môn- Khmer) nhưng một số trường hợp lại giống nhau về cả ngữ âm lẫn từ vựng.

Từ quan điểm phân loại trên đây, qua khảo sát thực tế địa bàn, chúng tôi thu được kết quả: địa danh thuần Việt : 67,3%, Hán-Việt: 8,3%, bản địa: 24,2%, ngôn ngữ khác: 0,2%.

Về mặt ý nghĩa, chúng tôi cho rằng: một trong những giá trị to lớn của địa danh là phản ánh rõ nét hiện thực khách quan ở thời điểm và địa điểm nó ra đời. Địa danh ở Buôn Ma Thuột cũng cho ta biết một cách khá rõ nét về các mặt lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, văn hóa và ngôn ngữ trên địa bàn.

Về mặt lịch sử, từ khi thành lập và cả thời kỳ thuộc Pháp , các dân tộc thiểu số ở đây (tiêu biểu là Êđê và Mnông) đã được nhiều học giả phương Tây gọi là các dân tộc mẫu hệ. Cách gọi này chứng tỏ những tàn tích của các quan hệ thị tộc mẫu hệ còn khá rõ nét. Có thể nói một cách tổng quát là giai đoạn phát triển tộc người của các cư dân bản địa ở đây trước cách mạng tháng Tám là *giai đoạn tan rã của các quan hệ công xã nguyên thủy và sự phát triển các quan hệ công xã nông thôn.* Toàn bộ xã hội của các cộng đồng cư dân ở đây được phân thành những đơn vị cơ sở là ***buôn*** (Êđê), ***bon*** (Mnông). Hợp thành ***buôn*** là những đại gia đình mẫu hệ. Các gia đình trong buôn đều có quan hệ với nhau về thân tộc ở mức độ khác nhau. ***Buôn*** (hay ***bon***) là đơn vị cơ sở, là tổ chức sinh hoạt xã hội duy nhất trong thời kỳ đầu. Bên cạnh quan hệ cộng đồng (quan hệ trong gia đình, trong buôn, giữa các buôn với nhau), con

người ở đây chỉ còn một mối quan hệ với thiên nhiên. Các đối tượng tự nhiên là nguồn sống duy nhất của họ. Họ đặt tên cho chúng như là để thể hiện nét văn hóa của dân tộc mình, đồng thời đặt dấu ấn vào tự nhiên như xác định một chủ quyền đối với đối tượng đó. Vì vậy, những địa danh mang yếu tố ***Čư, yôk, nâm, êa, krông, dak, dliê*** là những chứng cứ ghi nhận giai đoạn đầu của tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của địa bàn. Những địa danh thuần Việt xuất hiện đánh dấu chính thức sự có mặt của người Việt (kể từ 1928). Từ sau Hiệp định Geneve và đặc biệt, từ năm 1957, Ngô Đình Diệm huỷ bỏ quy chế "Hoàng triều cương thổ", ồ ạt đem dân các vùng miền xuôi lên, trong đó có một bộ phận bà con công giáo phía Bắc bị cưỡng ép di cư vào nhằm tạo thế áp đảo về tỉ lệ dân cư, đồng thời làm lá chắn bảo vệ những khu vực trọng yếu về quân sự và chính trị của Mỹ ngụy, lập nên các trung tâm tôn giáo và khu định cư mới. Những đối tượng cư trú mới ở đây đều được chính quyền Ngô Đình Diệm đặt tên bằng từ ngữ Hán-Việt (*thôn Kim* Châu Phát, *giáo xứ* Duy Hoà, *giáo xứ* Đoàn Kết). Như vậy, sự ra đời của hàng loạt địa danh Hán- Việt đánh dấu một thời kỳ khó khăn của cách mạng địa phương. Sự xuất hiện với tốc độ nhanh các địa danh cư trú, địa danh chỉ các công trình xây dựng từ sau ngày giải phóng đến nay phản ánh sự phát triển mạnh mẽ, sự đổi thay đáng tự hào trong đời sống chính trị, văn hóa của nhân dân ta.

Địa danh ở Buôn Ma Thuột, bên cạnh phản ánh những sự kiện lịch sử chung của dân tộc (Thống Nhất, Giải Phóng...) còn ghi lại những sự kiện lịch sử diễn ra trên địa bàn. Sự kiện 10/3/1975 đã để lại dấu ấn trên nhiều địa danh, đặc biệt là các địa danh chỉ công trình xây dựng. Đường Săm Brăm ghi nhận một phong trào Cách mạng có tính tự phát "Phong trào Nước xu" do một người con của núi rừng Tây Nguyên khởi xướng. Địa danh Buôn Ma Thuột đánh dấu một sự kiện lịch sử, đó là sự chuyển đổi từ một tổ chức cộng đồng (buôn) thành một trung

tâm chính trị của tỉnh DakLak: Đại lý hành chính Buôn Ma Thuột (1913); thị xã Buôn Ma Thuột(1930); huyện Buôn Ma Thuột (1951-1954); quận Buôn Ma Thuột (1957); thị xã Buôn Ma Thuột (1975); thành phố Buôn Ma Thuột (1995).

Địa danh ở đây cũng lưu danh những con người đã có nhiều công trạng góp phần làm nên lịch sử hào hùng của mảnh đất này. Những tên tuổi như N'Trang Lơng, N'Trang Gưh đã đi vào địa danh , để lại dấu son lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giải phóng quê hương những năm đầu thế kỷ 20. Hai ông là linh hồn của hai cuộc khởi nghĩa có tầm vóc lịch sử ở Tây Nguyên kéo dài hàng chục năm trời đã làm cho thực dân Pháp bao phen khiếp sợ. Những con đường trên cao nguyên hôm nay còn ghi đậm nét tên tuổi của những người con ưu tú đã góp phần làm nên một Buôn Ma Thuột đầy tự hào, như Ama Jhao, Ama Khê, Y Bih Alêô, Ôi Ăt, Nay Der, Y Jut, Y Đôn, Y Khu...

- *Về mặt địa lý:* địa danh cho biết điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội của địa bàn (qua địa danh ta biết được cảnh quan thiên nhiên, đặc điểm địa hình, địa vật xưa cũ mà đến nay chỉ còn lưu lại trong tên gọi). Từ địa danh có thể vẽ lại vị trí một đơn vị hành chính, một địa bàn, phạm vi một khu vực địa lý nào đó mà thời gian đã làm mất đi ranh giới cũ. Với gần 100 địa danh tự nhiên đã phác hoạ một bức tranh toàn cảnh về địa hình Buôn Ma Thuột. Những yếu tố như: *Cử(chư): núi; krông: sông; êa: nước; dliê: rừng;* ... (ngôn ngữ Mã Lai); *nâm: núi* (cao); *yôk: núi* (thấp, nhỏ); *dak: sông, suối, hồ, nước* (ngôn ngữ Môn-Khmer) có mặt mọi nơi trên địa bàn tạo nên một địa hình tự nhiên đa dạng, một tài nguyên thiên nhiên phong phú.

Địa danh cũng phản ánh các đặc điểm sinh thái của khu vực, bao gồm hệ thống thực vật (*rừng* Têck, Alê (tre), Thông), hệ thống động vật (*suối* Êa Tuôr (ốc), *thung lũng* Khỉ).

- *Về kinh tế:* địa danh Buôn Ma Thuột phản ánh sự giàu có

về tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn.Tên hệ thống sông, suối, thác, rừng, lâm viên... là những địa danh du lịch sinh thái hấp dẫn.

- *Về dân tộc học, xã hội học,* địa danh phản ánh những quan niệm sơ khai về nguồn gốc dân tộc của người bản địa. Cũng qua địa danh ta thấy được sự phân bố các khu vực dân cư ở đây.

- *Về ngôn ngữ*: qua địa danh ta hiểu thêm một số vấn đề về từ ngữ địa phương trên địa bàn. Những từ ngữ là thành tố chung trong các địa danh chỉ các đối tượng tự nhiên cũng như đối tượng nơi cư trú làm nên nét đặc trưng ngôn ngữ văn hóa của khu vực. Ví dụ: về từ chỉ ***núi,*** nếu như ở Tây Bắc có ***pu*** (pu Sam Sao, ***pu*** Luông, ***pu*** Đen Đinh) vùng Tây Bắc Nghệ An (*pu* Pan, pu Lai Leng...); người Thái gọi là ***pha*** (pha Đin); người Xê đăng ở phía bắc Tây Nguyên gọi là ***ngok*** - được người Việt gọi là ***ngọc*** (Ngọc Linh) thì các dân tộc Êđê, Jrai ở Tây Nguyên nói chung và Buôn Ma Thuột, DakLak nói riêng gọi là Čŭ có âm đọc là ***chư***,dân tộc Mnông gọi là ***nâm***, yôk.Về từ chỉ suối, sông vùng Nghệ An- Hà Tĩnh có từ *rào* (*rào* Gang, *rào* Cái, rào Tre, rào Nậy); vùng Tây Bắc có từ ***nậm*** (nậm Mu, nậm Giàng, nậm Pô, nậm Pàn...); vùng Tây Nguyên có ***êa, ia, ya, krông, dak*** (*êa* Sŭp, *êa* Tuôr, *ia* Hu, *ya* Trang, *ya* Lốp, *krông* Ana, *krông* Pa, *dak* R'tih, *dak* Bŭ So...) riêng ở Buôn Ma Thuột chỉ có ***êa*** (Êa Tam, Êa Tuôr). Về các từ chỉ ***làng***, nếu là *từ bản* xuất hiện chủ yếu ở vùng Đông Bắc (*bản* Long, *bản* Dị); một số ở Tây Bắc (*bản Qua, bản* Kéo, *bản* Vèn...*) và vùng có người Lào (bản Đôn); vùng dân tộc H'mông có từ chải (Mù* Cang *chải*, Trung *chải*, Tả *chải*, Sín Lùng *chải*...); vùng dân tộc Thái và dân tộc Mường có từ *mường* (*mường* Thanh, *mường* Lay, *mường* La, *mường* Khương, *mường* Vang...); vùng dân tộc Stiêng có ***sóc*** (sóc Bom Bo); vùng dân tộc Êđê, Jrai và một số dân tộc khác ở Tây Nguyên có ***buôn*** (Čưăh, *buôn* AMa Thuôt) vùng

dân tộc Mnông và một số dân tộc thiểu số dòng ngôn ngữ Môn-Khmer ở Tây Nguyên có ***bon*** (bon Ta Mung, bon Păng Sim). Như vậy, trên địa bàn này, những từ mang chức năng thành tố chung trong phức thể địa danh như: êa, krông, dak, ***Cử(chư), yôk, dliê, buôn, bon*** là những từ cổ xưa nhất và là những từ gốc- là cơ sở để xác định yếu tố địa phương của địa bàn nghiên cứu. Nhờ chúng, ta có thể phục nguyên lại dạng ban đầu khi các từ đó bị biến đổi. Cũng qua địa danh, có thể biết được sự tiếp xúc ngôn ngữ của các tộc người, các dân tộc. Sự tiếp xúc ngôn ngữ đã để lại dấu ấn trong địa danh bằng nhiều con đường: Việt hóa, Hán hóa, sao phỏng, vay mượn,v.v... Sự tiếp xúc ngôn ngữ cũng đã làm giàu thêm kho từ vựng tiếng Việt cũng như ngôn ngữ các dân tộc bản địa. Địa danh ở Tây Nguyên nói chung và Buôn Ma Thuột, DakLak nói riêng thể hiện bản sắc về văn hóa ngôn ngữ của mỗi dân tộc nhưng trong hoạt động giao tiếp (đặc biệt là trong địa danh) các ngôn ngữ bản địa đã đi vào đời sống ngôn ngữ tiếng Việt một cách hết sức tự nhiên. Các yếu tố vốn là thành tố chung của ngôn ngữ bản địa đã trở thành tên riêng, nhường vị trí thành tố A cho tiếng Việt trong phức thể địa danh đó (*êa* Tam - *suối* Êa Tam), đồng thời một số thuật ngữ chỉ các đối tượng địa lý (tên chung) cũng như một số địa danh gọi theo ngôn ngữ thuần Việt hoặc Hán- Việt đã góp phần làm phong phú thêm nguồn ngôn ngữ giao tiếp của đồng bào các dân tộc bản địa. Thời gian sẽ qua đi, cuộc sống cứ chuyển động, mọi vấn đề của đời sống xã hội có thể đổi thay, thậm chí những dấu tích ban đầu có thể bị xoá sạch nhưng địa danh vẫn trường tồn. Địa danh *là tấm bia lịch sử bằng ngôn ngữ.*

2. Đặc điểm về sự ra đời và biến đổi của địa danh ở Buôn Ma Thuột

Theo nghị định ngày 22/11/1904, DakLak được sáp nhập về mặt hành chính vào xứ An *nam, tỉnh Stung Treng được giao*

hoàn về Cao Miên. Lúc bấy giờ Đại lý hành chính được chuyển từ Bản Đôn về vị trí của buôn do tù trưởng Ama Thuột cai quản, lấy tên là ***Đại lý hành chính Ban Mê Thuột*** (Buôn Ma Thuột). Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 22/11/1904 ghi: *Thành lập tại miền Tây các tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, đặt dưới quyền hành chính và chính trị của Khâm sứ Trung Kỳ một tỉnh tên là Darlac- tỉnh lỵ là Ban Me Thuột.* Ngày 09/12/1913 Toàn quyền Đông Dương lại ra Nghị định chuyển DakLak trực thuộc Toà công sứ Kon Tum. Buôn Ma Thuột vẫn là Đại lý hành chính khu vực Dak Lăk. Tháng 9/1923. Toàn quyền Đông Dương chuẩn y đề nghị của Sabatier- lúc bấy giờ là Công sứ Kon Tum - Dak Lăk, tách Dak Lăk ra khỏi Kon Tum, trở thành một tỉnh riêng. Lúc này chưa có các đơn vị hành chính cấp dưới như quận, huyện, xã mà chỉ có đợn vị *làng* (*buôn, bon*) dựa theo các buôn có sẵn của các dân tộc thiểu số.

Để ổn định tình hình, nhằm đối phó với các cuộc đấu tranh khởi nghĩa của nhân dân các dân tộc trên địa bàn, thực dân Pháp từng bước chỉnh đốn lại bộ máy cai trị. Về mặt hành chính, tổ chức bộ lạc và cơ cấu vùng của đồng bào dân tộc bắt đầu bị xoá bỏ dần, thay vào đó là cơ cấu làng và quận; dưới quận bao gồm các tổng (kring) do chánh tổng (khua kring) cầm đầu. Dưới tổng là các làng (lấy theo đơn vị buôn) do chủ làng (khua buôn hoặc mtao buôn) phụ trách. Lúc này, ở Dak Lăk thực dân Pháp đã tổ chức được 418 buôn chia thành 22 tổng trực thuộc 5 quận trong đó có quận Buôn Ma Thuột (tỉnh lỵ đóng tại đây). Từ đó cho đến Cách mạng tháng Tám 1945 và suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, về mặt hành chính, không có thay đổi gì lớn. Địa bàn Buôn Ma Thuột sau khi giành được chính quyền cách mạng đổi thành thị xã Buôn Ma Thuột (địch vẫn gọi là quận). Từ 1951-1954 do yêu cầu của kháng chiến, đổi thành huyện Buôn Ma Thuột. Nghị định số

258-BNV/HC/NĐ ngày 8/8/1957 của Ngô Đình Diệm chuyển đổi thị trấn Buôn Ma Thuột thành xã Lạc Giao thuộc quận Buôn Ma Thuột. Ngày 02/7/1958 chính quyền Sài Gòn ra Nghị định số 356-BNV/HC/NĐ ấn định các đơn vị hành chính của quận Buôn Ma Thuột như sau:

- Tổng Êa Tam gồm các xã: Lạc Giao, Čŭ (chư) Ebu, Êa Mdhar, Čŭ (chư) Kplong, Êa Kmar , Čuôr (Chuôr) Đăng, Čŭ (chư) Mgar , Êa Adrơng, Chi Lăng.

- Tổng Čŭ Keh gồm các xã: Êa Hnoh , Êa Pôk, Êa Hding , Čŭ (chư) Ming.

- Tổng Čŭ Ewi gồm các xã: Êa Puôr, Êa Ktur, Čŭ (chư) Enum, Êa Kwang, Êa Enaih , Êa Yông.

- Tổng Drai Săp gồm các xã: Čŭ (chư) Edru, Êa Knir, Êa Hbông, Thọ Thành, Êa Ana.

Nghị định số 262- BNV/HC/NĐ ngày 20/12/1963 của chính quyền Sài Gòn quyết định: quận Buôn Ma Thuột không còn tổng nữa mà có các xã: Čŭ Êbu, Čŭ Êdru, Čŭ Kplong, Čŭ Mgar, Čŭ Ming, Čuôr Đăng, Chi Lăng, Đạt Lý, Êa Ana, Êa Enaih, Êa Hbông, Êa Hding, Êa Hnet, Êa Kwang, Êa Madong, Êa Knir, Êa Kmat, Êa Mdhar, Êa Ktur, Êa Pac, Êa Bour, Kmrong Prông, Lạc Giao, Quảng Nhiêu, Tân Điền, Thọ Thành.

Về phía chính quyền cách mạng, trong những năm kháng chiến chống Mỹ, gọi Buôn Ma Thuột là B6(1962-1965), gọi là H6 (10/1965 đến ngày giải phóng) sau đó đổi thành thị xã Buôn Ma Thuột. Ngày 19/9/1981 Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định số 75-HĐBT: tách các xã Êa Bông, Êa Ana, Êa Tiêu, Quảng Điền của thị xã Buôn Ma Thuột để thành lập huyện Krông Ana. Ngày 19/6/1990 Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 227 - HĐBT : Thành lập huyện Čư Jŭt trên cơ sở tách 5 xã: Êa T'ling, Tâm Thắng, Trúc Sơn, Êa Pô, Nam Dong, của thị xã Buôn Ma Thuột. Thị xã Buôn Ma Thuột còn 7 phường: Tự An, Thắng Lợi, Tân

Thành, Tân Tiến, Thống Nhất, Tân Lập, Thành Công và 12 xã: Hoà Phú, Hoà Khánh, Êa Kao, Hoà Thắng, Hoà Đông, Êa Tur, Čư Êbuôr, Hoà Xuân, Êa Tam, Hoà Thuận, Êa Ñuôl (nhuôl), Čuôr Knia. Ngày 29/8/1994 Chính phủ ra Nghị định số 110-CP: Thành lập xã Êa Bar trên cơ sở được tách ra một phần của xã Čuôr Knia. Ngày 21/1/1995 Chính phủ ra Nghị định số 8-CP: Thành lập thành phố Buôn Ma Thuột trên cơ sở thị xã Buôn Ma Thuột. Thành lập phường Êa Tam trên cơ sở xã Êa Tam. Thành lập phường Khánh Xuân trên cở sở một phần được tách ra từ 2 xã Hoà Khánh và Hoà Xuân. Chuyển 3 xã: Čuôr Knia, Êa Ñuôl, Êa Bar của thành phố Buôn Ma Thuột về huyện Êa Sŭp quản lý (trừ diện tích tự nhiên 400 hecta, 2044 nhân khẩu của xã Êa Ñuôl giao lại cho phường Thống Nhất). Chuyển các xã: Hoà Phú, Hoà Xuân, Hoà Khánh của thành phố Buôn Ma Thuột về huyện Čư Jŭt quản lý. Chuyển xã Hoà Đông thuộc thành phố Buôn Ma Thuột về huyện Krông PăČ quản lý(trừ diện tích tự nhiên 125 hecta với 4481 nhân khẩu giao lại cho phường Tân Lập. Thành phố Buôn Ma Thuột sau khi điều chỉnh, gồm có các phường:Thắng Lợi, Thống Nhất, Tân Lập, Tân Thành,Thành Công, Tân Tiến, Tự An, ÊaTam, Khánh Xuân và các xã: Čư Êbur, Hoà Thuận, Êa Tur, Hoà Thắng, Êa Kao. Ngày 18/11/1996 Chính phủ ra Nghị định số 71- CP : Thành lập phường Tân Hòa trên cơ sở một phần được tách ra của phường Tân Lập. Thành lập phường Tân An trên cơ sở một phần được tách ra từ phường Tân Lập. Thành lập phường Tân Lợi trên cơ sở một phần được tách ra từ phường Thắng Lợi. Thành lập phường Thành Nhất trên cơ sở một phần được tách ra từ phường Thống Nhất.

Như vậy, ngót 100 năm qua kể từ ngày thành lập, Buôn Ma Thuột đã có những thay đổi lớn về tổ chức bộ máy hành chính các cấp. Tuỳ thuộc vào từng thời kỳ và hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà có sự xuất hiện và biến đổi các đối tượng địa lý hành chính phù hợp. Đặc biệt từ sau ngày đất nước thống nhất, dân

số trong khu vực tăng nhanh, đất đai khai khẩn nhiều, các cụm dân cư hình thành nhanh chóng, Nhà nước ta đã thành lập các đơn vị hành chính cần thiết ở các cấp để đáp ứng yêu cầu việc quản lý dân cư và đảm bảo an ninh. Sau nhiều lần thay đổi địa giới hành chính qua các thời kỳ đến năm 2003 Buôn Ma Thuột là một thành phố lớn của Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 265, 82km^2 với gần 300 ngàn dân, gồm 13 phường (Tân Tiến, Thống Nhất, Thành Nhất, Thắng Lợi, Thành Công, Tân Lập, Tân An, Tự An, Tân Thành, Êa Tam, Khánh Xuân, Tân Hoà, Tân Lợi) và 5 xã (Êa Kao, Cư Bur, Hoà Thuận, Hoà Thắng, Êa Tur).

Về các địa danh tự nhiên trên địa bàn, bên cạnh đặc tính của đối tượng còn được nhìn nhận trên phương diện nguồn gốc ngữ nguyên. Đây là cơ sở để xác định địa lý tự nhiên dưới góc độ lịch sử, dân tộc, văn hóa và ngôn ngữ. Các địa danh tự nhiên đặt bằng ngôn ngữ bản địa là những địa danh gốc, được hình thành sớm nhất. Các đối tượng này hầu như ít bị thay đổi theo thời gian. Nếu có sự thay đổi thì chỉ thay đổi theo chiều hướng phát triển thêm, còn vấn đề tạo lớp địa danh mới là rất ít ỏi.

Các địa danh tự nhiên đặt bằng từ thuần Việt và Hán- Việt là những địa danh mới trên địa bàn, hầu hết xuất hiện sau 1954 và đặc biệt là sau ngày miền Nam được giải phóng. Đồng bào các nơi đến đây khai khẩn đất đai, hình thành các điểm dân cư mới. Các đối tượng địa lý tự nhiên (thường là các đối tượng có kích thước nhỏ, hẹp hoặc là một bộ phận của đối tượng lớn hơn đã được đặt tên). Ví dụ: *dốc* Tân Thành, *dốc* Thanh Niên, *đồi* Cỏ Đơn.

Trong thời kỳ chống Mỹ, những người tham gia kháng chiến đã đặt tên một số đối tượng tự nhiên nơi họ tham gia chiến đấu và công tác. Họ thường lấy đặc điểm, tính chất của đối tượng để gọi (đồi Không Tên, *cao điểm* 23, *hồ* Giò Gà). Nếu

như các địa danh chỉ đối tượng tự nhiên có nguồn gốc bản địa mang đậm dấu ấn văn hóa thì loại đặt bằng từ ngữ thuần Việt và Hán- Việt bên cạnh thể hiện đặc điểm văn hóa người Việt còn mang dấu ấn sự kiện, tức là dựa vào địa danh có thể dễ dàng xác định được hiện thực diễn ra trước và trong thời điểm nó xuất hiện.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều các địa danh chỉ công trình xây dựng là thước đo sự phát triển của địa bàn về kinh tế - xã hội, văn hóa. Nói cách khác là sự biểu hiện của văn hóa và văn minh. Sau khi đã đặt được ách thống trị ở đây, bên cạnh việc xây dựng các công trình phục vụ bộ máy hành chính ở trung tâm và phục vụ quân đội; đặt các trạm để khai thác và thu mua lâm thổ sản (các hiệu danh), thực dân Pháp bắt đầu cho thành lập các đồn điền , khai khẩn đất đai trồng cà phê và cao su. Thời kỳ này có các đồn điền lớn như CADA (Compagnie Agricole D'asie), đồn điền C.H.P.I (Compagnie des Hauts Plateaux Indochinois), đồn điền Maillot, đồn điền Rossi. Sau khi người Pháp rút khỏi Tây Nguyên, các đồn điền này đã dần dần mất tên gọi cũ và sau này, do sự phân chia lại địa giới hành chính, các đồn điền trên hầu hết nằm ở địa bàn huyện Krông Păč, Krông Bŭk và một bộ phận thuộc thành phố Buôn Ma Thuột.

Như vậy, số lượng các địa danh chỉ công trình xây dựng có trước Cách mạng tháng Tám là rất ít ỏi. Thời kỳ 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp cũng không tăng đáng kể, chủ yếu làm thêm một số con đường nội bộ, mở thêm diện tích đồn điền cà phê, cao su. Từ 1954-1963 chính quyền Ngô Đình Diệm chủ yếu mở rộng thêm các khu dân cư nhằm củng cố an ninh địa bàn. Trong những thời gian tiếp theo cho đến năm 1975, Mỹ ngụy chỉ tập trung xây dựng các căn cứ quân sự và các cơ sở khác phục vụ chiến tranh mà ít chú ý đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng. Qua điều tra

điền dã, chúng tôi thấy phần lớn các địa danh chỉ đối tượng là các công trình xây dựng được ra đời sau 1975. Hàng loạt địa danh được khai sinh trong một thời gian ngắn. Chẳng hạn đến nay trên địa bàn Buôn Ma Thuột đã có 211 con đường,20 cây cầu lớn nhỏ,16 chợ, 3 con đập ,1 lâm viên, 1 hoa viên,3 nông trường ,1sân bay, 1sân vận động...

3. Nguyên nhân ra đời và biến đổi địa danh ở Buôn Ma Thuột

Mọi sự vật, hiện tượng sinh ra, phát triển hoặc mất đi đều có nguyên cớ của nó. Đó là một "cuộc hành trình" mang tính quy luật. Sự ra đời của một địa danh; sự xuất hiện của một địa danh mới thay thế cho một địa danh cũ hoặc sự biến đổi của địa danh theo thời gian cũng mang tính tất yếu như thế. Về sự ra đời và sự biến đổi của địa danh ở Buôn Ma Thuột cũng không ngoài lý do chung của mọi địa danh. Cũng như một số nhà nghiên cứu khác, chúng tôi thấy có nhiều nguyên nhân nhưng tựu trung có 2 nguyên nhân cơ bản, đó là nguyên nhân bên trong ngôn ngữ và nguyên nhân bên ngoài ngôn ngữ.

Trong các *nguyên nhân ngoài ngôn ngữ* phải kể đến *nguyên nhân về chính trị*. Đây là nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự ra đời và biến đổi của địa danh. Ở thời đại nào cũng vậy, khi lên cầm quyền, chính quyền mới thường có xu hướng thay đổi một số địa danh vì một lý do nào đó của một tổ chức, đảng phái, giáo phái, dòng tộc hay một cá nhân. ở đây, trước khi có mặt người Pháp, các địa danh cư trú chỉ duy nhất có một đối tượng, đó là **buôn** (hoặc *bon*). Buôn (bon) vừa là đơn vị cư trú vừa là tổ chức xã hội của cộng đồng các cư dân thuộc các nhóm bộ tộc ở đây. Khi Pháp bình định được cao nguyên này, cơ chế buôn (bon) lỏng lẻo dần, nhường chỗ cho các hình thức khác mang tính chất áp đặt của chính quyền thực dân ở đây, đó là cơ cấu tổ chức bộ máy cai trị của chúng áp dụng ở khu vực đồng bằng, với việc hình thành 3 cấp chính quyền: tỉnh, quận.

tổng chịu sự quản lý của Toàn quyền Pháp ở Đông Dương. Dưới tổng là các đơn vị cư trú làng (không phải là đơn vị hành chính). Lúc này, xuất hiện các loại địa danh mới, gồm tên gọi của tỉnh, quận và tổng. Các làng vẫn giữ nguyên tên gọi của buôn (cũ) chỉ khác là lúc này, buôn chỉ còn mang ý nghĩa biểu thị nét văn hóa của một dân tộc, có tính chất tự quản trong sinh hoạt, có trách nhiệm thực hiện mọi nghĩa vụ thông qua sự quản lý trực tiếp là các tổng. Ngoài ra, xuất hiện thêm một số địa danh chỉ các đối tượng như đồn điền, cầu cống, một số khu rừng thực nghiệm. Thực trạng này kéo dài mãi đến năm 1954. Khi nắm được chính quyền, Ngô Đình Diệm cho đặt các địa danh mới theo chủ trương Hán hóa. Hầu như các địa danh này đều được đặt bằng từ Hán- Việt như: Kim Châu, Kim Phát, Duy Hoà, Đoàn Kết, Chi Lăng, Châu Sơn, Trung Hoà, Bình Hoà, Hoà Bình... Thậm chí, một số địa danh vốn được đặt bằng ngôn ngữ bản địa, Diệm đã cho thay thế bằng một danh xưng khác. Sau khi Diệm- Nhu sụp đổ, các thời kỳ khác nhau của cộng hoà đệ nhị chủ yếu duy trì và phát triển địa danh theo cách thức của Ngô Đình Diệm. Từ ngày được giải phóng đến nay, về địa danh ở Buôn Ma Thuột nói riêng và DakLak nói chung có ba biến đổi lớn:

- Sự tăng nhanh về số lượng địa danh chỉ các đối tượng nơi cư trú và địa danh chỉ các công trình xây dựng.

- Sự thay đổi cơ bản về tỷ lệ địa danh tính theo ngữ nguyên trên địa bàn.

- Nội dung, ý nghĩa được thể hiện trên địa danh mang không khí và âm hưởng của một chế độ xã hội mới; biểu hiện rõ nhất là tên gọi các thôn xóm và tên đường phố. Ngoài những quốc lộ chiến lược được mở ra từ đầu thế kỷ trước mang tên số thì địa danh đường phố ở Buôn Ma Thuột đều chủ yếu mang tên các sự kiện lịch sử cách mạng và các nhân vật lịch sử giống với cách đặt tên đường phố của các thành phố khác trong cả nước,

đồng thời mang tên những người con ưu tú của Tây Nguyên trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (N'Trang Lơng, N'Trang Gưh, Ama Jhao, Ama Sao, Y Wang, Ôi Ăt, Săm Brăm, Y Ngông, Y JŨt, Ama Khê...). Sự biến đổi cơ bản về địa danh ở Buôn Ma Thuột (về mặt nguồn gốc) thể hiện: từ chỗ là một địa bàn mà các địa danh chủ yếu được đặt bằng ngôn ngữ bản địa đến chỗ các địa danh thuần Việt chiếm ưu thế.

Tóm lại, ở Buôn Ma Thuột sự thay đổi chế độ chính trị đã để lại dấu ấn rõ rệt trong địa danh , nhất là ở bộ phận địa danh cư trú và địa danh đường phố. Địa danh chỉ các đối tượng địa lý tự nhiên ít bị biến đổi bởi nguyên nhân này.

Tâm lý cũng là một trong những nguyên nhân làm biến đổi địa danh. Một số bộ phận người Kinh ở miền xuôi lên lập nghiệp, giai đoạn đầu họ thường ở tập trung. Do tâm lý "hoài hương" họ đã lấy tên đơn vị hành chính hoặc đơn vị cư trú nơi nguyên quán để đặt tên cho vùng đất mới (Hoà Khánh, Hoà Thuận , Hoà Bình, Hoà Đông,...). Những khát vọng về một cuộc sống bình yên, no đủ và hướng thiện cũng được thể hiện trong việc đặt tên cho các đối tượng nơi cư trú của mình (Hoà Lạc, Phước Điền, Châu Sơn...). Ngoài ra ở Buôn Ma Thuột cũng có hiện tượng thay thế địa danh cũ bằng địa danh số, đặc biệt là những năm gần đây do xu hướng đô thị hoá nhanh, để có điều kiện thuận lợi trong quản lý, các nhà chức trách ở đây đã lập ra các đơn vị cư trú dưới phường, thị trấn. Việc tạo ra những tên gọi cho hàng loạt đơn vị mới như vậy là rất khó khăn. Vì thế, nhiều địa danh đặt bằng số đếm ra đời. Cách làm này cũng phù hợp với tâm lý chung trong khi một địa bàn mang đầy đủ tính chất đa dạng về sắc tộc , văn hoá, tâm lý, tín ngưỡng...

Tâm lý "tiếp xúc, hội nhập", tâm lý "giản tiện" cũng là một trong những nét đặc thù của quá trình hình thành, biến đổi địa danh ở Buôn Ma Thuột. Dựa vào những địa danh có sẵn mà cư dân bản địa đã định cho các đối tượng địa lý tự nhiên và đối

tượng địa lý nơi cư trú, họ đã tạo ra rất nhiều địa danh khác theo con đường chuyển hoá hoặc ghép một hoặc một số yếu tố bản địa với yếu tố phi bản địa (thường là ký hiệu). Như vậy, một địa danh mới đã mang *cơ tầng của một ngôn ngữ gốc và được vận hành theo cơ chế của một ngôn ngữ khác gốc .*

Nguyên nhân ngôn ngữ

Ngoài những nguyên nhân phi ngôn ngữ (nguyên nhân xã hội) đã nêu ở trên, địa danh ở Buôn Ma Thuột còn có sự xuất hiện và biến đổi bởi những nguyên nhân thuộc về ngôn ngữ.

Nguyên nhân phiên âm

Quan sát cách phát âm của đồng bào địa phương, đối chiếu với cách phát âm của một số cư dân khác và các văn bản hiện hành chúng tôi thấy: một số không có sự tương ứng giữa âm và ký hiệu hoặc thiếu sự thống nhất trong cách viết. Chúng tôi đơn cử một số trường hợp sau đây:

**** Với địa danh DakLak***

Theo A. Monfleur thì tên tỉnh Dak Lăk (tiếng Pháp: Darlac) được đặt một cách ngẫu nhiên, không có ý nghĩa gì (*Nom purement fantaisiste d'ailleurs qui n'existe dans aucun idiome local et dans aucunelangue). Đây là một vấn đề gây nhiều tranh cãi.* Hiện nay ở Dak Lăk chưa có một ý kiến chính thức về tên gọi này. Theo chúng tôi, vấn đề có thể hiểu như sau: Người Pháp đã có mặt tại Việt Nam và biết đến Tây Nguyên từ rất sớm qua các công trình khảo sát, nghiên cứu của một số giáo sĩ, điển hình là A.de Rhodes. Rõ ràng, trước khi người Pháp đặt vấn đề thành lập một đơn vị hành chính cấp tỉnh ở đây họ đã tìm hiểu rất kỹ càng về địa lý, lịch sử, văn hóa, tộc người,... Những nhà nghiên cứu về Đông Dương và Tây Nguyên cũng hiểu một cách khá rõ về nguồn gốc các ngôn ngữ bản địa. Ngôn ngữ Môn- Khmer có từ ***dak, da*** chỉ khái niệm ***nước***. Từ ***dak*** có thể là suối nước, dòng nước, hồ nước (giống như ***êa*** trong

ngôn ngữ Mã Lai. ***Êa*** là nước, là dòng chảy, dòng suối, dòng sông). ***Lăk*** là tên một hồ nước nằm ở vị trí trung tâm tỉnh- một hồ tự nhiên đẹp, rộng trên 500 hecta . Như vậy có thể nói Dak Lăk là hồ nước có tên là ***Lăk.*** *Trong lúc ở tiếng Pháp thì lac (hồ) và dar (không có nghĩa). Nếu dar đứng cận* trước lac / lăk [1]/ thì sẽ có một phát âm /dăk [1]/, giống với dak lăk trong ngôn ngữ Môn- Khmer. Và như vậy, theo chúng tôi là một hình thức phiên âm mà người Pháp vận dụng để gọi tên tỉnh này khi thành lập (năm 1899) chứ không hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên như ý kiến của ông A.Monfleur.

**** Về địa danh Buôn Ma Thuột***

Hiện nay trong giao tiếp, trên các phương tiện thông tin đại chúng và cả trong văn bản, ***Buôn Ma Thuột*** còn được gọi và viết là ***Ban Mê Thuột, Buôn Mê Thuột, Ban Mê, Buôn Mê***. Vừa qua đã có một số ý kiến bàn về trường hợp này. Các tác giả đã đề xuất nên viết như thế nào cho đúng địa danh mà chưa lý giải nó trên cơ sở hiện tượng ngôn ngữ. Chúng tôi đồng ý với tác giả Nguyễn Hữu Trí và tác giả Nay Hiệp: Buôn Ma Thuột là *buôn do tù trưởng Ama Thuôt đứng đầu (trưởng buôn). Trường hợp Ban Ma* Thuôt, theo chúng tôi đây là cách phiên âm của người Pháp từ tổ hợp Buôn Ma Thuôt của tiếng Êđê. Khi Đại lý hành chính đang đóng tại vị trí của Buôn Đôn, người Pháp gọi là Bandon (Bản Đôn). Sau đó chuyển về vị trí buôn của Ama Thuôt thì người Pháp vẫn gọi là ***ban*** (bản). ***Me*** được lấy từ âm đầu của từ ***monsieur*** (ông) khi phiên âm *(/me-si-eu/)*, còn **Thuôt** là tên riêng vẫn được giữ nguyên. Như vậy, người Pháp gọi là Ban Me Thuot *(bản ông Thuôt)* trong lúc đó người Việt đọc là Ban Mê Thuột. Người Êđê gọi là Buôn Ma Thuôt *(buôn ông Ama Thuôt)* thì người Việt phát âm thành Buôn Ma Thuột. Tiếng Êđê không có thanh điệu đúng ra phải đọc là Buôn Ma Thuôt *(Buôn[1]/ /Ma[1]/ /Tuôt[1]/)*. Trong Monographie de la Province du Darlac, *A.Monfleur viết: Un très*

gros village se trouve orécisément à 54 kilomètres de là occupé par les Rhadés Kpa sous les ordres de METHUOT , c'est à 700 mètres plus au Sud-Est de ce dernier, au bord de l'Ea-Tam, au débouché même de la piste d'Annam que s'installe le nouveau centre administratif de Ban- Mé-Thuot près de l'emplacement occupé depuis un an déjà par un poste de garde indigène. Buôn Mê Thuột là cách gọi lẫn lộn giữa hai cách gọi trên. Ban Mê, Buôn Mê là cách gọi rút gọn.

Sự biến đổi rất đáng kể của địa danh ở Buôn Ma Thuột thể hiện một sự biến động mạnh mẽ và sâu sắc về lịch sử- chính trị- xã hội, của địa bàn này. Tác giả Nguyễn Kiên Trường đã rất có lý khi cho rằng: *Dân tộc, tộc người với ngôn ngữ khác nhau sẽ tạo nên những hệ thống địa danh khác nhau về phương thức định danh, nguồn gốc và sự biến đổi. Ngay trong một ngôn ngữ nhưng ở mỗi thời kỳ, ở những vùng khác nhau cũng tạo ra những khác biệt đó. Nhiều địa danh xuất hiện từ xa xưa, mà ngôn ngữ- cái nôi của địa danh- đã biến đổi nên địa danh cũng biến đổi cả về ngữ âm và tự dạng do quá trình lưu truyền.*

Từ những vấn đề trên đây, có thể nói rằng: cứ liệu về địa danh ở Buôn Ma Thuột đã làm nên một bức tranh toàn cảnh về các lĩnh vực: lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, văn hoá, ngôn ngữ, các khối cộng đồng dân cư...; là bức tranh thu nhỏ của xã hội Tây Nguyên trong toàn bộ tiến trình lịch sử của nó. Cũng vì vậy, khi địa danh đã trở thành "mã số" của một đối tượng hoặc một địa bàn nhất định, nó có tính ổn định và được truyền lại lâu dài, nhờ vậy mà một số thông tin nhất định nào đó của một địa danh cùng những thông tin về thời đại được phản ánh trong từ ngữ đặt tên còn lưu lại, có giá trị cho nhiều ngành khoa học. Tuy nhiên, giữa địa danh học và các ngành khoa học xã hội và khoa học nhân văn đều có quan hệ hai chiều. Chính những tri thức và kết quả của những ngành đó đã giúp

ích rất nhiều cho nghiên cứu địa danh, vì địa danh nói riêng và ngôn ngữ nói chung tồn tại và phát triển không tách rời lịch sử dân tộc, không nằm ngoài mối quan hệ với các khoa học khác.

Những kết quả nghiên cứu về địa danh ở Buôn Ma Thuột hy vọng sẽ góp một phần nhỏ bé vào kết quả nghiên cứu của địa danh nói chung (từ những vấn đề lý luận đến thực tế nghiên cứu trên địa bàn).

Cũng từ những cứ liệu trên đây, chúng tôi muốn đề xuất một ý kiến nhỏ về chính sách ngôn ngữ liên quan đến địa danh: Cần có sự thống nhất trong cách viết, cách gọi địa danh cho phù hợp trong giao tiếp, trên các văn bản pháp quy, văn bản khoa học và trên các phương tiện thông tin đại chúng trong bối cảnh một địa bàn đa sắc tộc, đa ngôn ngữ. Việc đặt tên mới, thay thế, sửa đổi tên cũ ít nhiều phản ánh sự kế thừa và bảo lưu. Vì vậy quá trình định danh (đặt tên, sửa đổi tên) cho các đối tượng địa lý cần phải bảo đảm những yêu cầu có "tính nguyên tắc". Đó có thể là: Tính dân tộc, tính giáo dục, tính đại chúng, tính thẩm mỹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Ân (1997), *Việt Nam - Những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945- 1997*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Ân (1993), *Địa danh Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Hoàng Thị Châu (1966), "*Mối liên hệ về ngôn ngữ cổ đại ở Đông Nam Á qua một vài tên sông*", *Thông báo Khoa học, Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội.*
5. Cục thống kê Dak Lak (2002), *Niên giám thống kê*, Dak Lak.
6. Trần Trí Dõi (2001), "*Vấn đề địa danh biên giới Tây Nam: một vài nhận xét và những kiến nghị*", *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội*, Nxb Văn hóa

thông tin.
7. Trần Văn Dũng (1995), *"Về sự kế thừa và phát huy văn hóa của vùng đất Tây Nguyên"*, *Nghiên cứu Đông Nam Á (số 1).*
8. Nguyễn Dược - Trung Hải (1998), *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Việt Hà (2002), *"Cần gọi đúng tên "bon" của đồng bào Mnông"*, *Văn hoá Dak Lak* (số 3).
10. Khương Ngọc Hải (1998), *"Nên giữ nguyên hay phiên âm các địa danh hành chính ở tỉnh ta"*, *Văn hoá Dak Lak (số 2).*
11. Nay Hiệp (1996), "Bàn về địa danh Buôn Ma Thuột", *Văn hoá Dak Lak* (số 3).
12. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb KHXH, Hà Nội.
13. Lưu Hùng (1994), *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
14. Đoàn Văn Phúc (1996), *Ngữ âm tiếng Êđê*, Nxb KHXH, Hà Nội.
15. Đoàn Văn Phúc (1998), *Từ vựng các phương ngữ Êđê*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
16. Sở Giáo dục - Đào tạo Dak Lak - Viện ngôn ngữ học Việt Nam (1993), *Từ điển Việt- Êđê*, Dak Lak.
17. Sở Giáo dục - đào tạo Dak Lak - Trường Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh (1994), *Từ điển Mnông - Việt, Dak Lak.*
18. Trần Thanh Tâm (1976), *"Thử bàn về địa danh Việt Nam"*, *Nghiên cứu lịch sử* (số 3+4) .
19. Lý Toàn Thắng (1984), *"Tên gọi và cách gọi tên"*, *Ngôn ngữ* (số 2).
20. Thị uỷ Buôn Ma Thuột (1993), *Lịch sử phong trào đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị xã Buôn Ma Thuột, tập1 (1930 - 1954).*
21. Tỉnh ủy Dak Lak (2002), *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ tỉnh Dak Lak 1930- 1954*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Trãi (1975), *"Dư địa chí"*, Nguyễn Trãi toàn tập, Nxb KHXH, Hà Nội.
23. Nguyễn Hữu Trí (2001), *"Đôi điều bàn về địa danh ở Dak Lak"*, Thông tin khoa học và công *nghệ Dak Lak (số 3).*
24. Nguyễn Kiên Trường (1996), *Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng*, Luận án PTS khoa học, Trường Đại học KHXH- NV, Hà Nội.
25. Đinh Xuân Vịnh (1996), *Sổ tay địa danh Việt Nam*, Nxb Lao động.
26. Dauzat A. (1948), *Latoponymie franõaise, Payot*, Paris.
27. Dauzat A. , Rostaing Ch. (1963), *Dictionnaire étymologique des noms de lieux en France*, Larousse, Paris.
28. Mon Fleur (1931), *Monographie de la province du Darlac*, Hanoi.

Tây Nguyên Buôn Ma Thuột Chiến trường của chiến tranh cách mạng Việt Nam

TS. HÀ MINH HỒNG

1. Tây Nguyên và các dân tộc ở Tây Nguyên

Đứng tạo thế cho "Khu 5 dằng dặc khúc ruột miền Trung" của Tổ quốc Việt Nam là 5 cao nguyên lớn ở phía Tây gối liền nhau: cao nguyên Kon Tum, cao nguyên Gia Lai, cao nguyên Đắc Lắc, cao nguyên Lâm Viên và cao nguyên Di Linh. Rộng hơn 53.000 km^2, Tây Nguyên có các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc và một phần tỉnh Lâm Đồng, dân số tổng cộng trên 4.000.000 người. Là nơi mật độ tập trung cao các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, diện tích bằng 16% diện tích cả nước, dân số bằng 4% dân số cả nước và có hơn 40 thành phần sắc tộc chiếm trên 60% thành phần sắc tộc cả nước. Tây Nguyên vì vậy là một địa bàn trọng điểm của chính sách dân tộc của Đảng ta. Ngoài người Kinh đang ngày càng một đông thì người Thượng như: Gia Rai; Ê đê; Ba Na là đông hơn tất cả, người Kơ Ho, Raglai, Sê Đăng, M'nông, Mạ, Chu Ru... cũng đang có chiều hướng tăng lên, có

thể nói các dân tộc ở Tây Nguyên vẫn tiếp tục quá trình phát triển của mình.

Người Thượng ở đây sống cả trong các thị xã thành phố như Kon Tum, Plây Cu, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, song các nương rẫy buôn làng của họ chủ yếu là rải khắp vùng rừng núi trùng điệp suốt từ phía Bắc giáp Quảng Nam, Đà Nẵng xuống phía Nam giáp Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, từ biên giới phía Tây với Lào và Campuchia, sang duyên hải phía Đông với Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Người Ba Na hay Ê Đê, Gia Rai hay M'nông quen đầu trần chân đất, sáng ra nương rẫy từ rất sớm với lúa bắp, khoai, mía và ở với Giàng (Trời) ngoài đó đến tối mới về buôn. Tối nào cũng đàn hát quanh đống lửa giữa sân. Người ta không thể sống thiếu lửa cũng như ban ngày không thể sống thiếu Giàng; mọi việc của cuộc sống và làm ăn, tình yêu và cả việc sinh con đẻ cái đều phải được Giàng chứng kiến, sinh hoạt ban ngày ngoài trời là sinh hoạt chủ yếu của ngày sống.

Cho đến nay, cuộc sống của các dân tộc ở Tây Nguyên nhìn chung còn thấp do kinh tế hàng hóa chưa phát triển mạnh, và do hậu quả của chính sách "chia để trị" và chính sách ngu dân hàng thế kỷ của thực dân đế quốc trên đất nước ta.

Tuy nhiên các dân tộc Tây Nguyên không phải là không có khả năng phát triển, trái lại họ là những chủ thể xứng đáng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Họ có tiếng nói riêng, chữ viết riêng, phong tục tập quán riêng. Văn học dân gian các dân tộc Tây Nguyên phong phú không kém dân tộc nào ở vùng xuôi. Họ là chủ nhân của Trường ca Đam San nổi tiếng, của đàn đá Bảo Lộc - Lạc Dương. Họ sản sinh ra mái nhà rông độc đáo Việt Nam và cũng sinh ra những anh hùng như N'Trang Long, Đinh Núp... Từ khi có Đảng, họ biết đưa cả rừng núi Tây Nguyên chuyển theo tiếng gọi của Đảng, của Ava Hồ, Bok Hồ để góp gió vào bão táp tháng 8-1945 và sau đó biến cả cao nguyên thành chiến trường của 30 năm chiến tranh cách mạng.

thể nói các dân tộc ở Tây Nguyên vẫn tiếp tục quá trình phát triển của mình.

Người Thượng ở đây sống cả trong các thị xã thành phố như Kon Tum, Plây Cu, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, song các nương rẫy buôn làng của họ chủ yếu là rải khắp vùng rừng núi trùng điệp suốt từ phía Bắc giáp Quảng Nam, Đà Nẵng xuống phía Nam giáp Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, từ biên giới phía Tây với Lào và Campuchia, sang duyên hải phía Đông với Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Người Ba Na hay Ê Đê, Gia Rai hay M'nông quen đầu trần chân đất, sáng ra nương rẫy từ rất sớm với lúa bắp, khoai, mía và ở với Giàng (Trời) ngoài đó đến tối mới về buôn. Tối nào cũng đàn hát quanh đống lửa giữa sân. Người ta không thể sống thiếu lửa cũng như ban ngày không thể sống thiếu Giàng; mọi việc của cuộc sống và làm ăn, tình yêu và cả việc sinh con đẻ cái đều phải được Giàng chứng kiến, sinh hoạt ban ngày ngoài trời là sinh hoạt chủ yếu của ngày sống.

Cho đến nay, cuộc sống của các dân tộc ở Tây Nguyên nhìn chung còn thấp do kinh tế hàng hóa chưa phát triển mạnh, và do hậu quả của chính sách "chia để trị" và chính sách ngu dân hàng thế kỷ của thực dân đế quốc trên đất nước ta.

Tuy nhiên các dân tộc Tây Nguyên không phải là không có khả năng phát triển, trái lại họ là những chủ thể xứng đáng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Họ có tiếng nói riêng, chữ viết riêng, phong tục tập quán riêng. Văn học dân gian các dân tộc Tây Nguyên phong phú không kém dân tộc nào ở vùng xuôi. Họ là chủ nhân của Trường ca Đam San nổi tiếng, của đàn đá Bảo Lộc - Lạc Dương. Họ sản sinh ra mái nhà rông độc đáo Việt Nam và cũng sinh ra những anh hùng như N'Trang Long, Đinh Núp... Từ khi có Đảng, họ biết đưa cả rừng núi Tây Nguyên chuyển theo tiếng gọi của Đảng, của Ava Hồ, Bok Hồ để góp gió vào bão táp tháng 8-1945 và sau đó biến cả cao nguyên thành chiến trường của 30 năm chiến tranh cách mạng.

Mặt khác, Tây Nguyên có một vị trí chiến lược quan trọng đối với cả vùng Nam Đông Dương. Sự bằng phẳng của địa hình cao nguyên tạo ra thuận lợi cho việc phát triển lực lượng từ cao nguyên xuống miền duyên hải và cả xung quanh dãy Trường Sơn Nam gắn liền với miền Đông Nam bộ, Nam Trung bộ, Đông Bắc Campuchia, Trung Lào, Hạ Lào. Nếu chỗ dựa chung của cả bán đảo Đông Dương là dải Trường Sơn hùng vĩ thì Tây Nguyên chốt phía Nam mái nhà bán đảo là cửa mở chung của ba dân tộc quốc gia, là bàn đạp chung cho cách mạng ba nước, mà từ lâu kẻ thù của cả ba nước Đông Dương đã nhận thức đúng rằng ai chiếm được Tây Nguyên sẽ làm chủ cả Đông Dương.

Hơn nữa thiên nhiên cũng dành cho miền đất cao nguyên phía Tây của Tổ quốc nhiều ưu đãi. Khí hậu mát cho cây cối quanh năm. Các hệ thống sông Pô Cô, sông Ba, Ia Đ'răng, Sê-rê-pốc... tuy có tạo ra sự chia cắt địa hình nhưng dễ khắc phục và cũng tiêu nước cho Tây Nguyên cả hai mùa mưa khô. Rừng nhiệt đới nhiều gỗ quý và lâm thổ sản có giá trị cao. Cây công nghiệp và chăn nuôi là thế mạnh thứ nhất. Lòng đất còn chưa được khai phá, ngay cả đến chất đất ba zan trên bề mặt không cần tìm kiếm cũng mới chỉ sử dụng một phần cho những đồn điền với chè, cà phê nổi tiếng là ngon. Trữ lượng điện ở Tây Nguyên rất tiềm tàng và giao thông mới chỉ có vài quốc lộ 14, 19, 20, 21, 7 mà lẽ ra nó phải rất phát triển cùng với cả đường sắt, đường không.

Về truyền thống lịch sử, Tây Nguyên vốn là mảnh đất bất khuất kiên cường. Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên có ý thức sâu sắc về lòng yêu quê hương đất nước và sớm có truyền thống quật khởi. Từ cuối thế kỷ XVIII các dân tộc Tây Nguyên đã ủng hộ nghĩa quân Tây Sơn trong sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc. Cuối thế kỷ XIX, Pháp đánh chiếm xong Việt Nam và năm 1884 chúng kéo lên Tây Nguyên. Phong trào chống Pháp của các dân tộc Tây Nguyên cũng nổ ra liền đó.

Đặc biệt là từ đầu thế kỷ XX khi thực dân Pháp lập đồn điền khai thác Tây Nguyên, thì phong trào nổi dậy khởi nghĩa vũ trang của đồng bào Tây Nguyên càng mạnh mẽ. Bên cạnh các phong trào bãi công của công nhân các đồn điền Mai-đo, C.H.P.I, Rô-si, Ca-đa, công trường xây dựng cầu Krông-buk... phong trào yêu nước của các dân tộc thiểu số cũng diễn ra với các cuộc khởi nghĩa ở Đắc Tô, Plây Cu, An Khê, Đắc Pát, Đắc Lây, Kon-plông, Dak Lak... Nghĩa quân các dân tộc do Di-Nai, Oi H'Phai, N'Trang Guh, N'Trang Lơng... lãnh đạo dựa vào núi rừng hiểm trở, sử dụng các vũ khí truyền thống, theo lối đánh du kích, đã làm cho địch nhiều trận thất điên bát đảo. Nghĩa quân N'Trang Lơng và khởi nghĩa của người M'nông, S'tiêng ở Dak Lak khá tiêu biểu. Từ năm 1912 đến 1935 hơn 23 năm nổi dậy, nghĩa quân N'Trang Lơng đã đánh địch nhiều trận, tấn công hàng loạt đồn Pháp, giết nhiều binh lính sĩ quan của chúng trên vùng rộng lớn từ Nam Đắc Lắc sang cả biên giới Campuchia. Trận tháng 8/1914, N'Trang Lơng giả hàng kéo quân vào đồn Pháp rồi bất ngờ tung ra đánh địch, giết chết tên chủ đồn và nhiều tên khác. Trận ngày 15/1/1915, nghĩa quân của N'Trang Lơng lại tập kích địch trong một eo núi giết chết tên Phó sứ tỉnh Kra Chê. Địch dùng cả biện pháp vây triệt đường tiếp tế muối gạo, cả mua chuộc dụ hàng và truy quét nhưng nghĩa quân N'Trang Lơng vẫn tồn tại phát triển nhiều năm sau chiến tranh, chỉ đến khi chúng dùng thủ đoạn bắt được N'Trang Lơng, phong trào khởi nghĩa mới bị tan rã.

Trong khi ấy năm 1930, chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Tây Nguyên đã thành lập. Từ Nam Tây Nguyên, sự lãnh đạo của Đảng phát triển mạnh lên Bắc Tây Nguyên để đưa các dân tộc ở đây đi vào quỹ đạo giải phóng dân tộc của cách mạng vô sản. Cho đến khi trước Cách mạng tháng Tám bùng nổ, toàn bộ các tỉnh Tây Nguyên đã có sự lãnh đạo của Đảng, đó là cơ sở đầu tiên của các dân tộc ở Tây Nguyên gia nhập được vào dòng thác Cách mạng tháng Tám, đứng lên tổng khởi nghĩa cùng toàn

dân tộc.

Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám - 1945 ở Tây Nguyên phát triển phần lớn theo cách thức nổi dậy của quần chúng từ các đồn điền về các công sở, ở thị trấn thị xã. Ở Dak Lak, một tỉnh trung tâm của Tây Nguyên, khi tình thế cách mạng xuất hiện, Mặt trận Việt Minh có lực lượng trong công nhân các đồn điền Ca-đa, C.H.P.I đã lãnh đạo quần chúng ở đây khởi nghĩa giành chính quyền ngày 17/8/1945. Trên cơ sở đó Ban lãnh đạo lâm thời của tỉnh họp đêm 19/8/1945 đã quyết định phát động quần chúng bị cướp chính quyền toàn tỉnh, Ủy ban khởi nghĩa được thành lập để chỉ đạo chung. 15 giờ ngày 24/8/1945 quần chúng ở trong ngoài Buôn Ma Thuột mít tinh biểu dương lực lượng, chào mừng chính quyền cách mạng ra mắt, rồi tuần hành khắp thị xã. Trước khí thế áp đảo của quần chúng cách mạng, trung đội lính Nhật và bọn tay sai phải án binh bất động, cách mạng đã thành công. Trước đó, ngày 23/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi ở trong Lâm Đồng và Gia Lai, ngày 25/8/1945 Kon Tum và toàn bộ Tây Nguyên giải phóng.

Như vậy, lực lượng công nhân ở đây dù nhỏ nhưng có vai trò lớn trong sự phát triển cách mạng. Chính là cơ sở Đảng và cách mạng từ các bàn đạp đồn điền bung ra lãnh đạo tập hợp các dân tộc Tây Nguyên làm cách mạng thắng lợi. Sau đó chính quyền cách mạng các địa phương thành lập làm nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân các dân tộc đoàn kết thống nhất xây dựng bản làng buôn rẫy, ra sức bảo vệ nền độc lập vừa giành được. Để suốt 30 năm chống Pháp chống Mỹ kế đó, Tây Nguyên là căn cứ địa chung cho cách mạng 3 nước Đông Dương, là chiến trường trực tiếp của cuộc chiến đấu giữ nước giải phóng hoàn toàn miền Nam.

2. Tây Nguyên với 30 năm chiến tranh Cách mạng (1945 - 1975):

Bước vào giai đoạn chiến tranh cách mạng, Tây Nguyên không

những có vị trí chiến lược quan trọng nhiều mặt, mà còn có ưu thế lớn trong việc xây dựng thành một chiến trường chiến đấu trực tiếp và một hậu phương tại chỗ cho cách mạng miền Nam.

Từ ngày đầu Nam bộ kháng chiến, Tây Nguyên là nơi tập kết củng cố các lực lượng của ta. Giặc Pháp mở rộng vòng vây, chiếm Đông Nam bộ, Nam Trung bộ rồi bị đánh chặn lại. Tây Nguyên trở thành bàn đạp vững chắc cho các đơn vị Nam tiến và lực lượng vũ trang địa phương bung về vùng dưới hoạt động.

Tháng 12/1945, quân Pháp bắt đầu từ miền Đông Nam bộ đánh ngược đường 14 và 20 lên Tây Nguyên. Song giặc Pháp tiến đến đâu cũng bị chặn đánh. Đồng bào các dân tộc rào làng, tổ chức những đội dân quân sát cánh cùng bộ đội đánh địch. Nhiều làng xã, buôn làng ta và địch giành giật bằng những trận huyết chiến. Ở Buôn Ma Thuột, địch nhanh chóng chiếm thị xã nhưng ta cũng chống trả quyết liệt từ đầu và ngày 11/12/1945 ta lại làm chủ thị xã. Ở Di Linh, Đà Lạt, Ma Đ'rắc cũng giành đi giật lại khá gay go. Tuy sau đó ta phải rút lui từ tuyến này sang tuyến khác do chưa có kinh nghiệm chiến đấu, lại gặp sức tấn công ồ ạt của địch, nhưng cuộc chiến đấu của khối đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên, người Kinh cũng như người Thượng vẫn góp phần quý báu vào kinh nghiệm tổ chức và phát động nhân dân kháng chiến trên địa bàn chiến lược rừng núi. Hơn nữa, thực tế chiến trường Tây Nguyên là chiến tranh du kích phát triển từ rất sớm, nòng cốt là các trung đoàn chủ lực (như E79 Dak Lak), các đơn vị bộ đội người dân tộc (như tiểu đoàn N'Trang Lơng, đại đội Đinh Đ'rong...). Nằm trong đội hình các chiến khu 5 (Kon Tum, Gia Lai) chiến khu 6 (Dak Lak, Lâm Viên) có thể nói Tây Nguyên sớm là chiến trường sôi động.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến, chiến trường chính chuyển dần ra Bắc bộ, Tây Nguyên trở thành chiến trường phối hợp và xây dựng thành căn cứ kháng chiến ngày càng vững chắc. Trong quá trình đó, công tác vũ trang tuyên truyền được đẩy mạnh mở

rộng với vai trò đi đầu của các đội du kích, đội công tác. Đội du kích Xi-tơ của người Bana và các đội du kích các dân tộc khác đang bám sát địch, gây cơ sở và phối hợp với bộ đội làm nên những chiến thắng vang dội ở Buôn Ma Đrít, Đường 7, An Khê, Măng Đen, Măng Bút, Plây Cu...

Đông Xuân 1953-1954, Tây Nguyên là một bộ phận quan trọng của mặt trận chính diện. Hội nghị Bộ Chính trị của Đảng (họp tháng 9-1953) chủ trương: sử dụng bộ đội chủ lực mở 3 cuộc tiến công lớn trong Đông Xuân 1953-1954 nhằm tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng và phải đoạt lấy địa bàn chiến lược Tây Nguyên, phá tan âm mưu củng cố bình định miền Nam của địch. Theo đó, ngày 27/1/1954 ta bắt đầu tiến công lớn ở Tây Nguyên, đánh cùng lúc 3 cứ điểm Măng Đen, Công Bray, Măng Bút và nhanh chóng cắt đôi hệ thống phòng ngự Bắc Tây Nguyên của địch. Từ ngày 5/2/1954 ta thừa thắng giải phóng Kon Tum, tập kích uy hiếp địch ở Plây Cu, buộc địch vội vàng điều quân lên giữ Plây Cu và tăng cường cho Nam Tây Nguyên. Ta đã giải phóng trong đợt này 16.000 km^2 đất đai cùng 20 vạn dân, góp phần vào việc phá tan kế hoạch tập trung quân - xương sống của kế hoạch Navarre, đưa đến việc ta và địch chọn Điện Biên Phủ làm trận quyết chiến chiến lược.

Chiến dịch Điện Biên Phủ mở ra, Tây Nguyên trở lại làm chiến trường phối hợp với những chiến thắng trên đường 14, 19 ở đèo Măng Giang, Đắc Đoa, Tuy Bình, Chư Đrê, Thanh An... Ngày 21/3/1954 ta còn tập kích vào thị xã Plây Cu diệt 500 tên địch. Ngày 24/6/1954 ta uy hiếp mạnh đường 19 buộc địch phải rút lực lượng từ An Khê về phòng giữ Plây Cu. Thừa lúc địch rút An Khê, ta cho trung đoàn 96 chủ lực cùng lực lượng địa phương đón đánh tiêu diệt toàn bộ binh đoàn 100 thiện chiến của chúng vừa từ Triều Tiên về. Trận này ta diệt hơn 1.000 tên, 203 xe và 15 pháo; bắt sống bộ tham mưu binh đoàn địch. Đó là trận phục kích lớn của bộ đội ta, một đòn nữa bồi thêm vào thất bại của

Pháp ở Điện Biên Phủ, góp phần thúc đẩy chiến trường giành thắng lợi quyết định cho ta phối hợp mặt trận ngoại giao đưa đến việc ký kết Hiệp định Genève, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp.

Kháng chiến 9 năm vừa dứt thì kháng chiến 20 năm lại bắt đầu do âm mưu xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ. Buổi đầu, những năm miền Nam chưa Đồng khởi, cách mạng ở Tây Nguyên gặp nhiều khó khăn ác liệt, do kẻ thù tấn công dữ dội. Năm 1955 Mỹ Diệm thi hành chiến dịch Tố cộng-Diệt cộng thí điểm ở Khu 5 và Tây Nguyên, nơi có phong trào phát triển mạnh để hòng dìm phong trào trong bể máu, đi đến tiêu diệt lực lượng cách mạng và phong trào cách mạng toàn Miền. Song kẻ thù không hiểu được rằng ngọn lửa Đồng khởi lại nhen lên chính tại nơi tưởng như phá tan được lực lượng cách mạng. Từ Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, đầu năm 1960, ngọn lửa thần kỳ ấy được thổi bùng lên ở Bến Tre lan cháy khắp nông thôn Nam bộ và rừng núi cao nguyên. Căm thù dồn nén suốt mấy năm từ 1954 đến giữa 1960, Tây Nguyên đã có 4.000 thôn làng buôn nổi dậy giành quyền làm chủ. Nhìn chung đến khi cách mạng miền Nam chuyển sang tiến công, dùng chiến tranh cách mạng đánh bại chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, Tây Nguyên đã vượt qua được thời kỳ khó khăn và đã trở lại được vai trò một hậu phương tại chỗ, một chiến trường trực tiếp của chiến tranh cách mạng với thế trận chiến tranh nhân dân khá vững chắc.

Từ năm 1961-1973, Mặt trận Tây Nguyên (B3) được thành lập và hoạt động kiên cường với nhiệm vụ "xây dựng Tây Nguyên thành chiến trường đánh tiêu diệt lớn để củng cố và mở rộng căn cứ địa rừng núi ở vùng biên giới 3 nước Đông Dương". Theo đó, phong trào đấu tranh vũ trang tiếp tục khí thế Đồng khởi đã được đẩy mạnh song song đấu tranh chính trị, góp phần đánh bại lần lượt ba chiến lược chiến tranh (đặc biệt, cục bộ, Việt Nam hóa) của Mỹ-ngụy. Ở các thị trấn, thị xã, ta đẩy mạnh vừa

đấu tranh chính trị vừa đánh bằng lực lượng đặc công. Ở các vùng rừng núi, bộ đội chủ lực cùng du kích và đồng bào các dân tộc đánh thắng nhiều trận lớn trên đường 19, 14, ở Phi Vàng, Quỳnh Hoa, Liên Đầm... Trận Plây Cu (1965) tiêu diệt 3.000 tên địch trong đó có 1.700 là Mỹ và chư hầu, chôn vùi cả uy thế Sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ, là trận phủ đầu quân viễn chinh Mỹ trên chiến trường Tây Nguyên. Năm 1965 và năm 1972 cùng toàn miền Nam, Tây Nguyên tiến công và nổi dậy khắp các tuyến, cả rừng núi và thị trấn, thị xã. Hầu như không một căn cứ, sào huyệt đồn bót nào của địch ở Tây Nguyên không lần lượt bị đánh phá. Năm 1972, Tây Nguyên đập tan tuyến phòng ngự chiến lược của địch ở phía Bắc, giải phóng Đắc Tô, Tân Cảnh... Nhìn chung trong cuộc kháng chiến lần này, quân dân Tây Nguyên, cả người Kinh và người Thượng đã đoàn kết một lòng, nêu cao truyền thống anh dũng vượt khó, thi đua lập công góp phần tích cực cùng toàn miền Nam đánh gục ý chí xâm lược của Mỹ-ngụy, buộc chúng cuối cùng phải kết thúc chiến tranh ký Hiệp định Paris rút quân về nước.

Hai năm kết thúc chiến tranh (1973-1975) là 2 năm phát triển nhảy vọt của cách mạng ở Tây Nguyên. Tiếp tục được sự chi viện của miền Bắc, sự tập trung của các chiến trường, Tây Nguyên tích cực xây dựng nhanh lực lượng mọi mặt của mình. Những trận đánh tiêu diệt địch năm 1973-1974 ở Măng Bút, Măng Đen, Đức Cơ, Chư Nghé, La Cúp, Đắc Pét... càng làm bộc lộ rõ khả năng yếu kém của địch cũng như sự lớn mạnh của ta. Lực lượng so sánh ngày càng thay đổi lớn có lợi cho ta. Khi thời cơ chiến lược đi mau tới chín muồi, Tây Nguyên đã đủ điều kiện trở thành chiến trường trọng điểm với nhiệm vụ mở đầu cho việc thực hiện quyết tâm chiến lược 2 năm giải phóng miền Nam. Ngày 4/3/1975, Tây Nguyên nổ tiếng súng đầu tiên cho Đại thắng mùa Xuân bằng việc đánh chia cắt ở đường 19. Ngày 10 và 11/3/1975 Tây Nguyên tiếp tục thúc đẩy thời cơ và tạo ra thời cơ mới bằng việc đánh giải phóng Buôn Ma Thuột. Với trận Buôn Ma Thuột,

Tây Nguyên của Mỹ-Thiệu rúng động, Tây Nguyên của quân dân ta thần tốc - táo bạo - tận dụng thời cơ, tranh thủ thời gian, chỉ một tuần lễ tiến công và nổi dậy (từ 11 đến 17/3/1975) ta đã giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên. Đặc biệt, khi Tây Nguyên giải phóng, thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975 đã hiện ra rõ ràng. Chớp thời cơ ấy, Đảng ta quyết định chuyển tiến công chiến lược sang Tổng tiến công và nổi dậy. Kết quả là với hai chiến dịch Huế-Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam từ đất liền ra hải đảo, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Như vậy chỉ 13 ngày đầu tiên của mùa Xuân đại thắng (từ ngày 4 đến 17/3/1975) Tây Nguyên đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng địa bàn của các dân tộc ở đây, để mở màn cho cả quá trình hoàn chỉnh sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

* * *

Tây nguyên - cao nguyên của cộng đồng có một lịch sử bất khuất kiên cường. Lại là vị trí có ý nghĩa chiến lược quan trọng cả về kinh tế, chính trị, quân sự, Tây Nguyên có đầy đủ nhân tố chủ quan, khách quan thuận lợi cho quá trình phát triển của mình trong tiến trình lịch sử chung của dân tộc Việt Nam. Trong 30 năm chiến tranh cách mạng vừa qua, Tây Nguyên vừa là căn cứ địa, hậu phương tại chỗ cho cách mạng miền Nam, vừa là chiến trường trực tiếp đối đầu với chiến tranh xâm lược của thực dân đế quốc. Khó khăn và ác liệt, cuối cùng Tây Nguyên đã chiến thắng, người Kinh và người Thượng ở đây đã thắng, thắng liên tiếp, thắng giòn giã. Thật xứng đáng với lời đánh giá của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn: "*Tây Nguyên là niềm tự hào của Tổ quốc ta*".

Hồi ký
của Nguyễn Duy Trinh
ở Nhà đày Buôn Ma Thuột

... Ở Nhà đày Buôn Ma Thuột, thời gian đầu việc lập tổ chức Đảng để chỉ đạo và hướng dẫn tù nhân đấu tranh là rất khó khăn. Người tù bị theo dõi rất chặt chẽ từng cử chỉ và hành động vì bọn thực dân biết đây là những tù cộng sản nguy hiểm. Tù nhân không được trao đổi, nói chuyện, không được liên hệ và nhận tài liệu bên ngoài. Do đó, muốn tổ chức cơ sở Đảng trong nhà đày thì họ phải đi từ giản đơn, hợp pháp, nửa hợp pháp kết hợp với bí mật.

Tổ chức đầu tiên nhằm tập hợp tù nhân ở Nhà đày Buôn Ma Thuột được hình thành vào khoảng tháng 10-1932. Được sự đồng tình và giúp đỡ của y tá nhà đày, một số tù nhân bí mật gặp nhau trong trạm y tế nhà đày để bàn tổ chức Hội tương trợ nhằm mấy mục đích:

- Cứu giúp những tù nhân nghèo không có gia đình đang bị ốm đau trong tù.

- Đề ra kỷ luật giữ gìn vệ sinh, trật tự trong tù.

- Tất cả hò la phản đối khi có tù nhân bị lính canh đánh đập.

- Để giữ vững khí tiết của tù nhân, các buổi tối sẽ lần lượt mỗi người kể một câu chuyện vui và bổ ích, có tác dụng giáo dục lòng trung thành với cách mạng.

Hội này phát triển rộng khắp trong nhà đày. Đây là Hội tù nhân có tính chất quần chúng đầu tiên ở Nhà đày Buôn Ma Thuột do những người tù cộng sản chỉ đạo bí mật.

Để thực hiện việc tương trợ giữa tù nhân với nhau, Hội đứng ra thu nhận quà, tem, giấy viết thư của những tù nhân không có gia đình, hoặc bị đau ốm mà thân nhân không đến thăm được. Bọn địch đã để ý theo dõi việc làm này của tù nhân và cho hành động đó là "thực hành nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa". Trong nhà đày, nhà ăn hẹp, tù nhân đông, nhiều khi đi làm về đói mệt, họ chen lấn gây cảnh lộn xộn trong bữa ăn và vượt quá giờ quy định nên bị lính đánh. Để khắc phục tình trạng này, Hội tương trợ quy định cứ bốn người ghép lại thành một nhóm và đến bữa ăn ai ở nhóm nào ngồi vào nhóm ấy một cách trật tự.

Để tránh bị khiêu khích và gây đổ máu cho tù nhân, theo kinh nghiệm trên các công trường, Hội còn quy định trong trường hợp bị lính đánh, không được đánh lại lính mà phải cùng nhau hò la phản đối để giám ngục, quản ngục biết.

Nhằm thực hiện có hiệu quả những quy định này, Hội tù nhân đề ra kỷ luật chặt chẽ trong tù. Ai không thực hiện các quy định ấy của Hội sẽ bị một trong những hình thức kỷ luật nội bộ nghiêm khắc như bị tẩy chay, cô lập, không được ăn chung, không được nói chuyện với ai. Quy định này đã được tù nhân thực hiện triệt để. Chỉ có một tù nhân mang số tù 2283, giam ở lao 4 vì không đồng ý thực hiện các quy định nói trên nên bị Hội "phạt" theo hình thức kỷ luật ấy. Nhưng chỉ được

vài ngày, người tù ấy chịu đựng không nổi "hình phạt", đã tự nguyện xin tuân theo những quy định của Hội. Đây là hình thức tự tổ chức, tự quản lý đầu tiên của tù chính trị ở Nhà đày Buôn Ma Thuột. Trong hoàn cảnh khó khăn của Nhà đày, chỉ có những người tù cộng sản với ý thức tổ chức, kỷ luật tự giác rất cao mới có thể làm được như thế. Bọn địch thấy việc làm đó đem lại trật tự vệ sinh trong Nhà đày, nên chúng không dám vin cớ để mở những trận đòn nhằm vào tù nhân trong các bữa ăn như trước.

Theo quy định của Hội tương trợ, từ cuối năm 1932, trong nhà đày đã diễn ra hình thức sinh hoạt kể chuyện và đọc thư. Truyện và thơ do tù nhân sáng tác, phần lớn của tù chính trị là đảng viên Cộng Sản. Một khối lượng thơ ca rất phong phú trong Nhà đày Buôn Ma Thuột được sáng tác trong thời kỳ này. Họ làm thơ trên đường đi đày, trong khi đi làm khổ sai, trong khi bị cùm. Chủ đề các bài thơ nói về cảnh trí Buôn Ma Thuột, tâm trạng người tù, khí tiết của người cách mạng và niềm lạc quan, tin tưởng ở ngày mai của họ.

Buổi kể chuyện đầu tiên được thực hiện ở lao số 3 vào một tối thứ bảy. Có nhiều câu chuyện được kể, nhưng câu chuyện hay nhất, có sức lôi cuốn mọi người là câu chuyện *Giọt máu hồng* [1].

Hình thức sinh hoạt kể chuyện đó đã có tác dụng giáo dục rất lớn: một mặt để giải trí, gây cho tù nhân niềm phấn chấn vượt qua mọi đau đớn vì chế độ nhà tù, vơi bớt nỗi nhớ quê hương, người thân; mặt khác là để giáo dục tinh thần cách mạng, tinh thần cộng sản chủ nghĩa cho tù nhân. Bọn địch thấy rằng những câu chuyện đó rõ ràng là có bản chất chính trị để giữ vững lòng trung thành cách mạng cho tù nhân, cho nên tên quản ngục đánh đập dã man những người tù kể chuyện và phạt giam họ ở nhà lao tỉnh.

Năm 1933, phong trào cách mạng trong nước đang gặp khó

khăn, nhiều cơ sở tổ chức Đảng chưa được khôi phục. Trong Nhà đày Buôn Ma Thuột, tuy có Hội tương trợ tù nhân với những hạt nhân tích cực làm nòng cốt, nhưng vẫn chưa có điều kiện cho việc thành lập những tổ chức có tính chất cao hơn. Để phá việc lập các tổ chức trong nhà đày, phát hiện những người lãnh đạo đấu tranh hoặc tổ chức các buổi sinh hoạt kể chuyện, bọn địch cố mua chuộc một số tù nhân từ nơi khác đến bằng cách hứa giảm án cho họ, biến họ thành những "mật vụ" rồi đưa vào các phòng giam nắm tình hình và cung cấp tin tức. Những tù nhân này được đưa vào các lao 3 và 4, nơi có tù chính trị "nguy hiểm", nhưng chẳng bao lâu đã bị tù chính trị vô hiệu hóa. Khi đến phòng giam, những người tù mật vụ này cũng buộc phải tuân theo những quy định của tù nhân đề ra trong các phòng giam nên họ gặp không ít khó khăn trong việc đưa tin cho địch. Vì vậy, việc làm của họ không có mấy kết quả.

Sau khi những buổi kể chuyện bị theo dõi, người kể chuyện bị đánh đập và phạt giam xà lim thì sự liên lạc giữa tù nhân trong các lao nhà đày chính cũng như giữa tù nhân trong nhà đày chính với nhà lao tỉnh và tù nhân lao dịch trên các công trường ngày càng trở nên khó khăn. Tù chính trị đã nghĩ ra cách làm nhiều báo chép tay để chuyền nhau đọc. Ở các lao trong nhà đày chính, ở nhà lao tỉnh và trong các trại giam trên công trường, ngoài tờ *Yuan – Ê đê* còn có một số tờ báo chép tay xuất hiện như *Tù nhân, Xiềng xích, Xích sắt, Áo xanh*. Nói là tờ báo, nhưng thực ra mỗi tờ báo đó chỉ là bốn trang giấy khổ nhỏ chép tay những bài thơ do tù nhân sáng tác, kêu gọi mọi người đoàn kết chống chế độ ăn uống tồi tệ và đánh đập dã man ở nhà đày và trên các công trường lao dịch.

Đòi cải thiện chế độ ăn uống và bớt cường độ lao dịch, chống sự đánh đập dã man của binh lính, chống phạt giam xà lim và ăn cơm nhạt v.v là những yêu cầu bức thiết trong các cuộc đấu tranh của tù chính trị thời gian này. Hình thức đấu tranh chủ

yếu là lân công, đình công, tuyệt thực

Ngày 22-4-1933, cuộc đấu tranh của tù lao dịch trên công trường km 27 đòi cải thiện bữa ăn, giảm giờ lao động và đòi được tắm rửa hằng ngày vào lúc 9 giờ sáng đã nổ ra. Sau đó, cuộc đấu tranh tương tự lại diễn ra trên công trường km 33, 14 tù chính trị tham gia cuộc đấu tranh này bị phạt biệt giam ở nhà lao tỉnh, nơi những người kể chuyện và đấu tranh trong nhà đày đang bị phạt giam.

Trong thời gian ấy, các nhà lao giam tù chính trị tại nhà đày chính cũng có đợt tuyên truyền vận động chống lính đánh đập. Bắt đầu từ tối ngày 11-5-1933, khi một tù nhân ở lao số 3 bị lính đánh đập, người mang số tù 1190 nói với các bạn tù cùng lao rằng: từ lâu, chúng ta bị đánh, thì tất cả la hét lên cho thanh tra hay quản ngục nghe thấy. Tù nhân mang số tù 1902 nói tiếp: nếu chúng ta kêu, chúng đến hỏi nguyên cớ thì đáp rằng, chúng ta bị lính đánh đập khi đang trò chuyện giải trí, chứ không có mục đích gì khác. Tù nhân số 2187 nói thêm: chúng ta có nghĩa vụ phải bảo vệ mình để giữ sức khỏe. Nếu cứ để đánh đập độc ác thế này mãi thì chúng ta chết mất. Tù chính trị trong nhà đày lại tiếp tục bàn luận. Tối 17-5-1933, tù nhân mang số tù 2000 nói: chúng ta đã quyết định mỗi tuần nói chuyện với nhau ba lần, nhưng nay phải hủy quyết định này. Từ nay các đồng chí chỉ được nói khi nào có những vấn đề quan trọng bậc nhất thôi. Nhưng có hai tù nhân nói: bọn quản ngục đã biết chương trình nói chuyện mỗi tuần ba lần của chúng ta rồi và chúng nó đã phạt ta. Chúng ta cứ theo như cũ, không thay đổi gì cả. Các đồng chí có đồng ý không? Một tù nhân trả lời đầu tiên: đồng ý và sau đó tất cả mọi người đều đồng ý.

Ngày 26-5-1933, để phản kháng chế độ nhốt xà lim và ăn cơm nhạt tàn bạo, 16 tù nhân chính trị biệt giam ở nhà lao tỉnh đã quyết định tuyệt thực. Không ăn uống, họ nằm lăn ra như chết. *Bọn địch nghi các đồng chí Nguyễn Duy Trinh và*

Nguyễn Hữu Tuấn cầm đầu nên bắt hai người nhốt riêng tại trại lính khố xanh ở Buôn Ma Thuột. Sau hai ngày, cuộc tuyệt thực vẫn tiếp diễn, chúng lại bắt tiếp người khác. Đến ngày 28-5, tên Công sứ Đextơnay, Giám binh Môlini và Bônenli vào nhà lao xem xét tình hình và quyết định mời bác sĩ trưởng ở bệnh viện tỉnh vào lao khám cho từng người tù và kê đơn phát thuốc theo thể trạng ốm yếu của họ. Những tù nhân kiệt sức được chuyển ra nhà thương tỉnh. Tuy thế, tất cả 16 tù nhân tuyệt thực vẫn bị phạt giam xà lim để đợi đưa ra tòa án Nam triều xét xử. Không chờ sự phán quyết của tòa án, theo đề nghị của Công sứ Buôn Ma Thuột, ngày 6-6-1933, Chánh mật thám Trung kỳ Xônhi cho phép đày đi Lao Bảo tù nhân cấm cố Hà Thế Hạnh – một trong những người bị tình nghi là cầm đầu cuộc đấu tranh trên công trường làm đường và cuộc tuyệt thực trong xà lim. Lệnh đó được thi hành ngay. Tù nhân đi đày bị còng tay đưa lên ô tô chở đến Nhà lao Quy Nhơn, đợi đưa lên Lao Bảo...

(*) Trích trong sách *Lịch sử Nhà đày Buôn Ma Thuột (1930-1945)*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1991. Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

(1) Xem *Từ khám tù vị thành niên đến trường học Xô Viết- Nghệ Tĩnh*, tr.63-66 (B.T).

Những chiến sĩ Nam Tiến trong những ngày đầu Cách mạng Tháng 8 - 1945

Cách mạng tháng Tám thành công chưa được bao lâu, thì ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, Nam bộ. Nhân dân Nam bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng đã anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ngày 26-9-1945, đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân các tỉnh miền Bắc đã gửi con em mình vào các chi đội giải phóng quân lên đường Nam tiến đánh giặc cứu nước.

Đầu tháng, Ủy ban kháng chiến miền Nam tiếp nhận và phân theo 3 đường: đi Buôn Ma Thuột, PleiKu, Phú Yên. Riêng đi Buôn Ma Thuột có chi đội: Vi Dân, Sơn Nam, Lê Trung Đình. Qua một chặng đường dài hành quân vất vả, ngày 01-12-1945 (27-10 năm Ất Dậu) các chi đội Nam tiến đã đến được thị xã Buôn Ma Thuột. Tại đây, các chiến sĩ đã được Ủy ban kháng chiến địa phương đón tiếp chu đáo và đưa về nghỉ tại khu bảo an (nay là khu Thông tin – Triển lãm tỉnh). Khoảng 12 giờ trưa ngày hôm đó, một chiếc xe jép chở đầy lính Pháp (chúng cải trang đóng giả bộ đội của ta) từ phía Nam theo đường 14 tiến vào Buôn Ma Thuột. Đến khu bảo An, chúng xả súng bắn vào dữ dội. Tuy bị đánh bất ngờ,

nhưng các chiến sĩ của ta đã anh dũng chiến đấu, đẩy lùi được cuộc tấn công của địch. Trong trận đánh này, các chiến sĩ Nam tiến của ta hy sinh 5 đồng chí. Tối hôm ấy, các chi đội Nam tiến bí mật rút về cây số 21 – đường đi Nha Trang. Ngày hôm sau, nhờ có thêm chi viện của lực lượng Nam tiến từ Ninh Hòa lên, các chiến sĩ của ta lại mở cuộc tấn công vào Buôn Ma Thuột, quyết chiếm lại các khu vực trọng yếu ở nơi này. Nhưng vì lực lượng địch đông, vũ khí tối tân, nên sau hơn 3 giờ chiến đấu quyết liệt, các chiến sĩ của ta đành phải rút về nơi tập kết cũ. Hai ngày sau, khi lực lượng đã được củng cố, được chi viện thêm quân từ Khánh Hòa lên, đồng thời phối hợp chặt chẽ với lực lượng địa phương, các chiến sĩ Nam tiến lại mở cuộc tấn công thứ hai vào Buôn Ma Thuột. Lần này bộ đội ta đánh vào khu Nhà Đèn (nay là Sở Điện lực), khu bảo an, khu thông tin, khu hành chính của ngụy... Với "tinh thần quyết tử cho tổ quốc quyết sinh" sau gần một ngày chiến đấu anh dũng bền bỉ, kiên cường, một mất, một còn với giặc, các chiến sĩ Nam tiến đã nhiều lần làm chủ được các cứ điểm trọng yếu, nhưng rồi quân giặc nhờ có tiếp viện bằng máy bay và bộ binh từ Sài Gòn lên, nên đã chiếm lại được các cứ điểm đó. Trời càng về chiều, lực lượng ta càng mỏng (do hy sinh nhiều), nên bộ đội ta đành phải rút về hậu cứ. Trong trận đánh này, quân giặc bị tiêu hao sinh lực khá nhiều, còn ta hy sinh hơn 100 chiến sĩ.

Ngay sau khi ngưng tiếng súng, đồng bào Buôn Ma Thuột đã bất chấp sự đe dọa của kẻ địch, liền bí mật tổ chức chôn cất các liệt sĩ của ta một cách chu đáo và lập bàn thờ các liệt sĩ Nam tiến tại đình Lạc Giao. Có thể nói, các chiến sĩ Nam tiến đã lấy máu đào của mình viết nên trang sử vàng chói lọi của quân dân Buôn Ma Thuột trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.

(Theo lời kể của bác Phạm Thông, chiến sĩ Nam tiến thuộc chi đội Vi Dân)

Buôn Ma Thuột qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp & chống Mỹ

LÊ CÔNG HƯƠNG

1. Từ khi Thực dân Pháp tiến hành xâm lược đất nước ta năm 1858 và thực hiện việc xâm nhập vào DakLak năm 1890, nhiều phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp bùng lên mạng mẽ khắp nơi . Ở tỉnh DakLak nói chung và Buôn Ma Thuột nói riêng, đồng bào các dân tộc không chịu khuất phục đã vùng lên đánh Pháp ở nhiều nơi , tiêu biểu là các cuộc khởi Ama Jhao (1890) ở vùng đông bắc Buôn Ma Thuột, N' Trang Gưh (1890) ở Buôn Trâp, phía nam Buôn Ma Thuột. Đặc biệt là, phong trào đấu tranh của học sinh, viên chức Ê đê thị xã Buôn Ma thuột (1925-1926). Đây là những hoạt động của đồng bào dân tộc tại chỗ với tinh thần yêu nước, chống lại sự xâm chiếm của thực dân Pháp, để giữ gìn đất đai, sông suối núi rừng của tổ tiên ông bà, biểu hiện của tinh thần bất khuất, yêu chuộng tự do hòa bình độc lập.

Tuy nhiên, tất cả các phong trào yêu nước ấy đều thất bại do lực lượng còn nhỏ bé, phân tán, chưa có sự phối hợp chung; Nhưng

cái quan trọng hơn đó là thiếu một đường lối chính trị, một phương hướng lãnh đạo đúng đắn nên cuối cùng đã bị thực dân Pháp đàn áp. Bởi vậy, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3 - 2- 1930 là một bước ngoặt vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, đã chấm dứt hoàn toàn vấn đề khủng hoảng đường lối và vai trò lãnh đạo của phong trào cách mạng ở Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam theo đường lối chủ nghĩa Mác- Lê nin do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, kịp thời đề ra chủ trương đường lối cách mạng đúng đắn và phù hợp, đáp ứng những đòi hỏi chủ yếu và bức thiết nhất đối với tiến trình phát triển của phong trào giải phóng của cả nước. Lúc này, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh DakLak ra đời ngay chính tại thị xã Buôn Ma Thuột lúc bấy giờ, ghi dấu một chặng đường lịch sử vẻ vang, cùng với sự lớn mạnh không ngừng của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

2. Ngày 24 tháng 8 năm 1945, lần đầu tiên nhân dân các dân tộc thị xã Buôn Ma Thuột và tỉnh DakLak được nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng của cách mạng tháng Tám tung bay trên khán đài sân vận động và trong thị xã, báo hiệu một cuộc sống mới, độc lập và tự do, làm thay đổi cuộc đời, thoát khỏi ách nô lệ từ bao đời.

Thị xã Buôn Ma Thuột trước cuộc khởi nghĩa giành chính quyền là một thị xã nhỏ, nhưng có các khu công sở, chợ, trường học, khu ở của công chức, khu công nhân, khu dân cư... Buôn Ma Thuột có nhiều đường phố trải nhựa, trải đá; đời sống nhân dân tuy ổn định nhưng chưa phát triển bao nhiêu.

Từ năm 1904, Pháp dời thủ phủ của DakLak từ Buôn Đôn về Buôn Ma Thuột nhưng mãi đến năm 1930, trong đợt cải cách hành chính toàn Đông Dương, thị xã Buôn Ma Thuột mới chính thức có nghị định được thành lập.. Lực lượng quân sự địa phương có các tiểu đoàn khố đỏ và khố xanh chịu sự cai trị của thực dân Pháp.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Ba giờ sáng ngày 9 tháng 3 năm 1945, tại thị xã Buôn Ma Thuột chỉ có hai trung đội lính Nhật xuất hiện để làm đảo chính, thế nhưng hai tiểu đoàn quân sự khố đỏ, khố xanh; Hệ thống hành chính của Pháp và Bảo Đại đã đầu hàng và đều bị bắt. Đến sáng ngày 10 tháng 3 năm 1945 tất cả binh lính Pháp, chủ đồn điền người Pháp, chánh phó sứ và chỉ huy khố xanh, khố đỏ đều được chuyển về Nha Trang(Khánh Hòa). Lính khố đỏ, khố xanh là người dân tộc phần lớn bỏ chạy về buôn.

Tiểu đoàn khố xanh đổi tên thành tiểu đoàn Bảo an và được Nhật giao quyền chỉ huy cho Y Bih Alêô thay cho Nguyễn Sỹ Tuấn chỉ huy đơn vị cũ đã đi Sài Gòn.

Nhà đày Buôn Ma Thuột có các chiến sỹ cộng sản bị giam giữ được đồng bào Buôn Ma Thuột ủng hộ. Từng đoàn quần chúng ở đồn điền, các làng buôn và nhân dân thị xã đã phát động phong trào đấu tranh đòi thả tù chính trị, trả lại người thân bị tù tội, anh em tù nhân cũng vận động số cai ngục tích cực, cô lập bọn ngoan cố, đấu tranh đòi mở cửa nhà tù.

Ngôi nhà của tỉnh trưởng tỉnh DakLak Nguyễn Sỹ Túc cũng bị công chức, trí thức yêu nước kéo đến đấu tranh đòi thả tù chính trị...

Tháng 4 năm 1945, trước áp lực mạnh mẽ đó, bọn Nhật phải mở cửa nhà giam, trả tự do cho tù chính trị. Một cuộc đón tiếp của đồng bào với anh em tù chính trị đã diễn ra tại thị xã Buôn Ma Thuột vô cùng cảm động.

Các tù nhân chính trị được thả đã mở cuộc vận động, giác ngộ cách mạng, kịp thời tạo nên một luồng sinh khí mới khắp thị xã Buôn Ma Thuột, các Hội đồng hương, Hội cứu tế, Hội truyền bá chữ quốc ngữ được hoạt động công khai trở thành nơi tuyên truyền cách mạng, những thanh niên trung kiên được phát triển vào tổ Việt Minh. Đồng chí Phan Kiệm và Nguyễn Trọng Ba, trước

là tù chính trị, nay đã trở thành người chỉ đạo phong trào cách mạng ở DakLak, là cầu nối giữa Xứ ủy Trung kỳ với DakLak. Nhờ đó mà tình thế cách mạng ở DakLak đã phát triển nhanh và rộng trong nhiều vùng như: ở các đồn điền dọc đường 21(nay là đường 26), đặc biệt là đồn điền CaDa hầu hết công nhân và thanh niên đồn điền được giác ngộ, sớm hình thành những hạt nhân nòng cốt đi tuyên truyền giác ngộ trong quần chúng. Từ những cơ sở nòng cốt này, đội tự vệ CaDa đã hình thành, ngoài vũ khí thô sơ, lực lượng tự vệ CaDa còn được trang bị thêm lựu đạn do binh sỹ người Ê đê cung cấp và một tiểu đội lính Ê đê được giác ngộ đã tự nguyện giao toàn bộ vũ khí cho lực lượng tự vệ.

Sáng ngày 19 tháng 8, cờ cách mạng đã đỏ rực tung bay trên cột cờ trước trụ sở Ủy ban cách mạng của đồn điền CaDa. Lần đầu tiên, lá cờ đỏ cách mạng phấp phới trên các đồn điền dọc theo quốc lộ 21. Sau này ông Phan Kiệm nhớ lại rằng, chúng tôi biết thời cơ đã đến nơi rồi nên tính toán là cho khởi nghĩa ở vùng đồn điền trước như đồn điền 24, đồn điền 29, đồn điền 17... cũng với hình thức là tổ chức mít tinh, dùng cờ xí, biểu ngữ và Ủy ban Việt Minh ra mắt. Nghĩa là chuẩn bị ở cơ sở rồi sau đó mới tổ chức ở thị xã Buôn Ma Thuột .

Đội ngũ công nhân kiên cường của đồn điền CaDa và các đồn điền trong khu vực nhờ có sự dìu dắt của những người tù chính trị ở nhà đày Buôn Ma Thuột đã trở thành cơ sở vững chắc của cách mạng ở DakLak.

Thời cơ đã đến, đêm 20 tháng 8 năm 1945 một cuộc họp bí mật được diễn ra ở Buôn Ma Thuột và hình thành một Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Phan Kiệm làm trưởng ban. Cuộc họp đã bầu ra Ủy ban nhân dân lâm thời do đồng chí Phạm Sỹ Vinh làm chủ tịch, và bầu ra Ủy ban Việt Minh do đồng chí Phan Kiệm làm chủ nhiệm.

Kế hoạch khởi nghĩa đã được vạch ra, và đã được phân công

cụ thể cho từng người thực hiện. Ngày hôm sau, cuộc mít tinh ở sân vận động do tên Tôn Thất Hối tổ chức nhằm dựng nên một chính quyền mới. Bằng lối tương kế, tựu kế các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã huy động được lực lượng quần chúng ở các đồn điền xung quanh thị xã xâm nhập vào cuộc mit tinh... quần chúng của ta giấu kín cờ, khẩu hiệu, vũ khí trong người, ta cài người vào lực lượng bảo an, bên ngoài ta chủ động triển khai lực lượng chặn địch ở các nơi hiểm yếu. Khi tên Tôn Thất Hối và Nguyễn Sỹ Túc bước ra diễn đàn liền bị lính bảo an là người của ta bắt giữ. Đồng chí Phan Kiệm, nguyên là một tù chính trị ở nhà đày Buôn Ma Thuột, và giờ đây đồng chí là Chủ nhiệm Ủy ban Việt Minh của tỉnh DakLak, bước ra sân khấu tuyên bố lệnh khởi nghĩa của Việt Minh và diễn thuyết với đồng bào về tình hình chung của cách mạng và chương trình của Việt Minh... Sau khi công bố danh sách các ủy viên Ủy ban nhân dân cách mạng, đồng bào đi dự mít tinh hô to các khẩu hiệu:" Việt Nam hoàn toàn độc lập"," Hoan hô Việt Minh", " Hoan hô chính quyền cách mạng"," Đả đảo đế quốc Pháp và bọn thân Nhật" cùng với những tiếng hô là lá cờ đỏ bay phấp phới cùng hàng trăm lá cờ khác. Cuộc mít tinh đã biến thành cuộc tuần hành vũ trang cách mạng.

Ở Buôn Ma Thuột, Việt Minh đã làm chủ tình hình, Cách mạng đã toàn thắng. Niềm vui ngời lên trên mỗi khuôn mặt của người dân đi dự mít tinh hôm đó, Cách mạng tháng Tám đã đổi đời cho người dân Việt Nam rồi.

Những ngày đầu của cuộc vận động Cách mạng tháng Tám kỳ diệu và lịch sử trong cả nước nói chung và ở DakLak nói riêng gắn liền với quá trình lãnh đạo giành độc lập dân tộc của Đảng bộ tỉnh DakLak.

3. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, mặc dù công việc bộn bề, vừa phải lo củng cố chính quyền non trẻ, vừa phải chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp quay lại đánh chiếm nước ta sau sự kiện 23 tháng 9 năm 1945 ở Nam bộ, nhưng tháng 10

năm 1945, tỉnh DakLak vẫn tổ chức được một cuộc liên hoan đoàn kết các dân tộc, dưới hình thức một cuộc hội chợ triển lãm. Hội nghị liên hoan đoàn kết các dân tộc diễn ra trong ba ngày tại khu Biệt điện bây giờ, nội dung chủ yếu của cuộc liên hoan xoay quanh vấn đề các dân tộc anh em đoàn kết chặt chẽ với nhau để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, sẵn sàng đứng lên chống thực dân Pháp nếu chúng đánh chiếm DakLak. Đông đảo đại biểu đại diện cho bà con các dân tộc trong tỉnh, đặc biệt có cả đoàn đại biểu dân tộc các tỉnh Nam Trung bộ tham dự.

Các sản vật của địa phương được trưng bày tại cuộc liên hoan, hội chợ triển lãm đã cho thấy khả năng tiềm tàng, phong phú trong việc phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Các cuộc vui chơi, đá bóng, thi bắn nỏ, đua ngựa, đua voi...được tổ chức để cổ vũ tinh thần thượng võ, trí sáng tạo, thông minh của thanh niên các dân tộc trong tỉnh.

Hội nghị Liên hoan đoàn kết các dân tộc trong tỉnh đã giải quyết được các vấn đề nghi kỵ và hiểu lầm nhau do những luận điệu xảo quyệt của địch gây ra giữa dân tộc này với dân tộc khác như: nói xấu Việt minh, nói xấu cộng sản, chia rẽ người kinh và người thượng...xóa bỏ mối tỵ hiềm giữa các dân tộc anh em, giữa người M'nông và người Ê đê...

Các đại biểu đến dự Hội nghị liên hoan đã phân biệt rõ được phải, trái, đúng, sai và xác định thái độ, tỏ rõ quyết tâm sẽ trở về địa phương tuyên truyền, giáo dục quần chúng các dân tộc, tăng cường sự đoàn kết kinh - thượng, đoàn kết với đồng bào cả nước để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, tăng gia sản xuất, học tập văn hóa, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi chúng xâm lược đất nước ta và tỉnh ta.

Hội nghị đã đặt tên một con đường - đại lộ lớn nhất Buôn Ma Thuột lúc bấy giờ là Ama Trang Lơng; Khu học xá Pháp - Đê

mang tên Angtômachi được đổi thành khu học xá Y Jut - tên vị giáo chức yêu nước người Ê đê chống Pháp; Xây dựng một đài kỷ niệm (khu nghĩa trang Phan Bội Châu hiện nay) để tưởng nhớ tới các tù chính trị, các chiến sỹ cộng sản đã bị thực dân Pháp sát hại do chế độ nhà tù độc ác, đài kỷ niệm mang dòng chữ : *"Ghi nhớ các chiến sỹ vì công cuộc giải phóng cho nước nhà mà đã bỏ mình tại nhà lao Buôn Ma Thuột"*.

Chính quyền cách mạng cũng đã tuyên bố xóa bỏ mọi chính sách thuế khóa của chính quyền cũ đặt ra, nhất là việc bãi bỏ thuế thân, bãi bỏ chế độ đi xâu đồn điền - một biến dạng của chế độ nô lệ hết sức khắc nghiệt đối với người Ê đê và M'nông. Đời sống của đồng bào các dân tộc được cải thiện, mối quan hệ giao thương, trao đổi sản phẩm được phát triển. Các cán bộ cách mạng đã vận động hướng dẫn đồng bào tăng gia sản xuất, thực hiện cứu tế người nghèo tại các buôn làng... nhờ vậy mà đời sống của đồng bào các dân tộc đã được cải thiện đáng kể, giảm bớt một phần khó khăn thiếu thốn.

Liên hoan các dân tộc và Hội chợ triển lãm lần đầu tiên tại Buôn Ma Thuột của chính quyền cách mạng tỉnh DakLak đã kịp thời cổ vũ động viên các dân tộc tin vào chính quyền cách mạng và Hồ Chủ Tịch. Động viên cổ vũ sự lao động sáng tạo, phát huy khả năng tiềm tàng của tỉnh nhà, tập hợp đồng bào các dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, sát cánh cùng nhau bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng non trẻ trong những ngày đầu mới thành lập.

4. Khi Thực dân Pháp nổ súng ở Nam bộ ngày 23-9-1945, đánh chiếm trở lại nước ta. Một cuộc chiến đấu của nhân dân ta đã diễn ra khắp nơi, chặn từng bước tiến của địch, bảo vệ từng con đường, góc phố, phòng tuyến(mặt trận), để bảo toàn lực lượng và bảo vệ những thành quả của Cách mạng tháng Tám, đem lại sự tin tưởng trong nhân dân sau cuộc bầu cử Quốc hội lần thứ 1, Ủy ban Hành chính kháng chiến miền Trung Trung Bộ đã ra

quyết định thành lập Phân ban quốc dân thiểu số miền Nam (thay cho Ban vận động quốc dân thiểu số.) Con em đồng bào các dân tộc ở thị xã Buôn Ma Thuột đã hăng hái tham gia Tiểu đoàn quốc dân thiểu số, sau đổi thành Tiểu đòan N' Trang Lơng trở về chiến đấu , giữ vững phong trào cách mạng trên quê hương mình .

Đêm 19-12-1946, Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến vang lên trong cả nước đã được nhân dân nhất tề đứng lên hưởng ứng. Như lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: "*Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu nước*". Cũng từ đây ta bước vào thời kỳ mới, cùng cả nước thực hiện "Lời kêu gọi Tòan quốc kháng chiến",một thời kỳ gian khổ giành giật quyết liệt với địch trên từng mảnh đất, từng người dân, mở rộng xây dựng cơ sở, xây dựng căn cứ cách mạng, từng bước tiến công địch, giành thắng lợi từng phần tiến lên giành thắng lợi toàn diện trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai trên Tổ quốc ta.

Để chuẩn bị triển khai công tác gây cơ sở phát động chiến tranh du kích, cùng với các huyện Dăk mil và Lăk, huyện Buôn Ma Thuột cũng bắt đầu hình thành Ban cán sự Đảng huyện. Về phân công bố trí lực lượng : Các huyện được sắp xếp lại thành sáu khu hoặc hạt ở mỗi khu hoặc hạt tùy theo yêu cầu bố trí các đội vũ trang tuyên truyền và các đại đội độc lập để xây dựng cơ sở chính trị và phát động chiến tranh du kích. Đối với những xã đã có cơ sở tương đối vững thì bố trí một đội công tác gồm có cán bộ đảng, cán bộ vận động chính quyền, cán bộ công an và một tổ bộ đội ... Để củng cố cơ sở đưa phong trào tiến lên. Ở khu VI tức huyện và thị Buôn Ma Thuột bố trí đội VT3. 125 và đại đội độc lập 18. Đến tháng 5 năm 1951, một đội công tác lên hướng thị xã Buôn Ma Thuột chia làm hai bộ phận, một bộ phận đi vào các buôn đồng bào dân tộc dọc đường 21, một bộ phận bám vào các

đồn điền bắt liên lạc với các cơ sở cũ và phát triển vào thị xã Buôn Ma Thuột . Ở những nơi này ta lại gây được cơ sở bí mật trong các đồn điền từ km 47 trở lên, trong nội thị và các buôn làng phía Bắc thị xã và cũng đã rút được một số công nhân đồn điền có nguy cơ bị lộ về vùng tự do đi đào tạo học tập. Các cơ sở chính trị được mở rộng ra hầu khắp các vùng, bao quanh thị xã Buôn Ma Thuột và ngay trong nội thị Buôn Ma Thuột.

Sau chiến thắng Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ, ngày 8 tháng 5 năm 1954 phái đoàn ta tham gia Hội nghị Giơ ne vơ với tư thế là một dân tộc chiến thắng. Ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơ ne vơ về Việt Nam được ký kết, thế nhưng đế quốc Mỹ đã đơn phương xoá bỏ hiệp định Giơ ne vơ, chúng dựng lên tổng thống Ngô Đình Diệm, lập chính quyền ở miền Nam. Khi Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền đã ra sắc lệnh bãi bỏ chế độ "Hoàng triều cương thổ" ở Tây Nguyên do vua Bảo Đại ký. Về hành chính, sáp nhập Tây Nguyên vào lãnh thổ Trung phần, thiết lập chính quyền thân Mỹ. Buôn Ma Thuột được đổi thành quận Hòa Bình và dời xuống Hòa Bình(khu vực xã Hoà Thắng hiện nay); bổ nhiệm quận trưởng, xã trưởng và Ban đại diện. Khu vực nội thị gọi là xã Lạc Giao, đổi thành Châu Thành Lạc giao (tháng 2 năm 1957 thành lập xã Lạc Giao) gồm 8 ấp, quận Buôn Ma Thuột. Về quân sự, chúng biến Buôn Ma Thuột thành một trung tâm quân sự , lập đệ tứ quân khu, tổ chức lực lượng địa phương quân đến cấp quận, hình thành trung đoàn 45. Năm 1963 – 1964, đặt sư đoàn 23 tại Buôn Ma Thuột, từ đây khống chế cả vùng rộng lớn Tây Nguyên như các trung đoàn 45, trung đoàn 53 ở Buôn Ma Thuột, trung đoàn 47 ở Quảng Đức(tỉnh Dăk Nông hiện nay)

Về phía ta, trên địa bàn Buôn Ma Thuột, Tỉnh uỷ Dak Lak đã chỉ đạo bố trí cán bộ ở lại; Ban cán sự Đảng Buôn Ma Thuột đã hình thành, trải qua nhiều thời kỳ hoạt động ngay trong lòng thị xã Buôn Ma Thuột, vùng H6 (nam Buôn Ma Thuột) H5(bắc Buôn

Ma Thuột hay tây Buôn Hồ); đã xây dựng các cơ sở Đảng, cơ sở nội tuyến hoạt động hợp pháp trong thị xã và trong các cơ quan tỉnh, cơ quan quân sự của địch, hoà mình vào quần chúng để lãnh đạo cách mạng và vận động quần chúng cung cấp nhân tài, vật lực, tiền của ủng hộ cách mạng, tạo nên khí thế đấu tranh quyết liệt trong mùa xuân 1968, và cho cả đến mùa xuân 1975.

5. Năm 1968, tại Thị xã Buôn Ma Thuột, nơi diễn ra ác liệt nhất về cả đấu tranh quân sự lẫn đấu tranh chính trị. Đúng 1 tiếng sau khi giao thừa, lực lượng ta bất ngờ tấn công vào thị xã Buôn Ma Thuột. Cuốn sách xuất bản của Bộ quân lực Sài gòn, in bằng tiếng Việt - Anh - Pháp *Loffénive Generale Dés Vietcong Tết Mậu thân 1968 Ban me thuột* thú nhận " Bất ngờ đúng 1 giờ 35 phút Việt cộng mở cuộc tấn công vào thị xã ... chia quân tiến công vào thị xã theo hai hướng Tây bắc và Đông nam".

Mũi tấn công quân sự của ta từ hướng Đông nam theo hướng Ea nao, Trung đoàn 33, D39 đặc công Mặt trận Tây Nguyên, D34 DKB chủ lực của ta tấn công vào khu quân sự, khu hành chính của địch gồm Bộ tư lệnh sư đoàn 23, Tòa hành chính, Tiểu khu DakLak, Đại đội 514 vận tải. Khi giao thừa vừa xong thì pháo của D34 DKB của ta bắn ồ ạt vào Bộ tư lệnh sư đoàn 23, dinh Tỉnh trưởng DakLak, Phi trường L19, Bộ chỉ huy Trung đòan 45.

Trước đó ít phút, Trung đoàn 33 Mặt trận Tây Nguyên đã mở cuộc tấn công bằng bộ binh, bí mật áp sát các mục tiêu quan trọng của chúng như Bộ tư lệnh sư đòan 23, đại đội 514 vận tải, cư xá sĩ quan, đại đội 2 quân cảnh, Tòa hành chính, dinh Tỉnh trưởng, trung tâm huấn luyện nghĩa quân và có mặt tại các khu phố trong thị xã từ hướng Tây Bắc các lực lượng chủ lực của tỉnh DakLak, tiểu đoàn 301 tấn công ác liệt vào tiểu khu DakLak. Bọn địch ở đây cũng mong chờ lực lượng đến cứu viện.

Các đơn vị trực thuộc của tiểu đòan 301 tiếp tục tiến công và chiếm được tòa Hành chính tỉnh, Ty ngân khố, Sở hành chính của địch và trung đoàn 33 (E33) đánh chiếm đài phát thanh và

phá hủy 200 xe quân sự của địch, làm chủ hầu hết các khu phố, đồng thời tấn công vào đồn cảnh sát tại chợ Buôn Ma Thuột làm 4 tên chết, 5 tên bị thương và nhiều tên bỏ chạy. Tiểu đoàn 401 tấn công vào khu pháo binh, thiết giáp. Lực lượng địch trong thị xã tổ chức phản kích, các đơn vị E45, D2, D3, Đại đội 45 kéo về cứu viện, các lực lượng tác chiến khác của chúng như đại đội 413, C409 thám kích, C23 trinh sát, C23 biệt động quân và C702 biệt động quân, thiết đoàn 8 kỵ binh của địch cũng tổ chức phản công.

Vào lúc 3 giờ 35 phút tối, thiết đoàn 8 kỵ binh mở cuộc tiến công. Đoàn xe của chúng vừa mới ra khỏi trại thì bị ta dùng B40 bắn cháy một chiếc. Chúng vẫn tiếp tục phản công, khi chúng đến Ty ngân khố thì ta bắn cháy thêm một chiếc thiết quân vận. Thiết đoàn này mở cuộc phản kích quy mô hơn ra các khu vực thị xã hòng đè bẹp lực lượng bộ đội ta. Trên đường đi đã bị ta bắn cháy một chiếc trên đường Hoàng Diệu, một chiếc tại cổng số 1. Dù vậy, bọn địch vẫn ra sức chống giữ cho đến sáng hòng chiếm giữ và phong tỏa các địa điểm ta đã chiếm được. Sáng Mồng 1 tết, tại cây số 12 Đại đội 45 của địch bị ta chặn đánh ngay trên đường về tiếp cứu.

Khu vực nội thị bọn địch ra sức phản kích nhưng hoàn toàn bất lực. Đại đội 413 của địch tiến công hòng chiếm lại Ty ngân khố do ta đánh chiếm được nhưng chúng không đạt được kết quả. Tại Đài phát thanh DakLak địch cũng điều thêm một chi đội chiến xa mong giải tỏa áp lực của ta, cũng bị ta đánh cháy 4 chiếc M41. Lực lượng ta đã làm chủ toàn bộ các khu vực quan trọng. Trung tâm huấn luyện nghĩa quân bị Trung đoàn 33 khống chế và tiến công.

Nhiều đơn vị cơ động của địch như Tiểu đoàn 2, Tiểu đoàn 3 phản công từ phía ngoài vào sau lưng ta, cũng bị ta đánh bật ra cách thị xã Buôn Ma Thuột về hướng buôn Kao.

Mũi tấn công chính trị của thị xã Buôn Ma Thuột bước vào

trận tràn trề không khí phấn khởi, tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng. Vào lúc 0 giờ 40 phút ngày 29-1-1968, đúng lúc giao thừa, các mũi tiến công chính trị được cơ sở nội tuyến hướng dẫn tiến thẳng vào khu vực nội thị, tràn vào hết các khu vực, tấn công vào các cơ sở đầu não của địch. Theo sự phân công từ trước, cơ sở nội tuyến cầm nhang tỏa ra khắp các ngả đường để tiếp đón lực lượng bên ngoài. Cán bộ được đón vào chỉ huy sở, bộ đội được đưa vào các điểm tiến công ... Ở cánh nam, giao liên đốt lửa hiệu cho bộ đội từ buôn Kom Leo xuyên rừng đến mục tiêu. Trong nội thị, cờ đỏ sao vàng đã treo khắp nơi trên các đường phố và trụ sở xã ấp. Truyền đơn cũng được quần chúng rải để kêu gọi ngụy quân, ngụy quyền phản chiến ...Có nơi quần chúng đã tổ chức mít tinh, thu vũ khí của địch. Tại ấp 3, trong khi tiểu đoàn 301 của ta tấn công và bám trụ suốt ngày mồng 1, thì lực lượng K2 của H6 gồm 7 đồng chí đã hỗ trợ lực lượng chính trị phối hợp đồng bộ treo cờ Mặt trận, biểu ngữ khắp khu vực ấp 3, và cả các ấp 4 , ấp 5, trụ sở xã Lạc Giao, trường A Dục, chùa Kỳ Viên, trường Lam Sơn, hai bên đường Võ Tánh, Hàm Nghi, nhiều tên tề, điệp xã ấp bị bắt. Tại chùa Khải Đoan, nhà thờ trung tâm, vườn cây cao su cây số 3 hàng ngàn quần chúng tập trung nghe tuyên truyền đường lối cách mạng.

Cuộc chiến đấu diễn ra ngày càng ác liệt, cho đến mồng 3, mồng 4 tết địch củng cố lực lượng phản kích lại ta. Hai bên giành nhau trên từng ngả đường góc phố. Các cơ sở nội thị vẫn kiên trì tiếp tế cho từng mũi chiến đấu, nuôi dưỡng, cứu chữa, chuyên chở thương binh ra ngoài. Các cơ sở nội tuyến bên trong căn cứ của địch tự tìm cách đánh, bằng cách bỏ đất đá vào pháo, vào súng địch. Các đoàn đấu tranh chính trị đã phối hợp, hỗ trợ cho các mũi tiến công quân sự từ H3, H4, Ea kao, H8 , H9 ở phía đông thị xã với không khí cách mạng bừng bừng và khẩu hiệu giành chính quyền về tay cách mạng, " Đả đảo đế quốc Mỹ và bọn tay sai"... Nhiều đồng bào đã hy sinh khi địch dùng súng bắn thẳng vào đoàn biểu tình, nhiều cán bộ phụ nữ H8, H9 đã hy

sinh trong cuộc chiến đấu này, mà chói ngời là Má Hai (Liệt sĩ Huỳnh Thị Hường, đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang), chị Mười...

Lần đầu tiên kể từ sau phong trào đồng khởi của Cách mạng miền Nam, phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc DakLak đã được quần chúng hỗ trợ cho các lực lượng chính trị, quân sự vào trung tâm một thị xã lớn đảm bảo yếu tố bí mật, bất ngờ, an toàn.

Nhân dân miền Nam nói chung và nhân dân Dak lak - Buôn Ma Thuột nói riêng phải trải qua 5 chiến lược chiến tranh của Mỹ, cuộc đấu tranh của quân và dân Buôn Ma Thuột dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, đã diễn ra suốt 21 năm vô cùng ác liệt và anh dũng. Cuộc đấu tranh quyết liệt trong mùa xuân 1968 của quân và dân thị xã Buôn Ma Thuột đã giúp cho phong trào cách mạng của Dak Lak chủ động tạo thế và lực mới, táo bạo, bất ngờ, giành ngay thắng lợi trong trận mở đầu của mùa xuân 1975.

6. Năm 1975, thị xã Buôn Ma Thuột nơi sẽ diễn ra trận đánh lịch sử, địch có 2 trung đoàn Cộng hòa E45 và E53, liên đoàn biệt động 21, 2 pháo đội, các lực lượng cơ quan và các binh chủng xung quanh sư bộ 23, 1 liên đoàn bảo an gồm 3 tiểu đoàn. Tại đây có nhiều khu vực trọng yếu được địch bảo vệ chặt chẽ, coi là khu vực trọng yếu đó là hậu cứ sư đoàn 23, tiểu khu DakLak, khu hành chính tỉnh, sân bay thị xã, sân bay Hòa Bình, hậu cứ E45 và E53, khu thiết giáp, khu pháo binh, khu kho Mai Hắc Đế... và hệ thống cứ điểm bảo vệ thị xã từ xa. Hệ thống tề ngụy từ thị xã tới tận phường, khóm đều hoàn chỉnh, kèm kẹp dân rất chặt chẽ.

DakLak là tỉnh có phong trào cách mạng phát triển tương đối mạnh, có cơ sở hoạt động bên trong , có cơ quan đơn vị thị xã, huyện, các đội công tác và các vùng căn cứ tỉnh , huyện. Quanh thị xã có 3 căn cứ lõm ở các đồn điền phía Đông, ở Ea Na (Krông Ana) phía nam và Đạt Lý 2 (xã Hòa Thuận) ở phía Bắc

thị xã Buôn Ma Thuột, các cơ sở có trên 400 cơ sở chính trị, 150 du kích mật ở các căn cứ lõm, ở thị xã Hậu Bổn, vùng H3-H7 cũng có phong trào mạnh..

Các lực lượng vũ trang trong tỉnh cùng với đồng bào các dân tộc cũng quán triệt, phối hợp giúp đỡ bộ đội, bảo vệ kho tàng, tiến tới giải phóng các huyện trong tỉnh, tạo điều kiện cho chủ lực rảnh tay đánh vào thị xã, các huyện lị then chốt.

Ngoài các Sư đoàn 10, 320, Trung đoàn 958, Trung đoàn cao xạ 232, E công binh 575, còn có sự tham gia của đại đội 303. 12000 đồng bào trong tỉnh, 1000 du kích địa phương cùng đồng bào tham gia tải hàng ngàn tấn đạn vào địa điểm tập kết chiến dịch.

Cùng với các Sư đoàn chủ lực của Trung ương, ngày 8/3/1975 các đội công tác, cơ sở bí mật và đồng bào các dân tộc H3- H7 (Phú Nhơn, Phú Thiện) đã nổi dậy đánh tan rã một trung đội nghĩa quân. Cùng ngày gần 2.000 đồng bào và đội công tác (ở Bắc Buôn Ma Thuột) nổi dậy tiêu diệt ác ôn ở buôn Dung, vận động một trung đội nghĩa quân theo Cách mạng. Ngày 9/3/1975 ở Sapar (Đức Lập - thuộc tỉnh Dăk Nông hiện nay) lực lượng vũ trang và quần chúng đã đồng loạt làm tan rã hai trung đội nghĩa quân, lực lượng phòng vệ dân sự hoảng sợ nộp súng phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch giải phóng quận Đức Lập.

2 giờ 03 phút ngày 10-3-1975 [1] từ các hướng quân ta nổ súng tấn công vào thị xã . Bộ đội đặc công đánh sân bay thị xã, đánh khu kho Mai Hắc Đế, bộ binh đánh sân bay Hòa Bình. Các đơn vị khác dùng hỏa tiễn H12, ĐKB và các cụm pháo tập trung bắn vào Sư bộ 23 cho đến sáng. Sáng 10 - 3, từ hướng bắc bộ binh có xe tăng phối hợp đánh vào ngã sáu. Địch dùng xe tăng và máy bay phản kích quyết liệt. Xe tăng của ta đã bắn cháy xe tăng địch, tiến vào làm chủ ngã sáu, phát triển đánh chiếm tiểu khu tỉnh DakLak.

Từ hướng Tây Bắc ta đánh vào Sở chỉ huy khu kho Mai Hắc

Đế, đánh chiếm cứ điểm Chư Ebur(Čư Ebur), Chư Dluê(Čư Dluê)... phá hệ thống cứ điểm án ngữ vòng ngoài thị xã, địch phản công quyết liệt. Ở hướng Tây quân ta đánh chiếm doanh trại tiểu đòan quân y và áp sát căn cứ Sư bộ 23 địch. Ở hướng Nam ta đánh vào Khu Hành chính, Khu Tiếp vận, Sở Thú y, Ty Ngân khố, Khu cư xá sĩ quan và đánh chiếm quận lỵ Hòa Bình.

Trong ngày 10-3 địch đã dùng hơn 73 lần máy bay oanh kích, bắn phá ngăn chặn và dùng cả bộ binh, pháo binh oanh kích. Ta đã bắn rơi 6 máy bay AD6, tiêu diệt nhiều lực lượng địch. Đến 10 giờ ngày 11-3-1975 ta đã làm chủ được các mục tiêu và chiếm lĩnh Sư bộ 23. Cờ Mặt trận dân tộc giải phóng đã được kéo lên cột cờ của Sư bộ 23.

Đến 16-3 lực lượng chủ lực ta tấn công tiêu diệt căn cứ trung đòan 53 (E53), ngày 17-3 ta tiêu diệt hoàn toàn căn cứ, bắt 300 tù binh, thu toàn bộ vũ khí và quét sạch toàn bộ đồn bót địch ở thị xã Buôn Ma Thuột.

Bị thất bại nặng nề, địch phản ứng điên cuồng, ngày 19-3 chúng dùng máy bay thả bom vào các khu đông dân cư làm chết và bị thương trên 200 đồng bào.

Chỉ sau vài tiếng đồng hồ khi ta bắt đầu tiến công, ngày 11-3-1975 đoàn cán bộ chính trị thị xã do Bí thư thị ủy Buôn Ma Thuột Tô Tấn Tài (Ama H'Oanh) cùng hơn 83 đồng chí được phân công vào nội thị đã tới các phố, các khu dân cư, cùng cơ sở cách mạng phát động phong trào quần chúng, kêu gọi những người chạy tản cư trở về và kêu gọi tề ngụy ra trình diện. Bên cạnh việc truy bắt bọn tề ngụy, ác ôn còn ẩn nấp trong thị xã, diệt các ổ đề kháng của địch thu gom vũ khí, thanh niên thị xã cùng với bộ đội tham gia truy bắt bọn ác ôn. Học sinh làm nhiệm vụ canh gác công sở, giữ gìn trật tự các đường phố. Chị em phụ nữ tích cực đưa cơm nước cho bộ đội, chăm sóc thương binh, kêu gọi những người thân đi lính cho địch trở về. Anh em công nhân nhà máy nước, nhà máy điện bắt đầu sửa chữa hệ thống

điện nước để sớm phục hồi sinh hoạt bình thường cho nhân dân thị xã. "Hầu hết nhân dân thị xã ở lại với cách mạng. Chợ họp, bệnh viện hoạt động trở lại, sau hai ngày, thị xã đã được cấp nước. Các tầng lớp nhân dân họp mít tinh mừng quê hương được giải phóng. Hăng hái nhất là giới công nhân và thanh niên học sinh, nhiều người tự nguyện xung phong đi làm vệ sinh đường phố, sửa chữa đài phát thanh, sửa chữa điện nước, tham gia giữ gìn trật tự an ninh" (Đại thắng mùa xuân, Đại tướng Văn Tiến Dũng).

Trước tiên là ra mắt chính quyền cách mạng vào ngày 18 - 3 - 1975 Ủy ban quân quản thị xã do đồng chí Đại tá Y Blôk Êban, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBLT CM tỉnh DakLak làm Chủ tịch ra mắt trước hơn 300 đồng bào thị xã tại đình Lạc Giao. Ủy ban đã kịp thời lo ổn định tình hình, xuất kho gạo cấp phát cho nhân dân, xây dựng chính quyền cơ sở. Các đoàn công tác tiếp quản các ngành, cùng với Khu 5 tăng cường đã triển khai các mặt công tác ổn định tình hình, đời sống cho nhân dân. Khi thị xã bị địch dùng máy bay thả bom, đã tổ chức lực lượng lo chôn cất, cứu chữa những người bị thương, kêu gọi y bác sĩ chế độ cũ trở lại bệnh viện lo cứu chữa cho dân, chuẩn bị kế hoạch cho thị xã đề phòng địch phản kích. Các buôn làng chung quanh thị xã cũng đã nổi dậy, lập chính quyền cách mạng.

Từ ngày 11/3 trở đi lực lượng vũ trang đã tiến công địch ở các huyện còn lại trong tỉnh để hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy giành quyền làm chủ.

7. Buôn Ma Thuột, trận đánh lịch sử đã tạo nên "Khúc nhạc dạo đầu" then chốt mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên và cuộc tổng tiến công nổi dậy toàn miền Nam giành thắng lợi.

Chiến thắng mùa xuân năm 1975 ở Buôn Ma Thuột - DakLak là bài ca hào hùng về lòng dũng cảm của đồng bào các dân tộc, dưới sự lãnh đạo tuyệt vời về nghệ thuật quân sự của Đảng, bằng sức mạnh của khối đoàn kết, lòng tin tưởng tuyệt đối vào